MAILINH GROUP

MAILINH - Màu xanh cuộc sống !

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAILINH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

THÔNG ĐIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2

BỐI CẢNH THỊ TRƯỜNG 4

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 9

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 15

III. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT 18

IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 22

1. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2010 22

2. Báo cáo tình hình tài chính 26

3. Báo cáo tình hình nhân sự 29

4. Các tiến bộ đạt được 30

5. Kế hoạch phát triển 2011 32

V. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN 38

1. Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty 38

2. Công ty có quyền biểu quyết trên 50% 38

VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ 48

1. Cơ cấu tổ chức: 48

2. Lý lịch của các thành viên Ban điều hành 49

3. Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách đối với người lao động 51

4. Thay đổi Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng 53

5. Kế hoạch nguồn nhân lực năm 2011 53

VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY 55

1. Thông tin Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc 55

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn 57

MAILINH GROUP

MAILINH - Màu xanh cuộc sống !

THÔNG ĐIỆP CỦA
CHỦ TỊCH HĐQT

THÔNG ĐIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông,

Có thể nói năm 2010 là "điểm đáy" của khủng hoảng kinh tế thế giới nói chung và là một năm cực kỳ khó khăn đối với kinh tế VN nói riêng. Lạm phát, giá tiêu dùng, giá xăng dầu tăng cao, giá vàng, giá ngoại tệ cũng nhiều biến động. Lãi suất cơ bản tăng, lãi suất cho vay từ 18% có lúc tăng lên đến 24%. Tất cả những yếu tố đó, đặc biệt là giá nhiên liệu ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải.

Trong khi đó, cạnh tranh trên thị trường vận tải lại ngày càng khốc liệt, đòi hỏi các doanh nghiệp phải năng động hơn, phải đầu tư nhiều hơn cho phương tiện và công nghệ.

Công ty CP Tập đoàn Mai Linh (MLG), năm 2010 là một năm có nhiều cố gắng, toàn thể CBNV đều quyết tâm cao, phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2010.

Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBNV đã cùng nhau vượt khó, tiết kiệm tối đa, phát huy nội lực, đầu tư phương tiện, tinh gọn bộ máy tổ chức, cắt bỏ những hoạt động kinh doanh không sinh lợi, hoàn thiện từng bước chất lượng dịch vụ vận tải hành khách ở các công ty thành viên,…Với những hành động quyết liệt như vậy, Tập đoàn Mai Linh mẹ cùng các Công ty khu vực đã vươn lên kinh doanh có hiệu quả.

Công ty đã giảm được lỗ lũy kế 2 năm, cắt giảm được chi phí quản lý (đến gần một nửa so với năm 2009) nhờ tái cấu trúc bộ máy nhân sự, việc hợp nhất ngành nghề, đặc biệt các tiểu ngành nghề trong khối vận tải hỗ trợ nhau hoạt động, đã góp phần tiết kiệm mặt bằng và chi phí hành chính.

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản đã đạt hoặc vượt mức kế hoạch. Tổng doanh thu thuần của MLG đạt 730,3 tỷ đồng, tăng 27,1% so với năm trước. Lợi nhuận đạt 15,2 tỷ đồng, so với mức âm (-) 74,2 tỷ đồng của năm trước.

Doanh thu thuần toàn hệ thống năm 2010 đạt 2.780 tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm 2009. Lợi nhuận đạt 91,5 tỷ đồng.

Tổng số phương tiện đầu tư năm 2010 là 2.112 xe, nâng tổng số xe trên toàn hệ thống lên 9.186 xe. Do lãi suất ngân hàng và giá xe đều tăng cao nên ở giai đoạn này Công ty đầu tư xe không đạt kế hoạch.

Việc tăng phương tiện cũng đồng nghĩa với việc năm qua chúng ta đã tạo thêm 2.000 công ăn việc làm.

Về mặt đầu tư công nghệ, đầu năm 2011, MLG đã ký kết hợp đồng hợp tác toàn diện với FPT để áp dụng các công nghệ hiện đại, tăng hiệu quả quản lý như định vị vệ tinh, đồng thời tăng tiện ích cho khách hàng như thanh toán bằng Mobi ví, thẻ POS…

Năm 2011 MLG sẽ có những kế sách phù hợp để giữ thị trường truyền thống, tăng tốc ở những thị trường tiềm năng, tiếp tục đầu tư phương tiện, chú trọng vận tải taxi - loại hình kinh doanh chủ đạo, ổn định của MLG.

Về chiến lược phát triển thị trường, MLG sẽ tập trung phát triển chiều sâu cho một số thị trường trọng điểm, không đầu tư dàn trải, song song với việc phát triển những thị trường mới, giàu tiềm năng. Chủ trương chung là phát triển ổn định mới đầu tư mở rộng, theo phương châm "hiệu quả là chân lý cứng".

MLG cũng đầu tư công nghệ để giảm chi phí quản lý, tinh gọn bộ máy nhân sự, tập trung nguồn vốn cho những mục tiêu kinh doanh mang tính chiến lược.

Các đơn vị tiếp tục triển khai hợp nhất màu xanh. Việc này vừa phù hợp với chiến lược khẳng định thương hiệu Mai Linh, vừa phù hợp với thông tư 14 của Bộ GT-VT là các doanh nghiệp vận tải phải thống nhất một màu xe. Hiện MLG đã sơn xanh được 15% trên tổng số hơn 9.000 đầu xe. Dự kiến, đến cuối năm 2011 sẽ hoàn thành việc chuyển đổi màu sơn.

Thưa Quý cổ đông,

Với kết quả đạt được năm nay, chúng ta có tiền đề để tin tưởng là năm 2011, MLG sẽ đạt mức tăng trưởng như mong muốn.

Toàn thể cán bộ nhân viên tiếp tục chia sẻ những giá trị cốt lõi của công ty và cùng nhau quyết tâm đạt hiệu quả kinh doanh cao hơn nữa, phấn đấu đạt doanh thu 3.000 tỷ đồng và lợi nhuận 108 tỷ đồng, hoàn thành sứ mạng "Mang sự hài lòng đến cho mọi người, vì cuộc sống tốt đẹp hơn".

Hy vọng Nhà nước sẽ tiếp tục có chính sách hỗ trợ lãi suất giúp doanh nghiệp tháo gỡ những vướng mắc về nguồn vốn. Đồng thời có biện pháp hữu hiệu, quyết liệt hơn với taxi dù và những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh để thị trường phát triển tích cực hơn.

Mong rằng, Mai Linh tiếp tục nhận được sự thấu hiểu, chia sẻ và chung sức, đồng lòng của Quý cổ đông để có thêm niềm tin và sức mạnh, vượt qua mọi khó khăn thử thách, vững bước tới tương lai.

Trân trọng.

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH

HỒ HUY

MAILINH GROUP

MAILINH - Màu xanh cuộc sống !

BỐI CẢNH
THỊ TRƯỜNG

BỐI CẢNH THỊ TRƯỜNG

Nhiều chuyên gia quốc tế nhận định, 2010 là một năm khá "bộn bề" của kinh tế toàn cầu, cho dù cuộc khủng hoảng tài chính lớn nhất trong vòng 80 năm đã qua đi.

Mặc dù sau khủng hoảng, kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, nhưng kinh tế nước ta đã sớm ra khỏi tình trạng suy giảm và có mức tăng trưởng khá cao. GDP cả năm 2010 đạt cao hơn chỉ tiêu Quốc hội đề ra.

Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong nhiều năm qua chủ yếu dựa vào tăng số lượng vốn đầu tư, tức là tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng - vừa giới hạn về nguồn, vừa có hạn chế, bất cập về chất lượng tăng trưởng.

❖ GDP: Năm 2010 GDP đạt 6,7%

GDP cả nước năm 2010 thực tế ước tăng gần 6,7%, cao hơn chỉ tiêu kế hoạch Quốc hội đề ra 6,5%. Tất cả các ngành đều đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn so với năm trước: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,78%; công nghiệp tăng 7,03%; xây dựng tăng 10,06%; dịch vụ tăng 7,52%. Với kết quả này, tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 5 năm 2006 - 2010 đạt khoảng 7%/năm. GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt khoảng 1.160 USD.

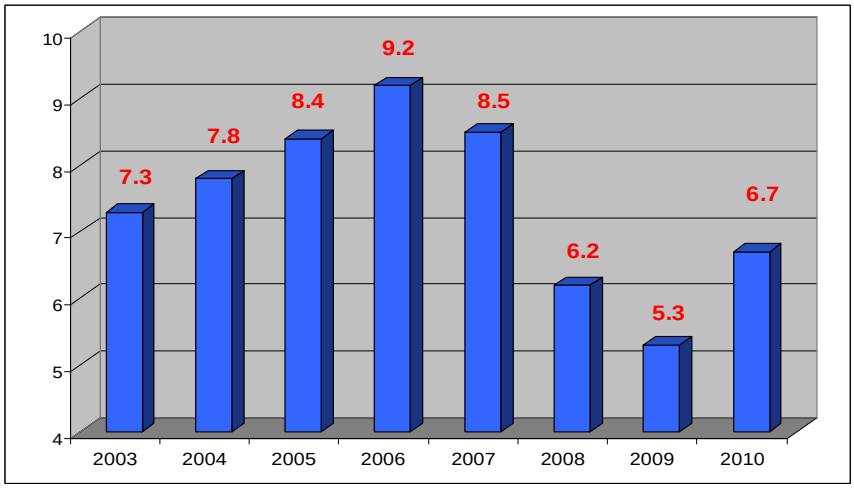

❖ Lãi suất cơ bản và thị trường tài chính

Kể từ ngày 5/11/2010, mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu và lãi suất cho vay qua đêm tăng 1% lên 9%/năm sau 11 tháng duy trì mức lãi suất không đổi là 8%.

Thực ra, Ngân hàng Nhà nước đang trong một “tình thế tiến thoái lưỡng nan” khi phải lựa chọn giữa giảm lãi suất để tăng trưởng hoặc tăng để bình ổn tỷ giá và lạm phát. Quyết định này cho thấy NHNN đã chọn việc ưu tiên cho kiềm chế lạm phát và bình ổn tỷ giá.

Đối với lạm phát thì lãi suất cơ bản tăng hầu như không tác dụng nhưng thông qua đó, NHNN đã gửi thông điệp: “chính sách tiền tệ thắt chặt sẽ được áp dụng trong thời gian tới”. Điều này được thể hiện qua các chính sách Nhà Nước năm 2011.

Lãi suất tái chiết khấu, tái cấp vốn, vay qua đêm tăng tác động mạnh đến chi phí vốn khiến lãi suất tăng trở lại trong thời gian tới mà thực tế quý 1/2011 đã diễn ra đúng với kịch bản này.

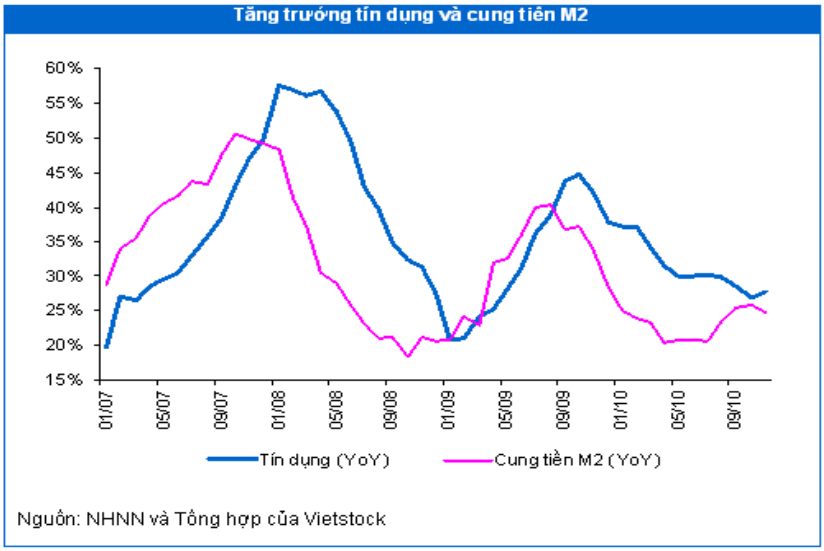

❖ Lạm phát:

Từ cuối năm 2010, tình trạng lạm phát đã trở nên nghiêm trọng ở các nước đang phát triển, như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil và một số quốc gia khác. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Trung Quốc, tính cả năm 2010 là 3,3% trong khi mức tăng trưởng GDP cao nhất sau khủng hoảng kinh tế là 10,3%.

Trong khi đó, tại Việt Nam, so với tháng 12/2009, chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2010 tăng 11,75%. Tuy nhiên, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2010 chỉ tăng 9,19% so với năm 2009.

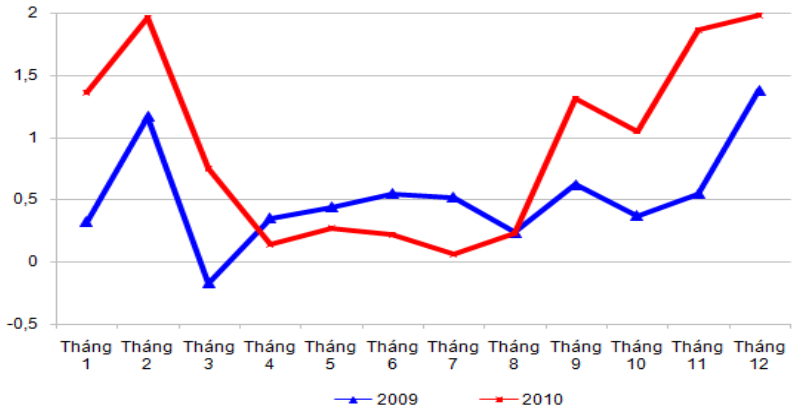

(Lạm phát theo tháng trong 2 năm 2009 – 2010) - Nguồn : Tổng cục Thống kê

❖ Xăng dầu:

Biến động giá xăng dầu năm 2010 vẫn diễn ra phức tạp với 3 lần tăng giá, 2 lần giảm giá dẫn đến bình quân giá xăng A92 năm 2010 là 16.470 đồng/lít, tăng 3,27% so với giá cuối năm 2009. Và theo những diễn biến tình hình chính trị thế giới phức tạp trong năm 2011 thì giá xăng dầu đã tăng mạnh với mức tăng trong quý 1/2011 là 4.900đ/lít xăng A92 và 6.300đ/lít dầu diesel. Điều này gây ảnh hưởng bất lợi lớn đến hoạt động kinh doanh vận tải của Mai Linh.

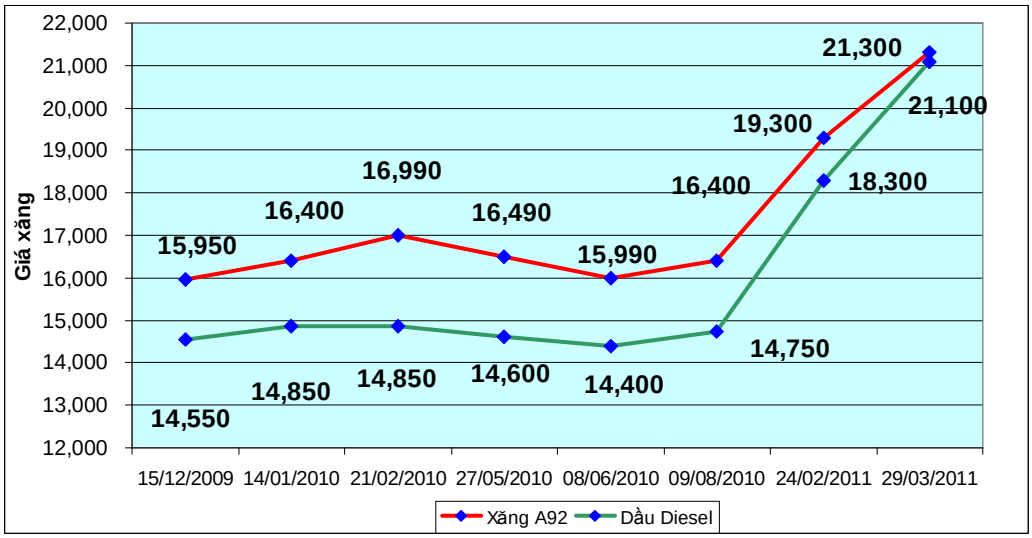

❖ Thị trường chứng khoán:

Năm 2010, do tác động từ những bất ổn và khó khăn của nền kinh tế thế giới, dẫn đến dòng tiền vào thị trường chứng khoán vẫn liên tục ở thế yếu. Đóng cửa phiên giao dịch ngày 31/12/2010, chỉ số Vn-Index đạt 484,66 điểm, giảm 10,14 điểm, tương đương giảm 2%, HNX-Index đạt 114,24 điểm, giảm 53,93 điểm, tương đương giảm 32% so với đầu năm 2010. Thanh khoản trung bình trên thị trường luôn ở mức thấp, bình quân 1 phiên chỉ có 46.4 triệu đơn vị và 1,506 tỷ đồng chứng khoán giao dịch tại sàn Hose.

Do tính chất của thị trường là nơi huy động vốn, nên những khó khăn trong năm 2010 đã làm ảnh hưởng đến việc huy động vốn của nhiều doanh nghiệp trên sàn.

❖ Thị trường Vàng và USD:

Sau khi tạo sóng lớn vào cuối tháng 11/2009, vàng thế giới "lặng" đi. Tuy nhiên, hàng loạt bất ổn khác từ nửa cuối năm 2010 đã khiến sóng vàng liên tục tăng và đua nhau phá hết kỷ lục này tới kỷ lục khác với mức cao kỷ lục là 1.429,4 USD/ounce ngày 6/12/2010. Theo giới phân tích, giá vàng sẽ có cơ hội tăng tiếp trong năm 2011 và đang hướng tới năm thứ 10 liên tiếp tăng, do chính phủ các nước dành hàng nghìn tỷ USD để giữ lãi suất ở mức thấp, kích thích kinh tế tăng trưởng.

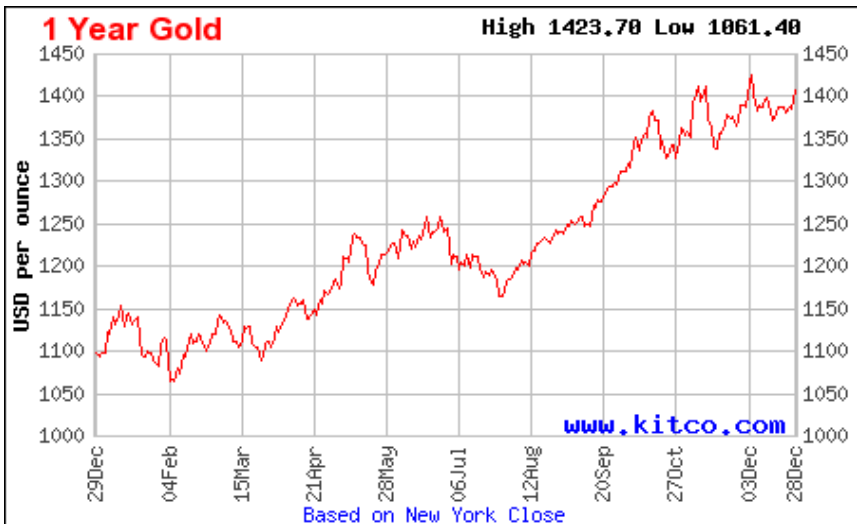

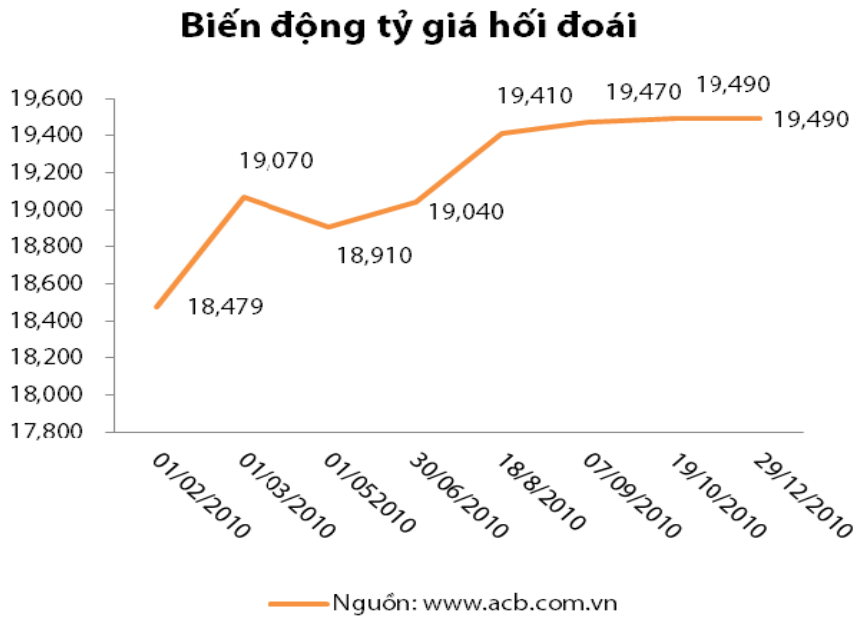

❖ Chính sách vĩ mô:

Sang năm 2010, Chính phủ đã ngưng không tiếp tục hỗ trợ kích cầu, đưa mức thuế GTGT cho dịch vụ vận tải và thuế trước bạ xe từ 5% năm 2009 trở lại mức 10% trong năm 2010 cũng gây tác động không nhỏ đến doanh nghiệp.

Ngoài ra, năm 2010, về các chính sách của người lao động, Nhà nước đã áp dụng việc đóng bảo hiểm thất nghiệp, tăng mức lương tối thiểu, … để nâng cao đời sống người lao động, nhưng cũng đồng thời tăng thêm chi phí cho doanh nghiệp.

❖ Vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư cả nước năm 2010 ước đạt 830,3 nghìn tỷ đồng, tăng 17,1% so với năm 2009 và bằng khoảng 41,9% GDP năm 2010; trong đó, tỷ trọng của khu vực nhà nước giảm, nhưng vẫn ở mức cao nhất trong 3 khu vực, giúp đẩy tăng trưởng kinh tế cao, tiến tới phục hồi. Tuy nhiên, tỷ lệ vốn đầu tư so GDP tăng nhưng phần lớn là vốn vay dẫn đến hiệu quả đầu tư và sức cạnh tranh thấp, chính là nguồn gốc sâu xa, tiềm ẩn làm tăng bội chi ngân sách, lạm phát, nhập siêu, nợ quốc gia,...

❖ Nguồn nhân lực lao động:

Lực lượng lao động của Việt Nam khá dồi dào, tốc độ tăng số lượng lao động đang làm việc khá cao (số lượng lao động tăng 32,4%, bình quân tăng 2,85%/năm so với năm 2000). Tuy nhiên, nếu tăng trưởng kinh tế dựa vào việc tăng số lượng lao động, thì đến một lúc nào đó tốc độ tăng sẽ chậm lại, thậm chí sẽ bị giảm (như nhiều nước đang gặp phải); mặt khác lợi thế giá nhân công rẻ sẽ giảm dần; hơn nữa hiệu quả và sức cạnh tranh sẽ thấp.

❖ Hoạt động vận tải:

Năm 2010, khối lượng vận chuyển hàng hoá ước đạt 714,8 triệu tấn, tăng 12,4% so với năm 2009; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt xấp xỉ 223,8 tỷ tấn.km, tăng 10,5% so với năm trước. Khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt trên 2.465,7 triệu lượt hành khách, tăng 13,5%; khối lượng luân chuyển hành khách ước đạt 108,3 tỷ hành khách.km, tăng 15,6% so với năm 2009.

MAILINH GROUP

MAILINH - Màu xanh cuộc sống !

LỊCH SỬ
HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng

1.1. Thành lập Công ty

Ngày 12/07/1993, Công ty TNHH Du lịch – Thương mại – Vận tải Hành khách Mai Linh được thành lập với số vốn ban đầu 300 triệu đồng.

1.2. Chuyển đổi loại hình Công ty:

Ngày 06/06/2002, công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mai Linh.

Ngày 01/11/2007, công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

1.4. Các sự kiện được xác lập:

Công ty CP Tập đoàn Mai Linh (MLG) với tiền thân là Công ty TNHH Vận tải Hành khách & Du lịch Mai Linh được thành lập vào ngày 12/07/1993; và chính thức chuyển đổi thành Công ty CP Mai Linh vào ngày 06/06/2002.

Ông Hồ Huy là người sáng lập và nay đang giữ chức vụ Chủ Tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Điều hành Công ty CP Tập đoàn Mai Linh.

Năm 1993, từ một công ty có qui mô nhỏ, hoạt động trong lĩnh vực xe cho thuê, du lịch, đại lý bán vé máy bay và kinh doanh thương mại tổng hợp với tài sản ban đầu 300.000.000 đồng cùng hai (02) đầu xe và 25 lao động hoạt động trên phạm vi TP.HCM.

Năm 2000, Công ty chính thức được chọn là đại lý ủy quyền chính thức của thương hiệu xe ISUZU tại Việt Nam, chứng tỏ Công ty Mai Linh đã phát triển và đạt được tiêu chuẩn kinh doanh quốc tế.

Theo đà phát triển đó, Tập đoàn Mai Linh đã trở thành một tập đoàn kinh tế đa ngành nghề với tên gọi là Công ty CP Tập đoàn Mai Linh đồng thời đạt được chứng nhận ISO 9001:2000 do BVQI cấp.

Năm 2005, Sách kỷ lục Việt Nam đã xác lập kỷ lục Mai Linh là doanh nghiệp có nhiều xe taxi nhất Việt Nam.

Đến năm 2007, Mai Linh đã được Nhà nước trao tặng “Huân chương Lao động” hạng 3; và năm 2008, đạt tiếp danh hiệu “Sao vàng Đất Việt”.

Điều quan trọng hơn là thương hiệu Mai Linh ngày nay đã đi vào lòng người và được người tiêu dùng bình chọn là thương hiệu được ưa thích liên tục trong các năm 2005 - 2010 thuộc lĩnh vực giao thông vận tải.

Hiện nay, Mai Linh đã mở rộng tại 53 tỉnh thành trong cả nước với khoảng 100 thành viên, có khoảng 9.200 phương tiện, và đã thu hút được trên 26.000 cán bộ nhân viên làm việc tại 4 khu vực trong cả nước và nước ngoài.

Với tâm nguyện mang đến cho xã hội những dịch vụ vận chuyển chất lượng vượt trội cùng thái độ, cung cách phục vụ và phương châm luôn vì khách hàng, dịch vụ vận

chuyển của Mai Linh đã được đông đảo người tiêu dùng cũng như cộng đồng xã hội thừa nhận, từng bước khẳng định được vị trí của một thương hiệu hàng đầu trong ngành vận tải Việt Nam.

Mai Linh tự hào khi được chọn là nhà cung cấp dịch vụ vận chuyển cho nhiều khách hàng khó tính với những yêu cầu nghiêm ngặt, những sự kiện quan trọng của quốc gia như đưa đón Tổng Thống Pháp François Mitterrand, đón đoàn của Tổng Thống Mỹ Bill Clinton, đón đoàn Tổng Thống Mỹ George Bush, Tổng Thống Slovakia, phục vụ hội nghị cấp cao ASEM 5; cũng như các chương trình mang tính nhân bản cao như : Chương trình "Vang mãi khúc quân hành", chương trình "Thăng Long – Hồn thiêng Sông núi", cuộc thi Hoa hậu Hoàn Vũ 2008, cuộc thi Hoa hậu Trái Đất 2010, …

Trong giai đoạn 2011 - 2015, Mai Linh tiếp tục mục tiêu phát triển đa ngành nghề và không ngừng phấn đấu mang đến cho khách hàng và cộng đồng những dịch vụ ưu việt, an toàn và quy chuẩn; hoàn thành sứ mạng của mình là "Mang sự hài lòng đến cho mọi người, vì cuộc sống tốt đẹp hơn".

2. Quá trình phát triển

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa, quốc tế. Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định, bằng xe buýt, bằng taxi, theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng hóa. Vận tải khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định và không theo tuyến cố định. Vận tải hành khách đường thủy nội địa ngang sông, qua biên giới Việt Nam. Kinh doanh xếp dỡ hàng hóa tại cảng, bến thủy nội địa, thiết kế phương tiện thủy nội địa. Đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa. Bảo dưỡng sửa chữa xe ôtô, máy kéo, phương tiện xây dựng, phương tiện vận tải. Sửa chữa đóng mới trang thiết bị, phương tiện vận tải thủy bộ. Gia công cơ khí, phụ tùng ôtô.

Mua bán xe có động cơ, phương tiện vận tải, phụ tùng và bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, nhớt, xăng dầu, gas. Đào tạo dạy nghề. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Quản lý bất động sản. Xây dựng và kinh doanh dịch vụ bãi đỗ xe. Đại lý vận tải. Dịch vụ cho thuê văn phòng. Dịch vụ bán vé máy bay, tàu thủy, tàu lửa. Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe. Sản xuất quần áo may sẵn, quần áo bảo hộ lao động, caravat, mũ, các đồ phụ trợ quần áo, vali, túi xách, yên đệm xe. Mua bán máy đếm cây số và phụ kiện. Dịch vụ nhận, chi trả ngoại tệ. Đại lý đổi ngoại tệ. Mua bán, chế tác gia công đá quý, vàng, bạc, đồ trang sức. Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa. Mua bán đồ điện gia dụng, hàng gia dụng, hàng trang trí nội thất, vật liệu trải sàn, rèm, mành treo, giường, tủ, bàn, ghế. Tư vấn du học. Dịch vụ cho thuê kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu. Dịch vụ chuyển giao công nghệ.

Mua bán thiết bị y tế, điện, điện tử, viễn thông, điện thoại cố định, di động, bộ đàm; Bảo trì, lắp đặt, sửa chữa điện thoại; Bán sim, thẻ cào điện thoại di động; Dịch vụ thu hộ các chi phí tiêu dùng: điện thoại; Đại lý ký gởi hàng hóa; Đại lý dịch vụ viễn thông; Dịch vụ giới thiệu việc làm; Mua bán mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế; Dịch vụ săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động dịch vụ gây chảy máu); Trồng rừng; Đầu tư xây dựng thủy điện; Cho thuê nhà ở, văn phòng; Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng; Đào tạo ngoại ngữ; Đại lý bảo hiểm; Hoạt động nhà bảo tàng (không kinh doanh các hiện vật thuộc di tích lịch sử, văn hóa, bảo tàng); Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ; Cho thuê xe ô tô; Dịch vụ bán

đấu giá tài sản; Sản xuất xe có động cơ, thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc; Phụ tùng và bộ phận phụ trợ xe có động cơ và động cơ xe (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn); Xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở; Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường sắt. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt; Dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt; Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ bất động sản: dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; Khai thác khoáng sản (không hoạt động tại trụ sở); Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên kinh doanh; Nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); Khách sạn đạt tiêu chuẩn sao (không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ;…

2.2. Quá trình phát triển

Qua 18 năm hoạt động, Mai Linh đã tạo được sự tăng trưởng qua các năm.

Thành lập các đơn vị kinh doanh vận tải:

07/1993	Khi mới được thành lập, công ty hoạt động trong lĩnh vực: Du lịch, Xe cho thuê, Bán vé máy bay
04/1995	Thành lập Xí nghiệp Sài Gòn Taxi; Khai sinh dịch vụ Taxi Mai Linh
08/1995	Thành lập Xí nghiệp Chợ Lớn Taxi
09/1995	Thành lập Xí nghiệp Gia Định Taxi
10/1997	Thành lập Xí nghiệp M Taxi
11/2000	Thành lập Xí nghiệp BM Taxi
06/2001	Thành lập Xí nghiệp Deluxe Taxi
05/2003	Thành lập Xí nghiệp VN Taxi
12/2004	Chi nhánh Vận tải Tốc hành Mai Linh được thành lập - Khai sinh dịch vụ vận chuyển hành khách liên tỉnh bằng xe chất lượng cao theo tuyến cố định (Mai Linh Express)
07/2005	Thành lập Công ty Sài Gòn Bình Minh
07/2006	Thành lập Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh
12/2007	Trung tâm Chuyển phát nhanh Mai Linh được thành lập

ĐỊA BÀN KINH DOANH

07/1993	Thành lập Công ty TNHH Mai Linh	- Khu vực TP.HCM
10/1997	Thành lập Mai Linh tại Hà Nội	- Khu vực Bắc Bộ
10/1999	Thành lập Mai Linh Đồng Nai	- Khu vực Đông Nam Bộ
09/2000	Thành lập Mai Linh Cần Thơ	- Khu vực Tây Nam Bộ

01/2001	Thành lập Mai Linh Đà Nẵng	- Khu vực Bắc Trung Bộ
07/2003	Thành lập Mai Linh Nha Trang	- Khu vực NTB &TN
08/2007	Thành lập Công ty hoạt động tại Mỹ	
10/2007	Thành lập Công ty hoạt động tại Cambodia; Lào	

Mở rộng ngành nghề kinh doanh hỗ trợ tích cực cho lĩnh vực kinh doanh chính của hệ thống:

04/2000	Thương mại
04/2002	Xây dựng
09/2003	Du lịch
02/2004	Dịch vụ Bảo vệ – An ninh
07/2004	Dịch vụ Tư vấn quản lý
07/2005	Đào tạo

Từ năm 2007, Mai Linh Group xác định trở thành công ty đầu tư góp vốn vào các công ty thành viên để từng công ty thành viên trở thành những công ty chuyên ngành kinh doanh theo từng mảng ngành nghề kinh doanh một cách chuyên nghiệp.

3. Định hướng phát triển

- Trở thành Tập đoàn Vận tải Hành khách hàng đầu tại Việt Nam và Đông Nam Á;
- Triển khai các dịch vụ giá trị gia tăng trên taxi như hệ thống thanh toán bằng thẻ ATM và ví điện tử, máy P.O.S., thẻ Master card, thẻ Visa card;
- Triển khai hệ thống quản lý vận tải bằng hệ thống GPS nhằm nâng cao tối đa thỏa mãn yêu cầu khách hàng và quản lý chặt chẽ hoạt động hệ thống;
- Cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng nơi Mai Linh có mặt; Xây dựng hình ảnh dịch vụ vận tải hành khách công cộng thân thiện, văn minh, lịch sự và chuyên nghiệp;
- Đa dạng hoá sản phẩm để thoả mãn nhu cầu khách hàng theo tập quán tiêu dùng như xe buýt nội tỉnh và xe buýt kế cận, các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng để không ngừng gia tăng tiện ích cho khách hàng;
- Hỗ trợ các Công ty thành viên nâng cao năng lực cạnh tranh tại chỗ, thực hiện công tác nghiên cứu thị trường và quảng bá hình ảnh đến người tiêu dùng;
- Tạo điều kiện cao nhất để người lao động gắn bó với doanh nghiệp một cách tự nguyện và bền vững.

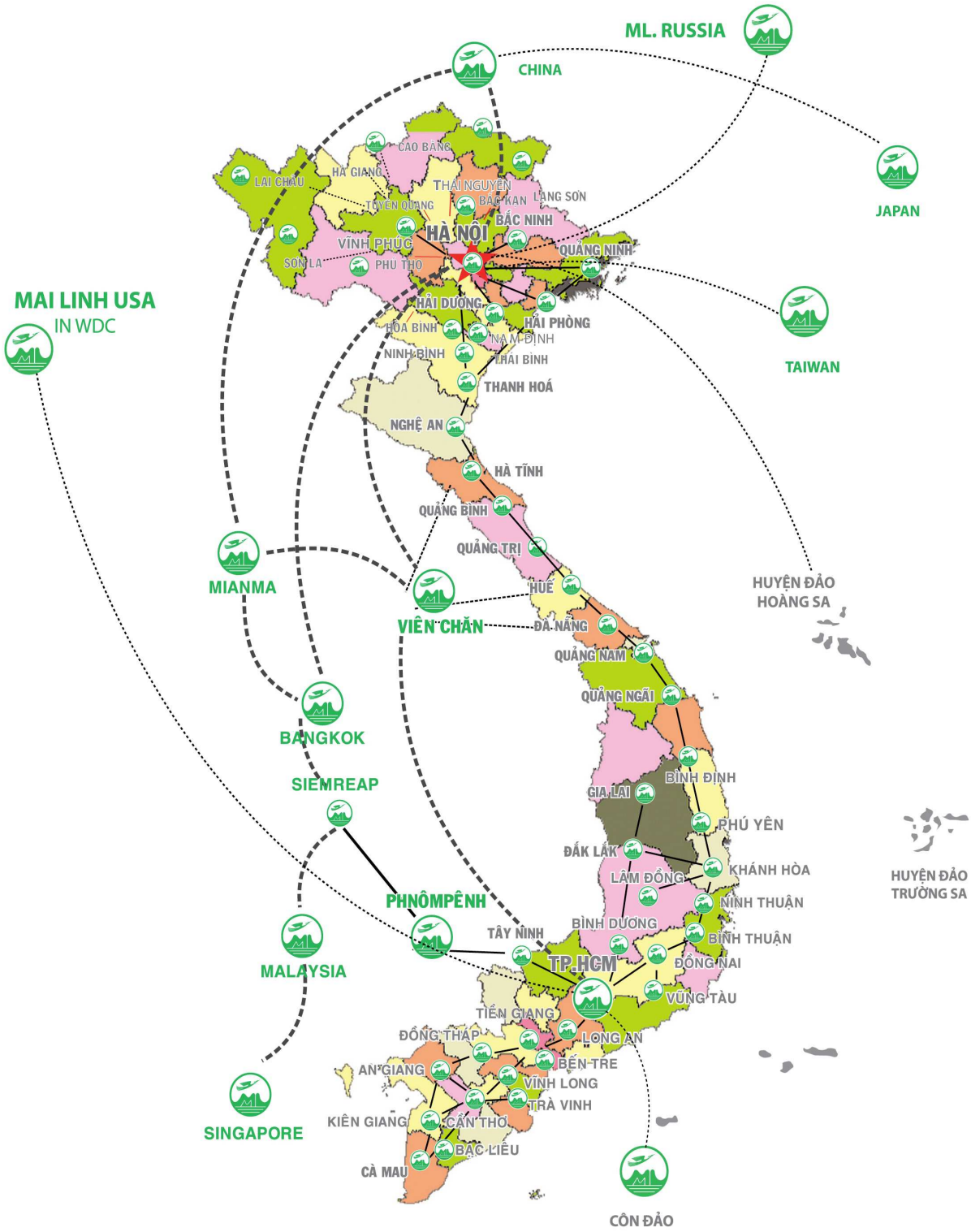
ML. RUSSIA
CHINA
JAPAN
MAI LINH USA
IN WDC
TAIWAN
MIANMA
VIÊN CHĂN
BANGKOK
SIEMREAP
PHNÔMPÊNH
MALAYSIA
SINGAPORE
CÔN ĐẢO
HUYỆN ĐẢO HOÀNG SA
HUYỆN ĐẢO TRƯỜNG SA
CAO BẰNG
LAI CHÂU
HÀ GIANG
THÁI NGUYÊN
TUYÊN QUANG
BẮC KẠN
LẠNG SƠN
BẮC NINH
HÀ NỘI
VĨNH PHÚC
QUẢNG NINH
SƠN LA
PHÚ THỌ
HẢI DƯƠNG
HẢI PHÒNG
HÒA BÌNH
NAM ĐỊNH
NINH BÌNH
THÁI BÌNH
THANH HOÁ
NGHỆ AN
HÀ TĨNH
QUẢNG BÌNH
QUẢNG TRỊ
HUẾ
ĐÀ NẴNG
QUẢNG NAM
QUẢNG NGÃI
BÌNH ĐỊNH
GIA LAI
PHÚ YÊN
ĐẮK LẮK
KHÁNH HÒA
LÂM ĐỒNG
NINH THUẬN
BÌNH DƯƠNG
BÌNH THUẬN
TÂY NINH
TP.HCM
ĐỒNG NAI
VŨNG TÀU
TIỀN GIANG
ĐỒNG THÁP
LONG AN
AN GIANG
BẾN TRE
VĨNH LONG
TRÀ VINH
KIÊN GIANG
CẦN THƠ
BẠC LIÊU
CÀ MAU

4. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tái cấu trúc mô hình hoạt động cho phù hợp với điều kiện mới, thay đổi chính sách đầu tư, kiên quyết cắt bỏ những hạng mục đầu tư không hiệu quả, tập trung vào các nhóm ngành nghề kinh doanh chính là vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải, sản xuất và cung cấp sản phẩm chủ lực cho vận tải. Trong đó, vận tải là nòng cốt với ít nhất 70% vốn đầu tư, bảo đảm duy trì vị trí hàng đầu trong ngành vận tải và dịch vụ hạ tầng cho ngành vận tải như trạm dừng nghỉ, bến xe, trạm xăng dầu (tối thiểu 10% nguồn lực).

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu thị trường, phát triển hệ thống dịch vụ phụ trợ của ngành vận tải đường bộ và nâng cao năng lực cạnh tranh tại các địa phương.

- Phát triển chuỗi dịch vụ hậu cần - logicstic - dựa trên nền hệ thống vận tải hiện có và tiến dần đến vận chuyển đa phương thức hoàn hảo.

- Tiêu chuẩn và đồng bộ hóa chất lượng dịch vụ cho tất cả sản phẩm dịch vụ cung ứng đến khách hàng ở tất cả các nơi mà Mai Linh có mặt.

- Gia tăng khối khách hàng thường xuyên tại 2 địa bàn trọng yếu Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, mục tiêu 40% tổng doanh thu cho 5 năm tiếp theo và đạt mức 45% doanh thu vào năm 2015.

- Gia tăng tiện ích cho khách hàng trong thanh toán (thẻ trả trước, thẻ trả sau, thẻ tín dụng, thẻ thanh toán, ví điện tử…) tăng cường thanh toán không dùng tiền mặt, mỗi công cụ thanh toán có thể được chấp nhận thanh toán cho nhiều sản phẩm dịch vụ do Mai Linh cung cấp, trên cả nước.

- Đưa vào vận hành phần mềm quản lý, điều hành vận tải mới từ tổng đài và phòng điều hành vận tải trung tâm; lắp đặt hộp đen quản lý vận hành để nâng cao hệ số an toàn và hiệu quả.

- Gia tăng năng lực sản xuất kinh doanh của các Công ty thành viên qua phương thức tối ưu hoá tất cả nguồn lực tại chỗ, từ nhân lực cho đến vốn và khách hàng, với lợi thế thương mại từ thương hiệu Mai Linh trong cộng đồng xã hội.

- Quảng bá sâu rộng hình ảnh Mai Linh đến cộng đồng xã hội, không dừng lại ở những địa bàn trọng điểm và đến tận những vùng sâu vùng xa.

- Có trách nhiệm cao với cộng đồng xã hội, nhất là đối với gia đình chính sách, luôn ý thức trách nhiệm cao trong công tác bảo vệ môi trường và đề cao cạnh tranh dựa vào năng lực.

- Tăng cường đào tạo và huấn luyện nội bộ để nâng cao chất lượng dịch vụ và chuẩn hoá văn hoá phục vụ mang đậm bản sắc Mai Linh.

MAILINH GROUP

MAILINH - Màu xanh cuộc sống !

BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2010

Khó khăn:

Trong bối cảnh năm 2010, với tình hình lạm phát tăng cao làm ảnh hưởng đến giá vật tư nguyên liệu tăng, sức tiêu dùng lại bị hạn chế, các chính sách của Chính phủ tác động đến lãi suất do vay của các ngân hàng trong năm 2010 tăng so với năm 2009 làm chi phí tài chính năm cũng tăng theo (doanh nghiệp không còn được hưởng các gói kích cầu của Chính phủ); chi phí đầu tư phương tiện tăng so với dự kiến do thuế trước bạ tăng; tỷ giá ngoại tệ bất ổn làm chênh lệch tỷ giá tăng đáng kể, thị trường chứng khoán suy giảm ảnh hưởng việc huy động vốn thông qua kênh này, sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề, nhu cầu vốn đầu tư quá lớn,…

Thuận lợi:

Với uy tín và vị thế 18 năm hình thành và phát triển của Công ty, với sự cố gắng không ngừng của tập thể CBNV, sự hỗ trợ từ các chế định tài chính, đối mặt với những thách thức và khó khăn kể trên, trong năm 2010, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh đã đạt được những thành công bước đầu, tạo động lực khích lệ Công ty phát triển ở những năm tiếp theo, cơ bản giải quyết những khó khăn, tồn tại của năm 2009 và những năm trước, dần ổn định trong hoạt động kinh doanh, thực hiện các công tác nghiên cứu mở rộng thị trường, phát triển khách hàng, đầu tư thêm nhiều phương tiện mới, nâng cao uy tín, hình ảnh của thương hiệu Mai Linh.

2. Tình hình thực hiện 2010 so với kế hoạch:

Đơn vị : đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% TH/KH
Tổng doanh thu thuần của Cty CP Tập đoàn Mai Linh (MLC)	729 tỷ	730,3 tỷ	100,2%
Tổng doanh thu thuần hợp nhất MLG	2.948 tỷ	2.780 tỷ	94,3%
Lợi nhuận sau thuế của MLC	16,6 tỷ	15,2 tỷ	91,4%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của MLG	66,6 tỷ	91,5 tỷ	137,4%

Năm 2010 được xác định là năm nhân sự, với phương châm ổn định để phát triển bền vững, Công ty đã thực hiện kiện toàn bộ máy, cơ cấu tổ chức, sắp xếp, định biên lại nhân sự nhằm nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, nhân viên.

3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Năm 2010, căn cứ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT đã tiến hành tổ chức 01 Đại hội Cổ đông thường niên, thực hiện 45 lần lấy ý kiến tại các cuộc họp HĐQT, giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của mình được ghi nhận trong Điều lệ Công ty để thực hiện các nội dung mà Đại hội Cổ đông thường niên

năm 2010 đã giao. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của tất cả các thành viên HĐQT.

Ngoài ra, HĐQT còn thực hiện các công việc khác để hỗ trợ Ban Điều hành trong quá trình kinh doanh và quản lý doanh nghiệp.

Tính đến ngày 31/12/2010, toàn hệ thống Mai Linh có 60 Công ty thành viên tham gia hợp nhất, trong đó có 10 Công ty con là Công ty được đầu tư trực tiếp và 50 Công ty con là Công ty được đầu tư gián tiếp, giải quyết công ăn việc làm cho **25.908** người tăng 11.8% so với cùng kỳ năm trước (23.166 người) với tổng số phương tiện vận tải taxi là 8.451 xe, đưa tổng số xe toàn hệ thống lên 9.186 xe các loại.

4. Triển vọng và định hướng chung

4.1. Triển vọng

Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, các năm 2008, 2009 hoạt động kinh doanh taxi gặp rất nhiều khó khăn. Nhưng đến nay, nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam đã có dấu hiệu phục hồi rõ nét, tốc độ tăng trưởng GDP có xu hướng tăng, thu nhập cá nhân được cải thiện, khả năng thanh toán dễ dàng hơn, do đó nhu cầu taxi sẽ tăng.

Thị trường taxi nói chung và thị trường Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh – các trung tâm kinh tế của Việt Nam sẽ còn có rất nhiều cơ hội phát triển với nhu cầu đi lại ngày càng gia tăng của người dân.

4.2. Định hướng chung

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của Công ty, hướng tới mục tiêu:

- Trở thành người cung cấp dịch vụ tốt nhất ở những nơi mà Công ty có mặt;
- Hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra;
- Thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ Công ty theo phương án Một Mai Linh, giảm chi phí quản lý và các khoản chi phí khác không cần thiết;
- Cải thiện các chính sách tiền lương, các chính sách đãi ngộ mang tính cạnh tranh; thực hiện tốt các quy định của Pháp luật về chế độ, chính sách đối với người lao động để đảm bảo thu hút nhân lực trong toàn hệ thống;
- Nhanh chóng áp dung khoa học công nghệ như: Lắp đặt thiết bị định vị toàn cầu GPS để điều hành Taxi, phần mềm tổng đài và các công nghệ quản trị Công ty hiện đại khác,…;
- Không ngừng mở rộng thị trường, phát triển khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng;
- Định vị lại thương hiệu trong lòng người tiêu dùng, tiếp tục nâng cao hình ảnh và thương hiệu Mai Linh; đóng góp một thương hiệu vận tải hành khách hàng đầu Việt Nam.
- Có những định hướng, chỉ đạo Ban Điều hành xây dựng chiến lược phát triển trung và dài hạn, đảm bảo những bước tiến cho năm 2011 và những năm tiếp theo.

4.3. Các đề xuất về chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch năm 2011:

- Tổng doanh thu thuần MLC: 800 tỷ VND
- Lợi nhuận sau thuế MLC: 20 tỷ VND
- Tổng doanh thu thuần hợp nhất MLG: 3.000 tỷ VND
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất MLG: 108 tỷ VND
- Phát hành 2.000 tỷ trái phiếu chuyển đổi.

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH

HỒ HUY

MAILINH GROUP

MAILINH - Màu xanh cuộc sống !

BÁO CÁO CỦA
BAN KIỂM SOÁT

III. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Tiến hành họp định kỳ và đột xuất để thực hiện việc giám sát Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong quá trình quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tuân thủ và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức công tác Tài chính- Kế toán và lập báo cáo tài chính, báo cáo hợp nhất năm 2010;
- Tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Điều hành;
- Thực hiện việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty;
- Thực hiện các công việc khác thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành.

2. Kết quả hoạt động giám sát và báo cáo tài chính:

2.1. Hoạt động giám sát

2.1.1. Công tác quản lý của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2010, HĐQT đã tổ chức triển khai, thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ. HĐQT thực hiện hoạt động quản lý của mình thông qua các Nghị quyết định kỳ hoặc bất thường, trên cơ sở quyết định tập thể, có nội dung phù hợp với chủ trương và nghị quyết của ĐHCĐ, phù hợp với chức năng và quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị đã thực hiện tốt các nội dung liên quan đến công tác tái cấu trúc Công ty và tái cấu trúc hệ thống ngay sau Đại hội cổ đông năm 2009, góp phần tiết giảm chi phí hành chính, chi phí nhân sự, thanh lý phương tiện kém hiệu quả, mở rộng thị trường và phát triển số lượng xe trong toàn hệ thống, đóng góp vào kết quả lợi nhuận đã đạt được trong năm 2010.

2.1.2. Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai và thực hiện các hoạt động điều hành Công ty trên cơ sở các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị theo đúng các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty.

Trong năm đã tiến hành điều chỉnh lương sau khi từng bước sắp xếp và định biên lại nhân sự trong toàn hệ thống.

Có những bước thay đổi trong chế độ phúc lợi đối với người lao động như điều chỉnh lương, tăng tiền thưởng Tết Nguyên đán so với 2009; quan tâm đến việc duy trì các lớp văn hóa doanh nghiệp, bồi dưỡng nâng cao kiến thức quản lý và nhận thức…; tổ chức thành công chương trình “Thăng Long - Hồn thiêng sông núi ” đưa 1.000 mẹ Việt Nam anh hùng và anh hùng các lực lượng vũ trang tham gia Đại lễ Nghìn năm Thăng Long tổ chức tại Hà Nội nâng cao uy tín trên thị trường của thương hiệu Mai Linh.

2.2. Kết quả thẩm định các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính năm 2010 được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm Toán Mỹ (American Auditing) viết tắt A.A. Căn cứ vào Điều lệ, Ban kiểm soát báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2010 về một số chỉ tiêu tình hình tài chính của Công ty tính đến 31/12/2010 như sau:

2.2.1. Kết quả kinh doanh năm 2010

Chỉ tiêu	KH 2010	TH 2010	% Hoàn thành
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH			
Doanh thu	729,000,000,000	730.339.554.437	100,2%
Lợi nhuận sau thuế	16,600,000,000	15,166,178,342	91.36%
HỢP NHẤT			
Doanh thu	2,948,000,000,000	2.779.865.497.287	94.3%
Lợi nhuận sau thuế	66,600,000,000	91,532,771,886	137.44%

Lưu ý : Số liệu chỉ tính trên doanh thu thuần (Không tính trên tổng doanh thu)

Sau khi thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất của công ty về cơ bản: Ban kiểm soát nhất trí với ý kiến của kiểm toán viên của công ty kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất (Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất).

Công ty kiểm toán sau khi đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát tình hình tài chính, thực hiện và kết quả kinh doanh năm 2010 của Công ty Cổ phần tập đoàn Mai Linh đã được soạn thảo trung thực, hợp lý đã dựa trên nguyên tắc thận trọng, trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu.

Tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán kết thúc 31/12/2010, kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh phù hợp với các chuẩn mực / chế độ kế toán Việt Nam.

2.2.2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ Tiêu	ĐVT	Hợp nhất		Riêng MLG	
		Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
-Hệ số thanh toán					
Hiện thời (TT ngắn hạn)	*Lần*	0.61	0.59	0.89	0.99
HS Thanh Toán nhanh	*Lần*	0.59	0.56	0.89	0.98
-Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	*Lần*	5.66	6.02	2.77	2.55
- Chỉ tiêu sinh lời					
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /doanh thu	*%*	3.29	0	2.08	-0.13
Tỷ suất sinh lợi cơ bản	*%*	8.84	0.06	6.92	0.03
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng nguồn vốn bq (ROA)	*%*	1.74	0	0.52	-0.03

Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bq (ROE)	%	12.76	-0.01	1.98	-0.1
Thu nhập của mỗi cổ phiếu thường	%	782.54	-478.22	173	-848.02

- Nhìn chung năm 2010: Khả năng thanh toán của các công ty đã được cải thiện so với năm 2009. Hệ số thanh toán hiện hành tăng 0,02 lần. Hệ số thanh toán nhanh tăng 0,03 lần.
- Hệ số nợ phải trả trên nguồn vốn chủ sở hữu là 5,66 giảm 0,36 so với năm 2009, được cải thiện rõ rệt.
- Khả năng sinh lời so với năm 2009 tăng 37% so với kế hoạch thể hiện triển vọng phát triển khá tốt. Đã cắt được lỗ.
- **Năm 2010 tổng tài sản Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tăng thêm 218 tỷ đồng** (từ 2.674 tỷ lên 2.893 tỷ) tương đương tăng 8,2% so với năm 2009.

  Trong đó:

  Tài sản ngắn hạn tăng thêm 87 tỷ (từ 740,467 tỷ đồng lên 827,863 tỷ đồng).

  Tài sản dài hạn tăng thêm 131 tỷ (từ 1.934 tỷ đồng lên 2.065 tỷ đồng).

  + Riêng Vốn chủ sở hữu MLG tăng thêm 15 tỷ đồng, theo báo cáo hợp nhất vốn chủ sở hữu tăng lên 60 tỷ. Nguyên nhân chính là trong năm kinh doanh có lãi.

  + Trong năm thay đổi cơ cấu tài sản là bước đi đúng đắn của công ty bằng việc bán 37 tỷ đồng bất động sản, giảm nguồn thuê mua tài chính 92 tỷ đồng, tăng đầu tư phương tiện trong toàn hệ thống.

  + Tình hình thanh khoản toàn hệ thống đang tiến triển tốt hơn so với năm 2009, hệ số hiện hành tăng 0,2%, hệ số thanh toán nhanh tăng 0.03%.
- **Tổng tài sản hợp nhất tăng thêm 181 tỷ đồng** (từ 5.074 tỷ đồng lên 5.255 tỷ đồng) tương ứng tốc độ tăng 3,5%.

Kết luận kiến nghị

Trong năm 2010, Ban Kiểm soát xác định không có bất kỳ một bất thường nào xảy ra trong hoạt động quản lý và điều hành Công ty. Mọi hoạt động của Công ty đều tuân thủ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết ĐHCĐ.

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010, đã có sự cố gắng nỗ lực so với năm 2009 góp phần hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và đã đảm bảo có lợi nhuận sau thuế, đánh dấu bước phát triển mới đầy triển vọng dưới sự quản lý của HĐQT và hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.
- Tuy nhiên, trong năm 2010, do những yếu tố khách quan của nền kinh tế, lạm phát tăng cao, thị trường chứng khoán không phát huy được hiệu quả trong vai trò là một kênh huy động vốn, lãi suất tiêu dùng tăng cao không khuyến khích chi tiêu nên tính đến thời điểm 31/12/2010, Công ty vẫn còn một số chỉ tiêu chưa thực hiện được theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2009 như:
- Chưa thực hiện thông qua phương án phát hành 5% cổ phiếu từ trái phiếu chuyển đổi cho VOF.
- Chưa thực hiện đươc việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ để góp đủ vốn Điều lệ;

Kiến nghị:

- Nhanh chóng xây dựng và ban hành các hướng dẫn liên quan đến tổ chức và hoạt động sau tái cấu trúc theo phương án Một Mai Linh; các quy chế, quy định liên quan đến tiêu chuẩn, chế độ, chính sách đối với người lao động một cách hiệu quả; tiếp tục sắp xếp, bổ sung và đào tạo nhân sự đủ khả năng, kinh nghiệm vào các vị trí then chốt; các quy định liên quan đến công tác tài chính, kế toán,...
- Thực hiện tốt các nội dung được thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên.
- Phải có biện pháp tăng cường hơn nữa trong việc thu hồi các khoản phải thu trong tài sản ngắn hạn đối với Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh và trong cả hệ thống.
- Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn hệ thống.
- Tiến hành đánh giá kết quả quản lý và điều hành kinh doanh đối với các đơn vị, phân loại các đơn vị kinh doanh có hiệu quả và kinh doanh chưa có hiệu quả, kích thích tính tích cực, phát huy được năng lực và có trách nhiệm trong công việc nhằm nâng cao tính hiệu quả trong kinh doanh.
- Thực hành tiết kiệm, giảm chi phí tăng doanh thu dựa trên các báo cáo quản trị.
- Tiếp tục rà soát từng dự án, từng đơn vị cương quyết thanh lý hoặc sáp nhập những đơn vị liên tục 2 năm trở lên kinh doanh không có hiệu quả nhằm tập trung vào các đơn vị, các dự án có khả năng sinh lời chắc chắn.
- Tiếp tục chuyển đổi bất động sản chưa phát huy được hiệu quả, chuyển sang đầu tư phương tiện vận tải nhằm đạt được mục tiêu đề ra.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ để thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế đã ban hành, nâng cao chất lương dịch vụ toàn hệ thống.
- Thực hiện tích cực những ý kiến của kiểm toán viên trong báo cáo tài chính đã kiểm toán.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát trình ĐHCĐ thường niên năm 2010. Ban Kiểm soát xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng đã tạo điều kiện tốt để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Xin gửi lời chúc sức khỏe, thành đạt đến toàn thể Đại hội, quý vị đại biểu, quý cổ đông, chúc Đại hội thành công tốt đẹp

Xin chân thành cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

NGUYỄN THỊ CÚC

MAILINH GROUP

MAILINH - Màu xanh cuộc sống !

BÁO CÁO CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2010

1.1. Tình hình kinh tế xã hội

Trước những biến động tình hình kinh tế, mức tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2010 là 6,7% và tốc độ GDP bình quân trong những năm tiếp theo phấn đấu đạt từ 7 - 7,5%/năm. Nhưng các dữ liệu chính thức cho thấy chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 11,75% so cùng kỳ năm trước, với giá xăng thay đổi 05 lần: 02 lần giảm (ngày 27/5; 8/6/2010) và 03 lần tăng (tăng 450 đồng/lít vào ngày 14/1/2010; tăng 590 đồng/lít vào ngày 21/2/2010 và tăng 410 đồng/lít vào ngày 9/8/2010); với đỉnh điểm 16.990 đồng/lít xăng. Trong khi đó, giá dầu diezen 0,05S cũng tăng thêm 350 đồng/lít vào ngày 9/8/2010, khiến giá dầu đạt mức 14.750 đồng/lít; đã tác động lớn đến ngành vận tải, gây khó khăn cho các doanh nghiệp vận tải nói chung và Mai Linh nói riêng.

Trong năm 2010, mặc dù Chính phủ đã áp dụng mạnh các biện pháp nhằm điều tiết thị trường, bình ổn giá cả các mặt hàng chủ lực có tác động đến thị trường, trong đó có giá cước vận tải,… nhưng thời gian qua cũng đã xảy ra tình trạng lãi suất cao, tình trạng 2 tỷ giá gây khó khăn cho các doanh nghiệp tiếp cận với nguồn vốn nhàn rỗi trong dân chúng, tạo một sự chuyển dịch nguồn vốn; ảnh hưởng đến nỗ lực cân đối nguồn đầu tư, cũng như kế hoạch tài chính của các doanh nghiệp. Trong khi đó, với nỗ lực của Chính phủ về nguồn vốn kích cầu, một phần nào cũng ảnh hưởng đến tình hình mức sống của người lao động.

Một năm đã trôi qua, bên cạnh những thuận lợi, còn rất nhiều những khó khăn kéo dài đến hiện tại như: thiên tai, dịch bệnh, thay đổi khí hậu, tác động môi trường,…đã làm thiệt hại người và tài sản của nhân dân. Cũng trong lúc này, tác động suy thoái kinh tế toàn cầu, các khoản thuế đối với ngành kinh doanh vận tải hành khách công cộng tăng cao, giá xăng dầu thế giới có sự thay đổi theo chiều hướng xấu,… đã tác động không nhỏ đến ngành kinh doanh vận chuyển hành khách.

Nhưng với tinh thần phát huy nội lực, đoàn kết và vượt lên chính mình, không thỏa mãn những gì đã đạt được trong thời gian qua, các đơn vị thành viên của Mai Linh đã phấn đấu hoàn tất các chỉ tiêu kế hoạch đề ra của năm vừa qua.

1.2. Tổng quan tình hình thực hiện kế hoạch năm 2010

Năm 2010, Ban Lãnh Đạo Công ty Mai Linh đã thực hiện công tác tái cấu trúc mạnh mẽ và quyết liệt, cương quyết cắt giảm những nhân sự chưa thật phù hợp cũng như những chi phí chưa thật sự cần thiết để thay đổi hoạt động của toàn hệ thống, lấy hoạt động của ngành vận tải làm chủ đạo, hướng đến mục tiêu hiệu quả và lợi nhuận cho cổ đông. Mai Linh cũng đã đẩy mạnh đầu tư phương tiện, thay đổi sách lược kinh doanh mới phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Trong những điều kiện khó khăn như đã nêu, nhưng với nỗ lực phấn đấu vượt qua thách thức của thời kỳ hậu khủng hoảng, trong năm 2010, Mai Linh đã đạt được một số kết quả như sau:

Đơn vị : Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2010	TH 2010	% Hoàn thành	TH 2009	% Tăng trưởng so năm 2009
HỢP NHẤT					
Doanh thu thuần	2.948	2.780	94,3%	2,429	14,4%
Lợi nhuận sau thuế	66,6	91,5	137,44%	(9,3)	1.081%
RIÊNG - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH					
Doanh thu thuần	729	730,3	100,2%	574,7	27,1%
Lợi nhuận sau thuế	16,6	15,2	91,36%	(74,2)	120,4%

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2010 đạt **2.780** tỷ đồng, hoàn thành đạt 94,3% kế hoạch năm và tăng 14,4% so với thực hiện năm 2009.

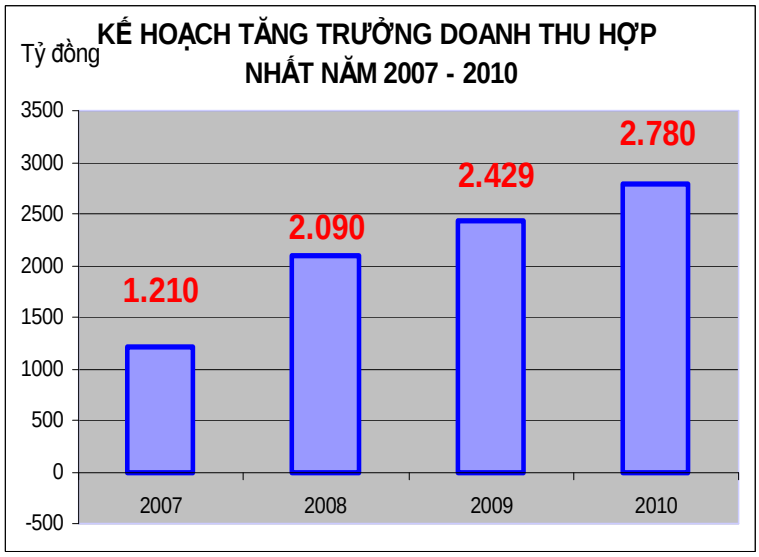

Tuy nhiên, lợi nhuận hợp nhất của toàn Mai Linh đạt **91,5** tỷ đồng, hoàn thành vượt 37,4% kế hoạch năm và tăng gấp 10 lần so với năm 2009 (âm 9,3 tỷ đồng).

KHU VỰC	DOANH THU THUẦN 2010
KHU VỰC ĐÔNG BẮC BỘ	937,5
KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ	273,3
KHU VỰC NAM TRUNG BỘ & TN	334,1
KHU VỰC TP.HCM	1.235,0

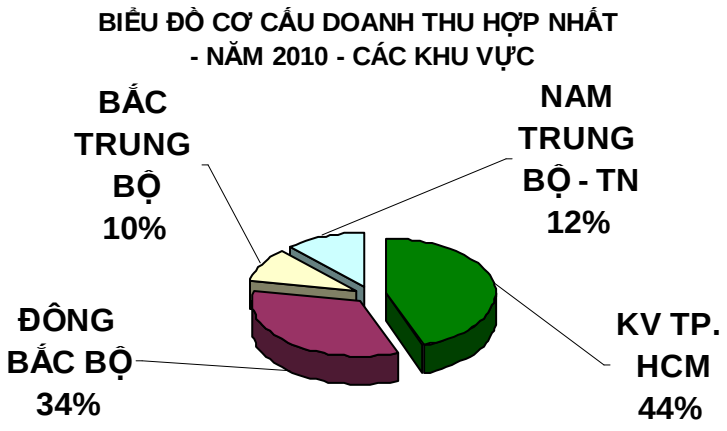

Biểu đồ cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất 2010 Công ty CP Tập đoàn Mai Linh

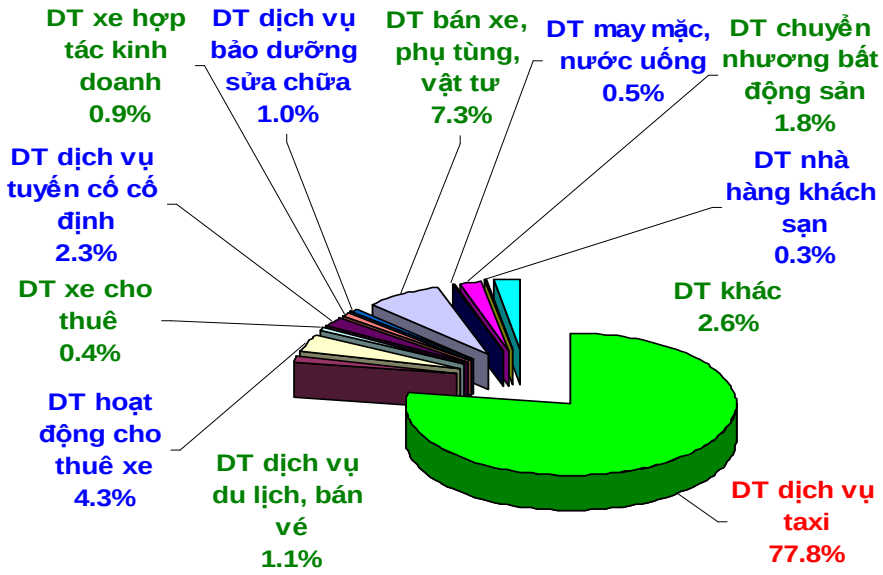

Nguyên nhân chủ yếu là do:

Nhà nước tập trung vào chính sách thắt chặt tiền tệ để chống lạm phát nên đã khiến cho lãi suất vay tăng cao làm tăng chi phí vốn dẫn đến lợi nhuận tăng chưa cao. Tuy vậy, lạm phát cũng đứng ở mức cao nên dẫn đến giá cả các yếu tố đầu vào tăng lớn gây tăng giá vốn kinh doanh dẫn đến lợi nhuận cũng bị ảnh hưởng. Trong khi đó, thị trường chứng khoán không tăng điểm dẫn đến các chứng khoán OTC (trong đó có Mai Linh), không có động lực hấp dẫn nhà đầu tư, khiến cho kênh huy động vốn này không thể giúp ích cho Mai Linh. Mặt khác, do ảnh hưởng của các năm trước, việc đầu tư phần lớn chưa phát triển mạnh theo chiều sâu nên cũng để lại hậu quả có tác động không nhỏ đến lợi nhuận của riêng Công ty CP Tập đoàn Mai Linh.

Dù có nhiều khó khăn từ môi trường bên ngoài cũng như từ nội tại bên trong nhưng trong năm 2010, toàn hệ thống Mai Linh cũng đã phấn đấu đạt chỉ tiêu lợi nhuận và cố gắng tiếp tục đầu tư hiệu quả và đạt được một số thành công không thể phủ nhận được là:

1.2.1. Tăng đầu tư phương tiện vận tải mới (chủ yếu là taxi):

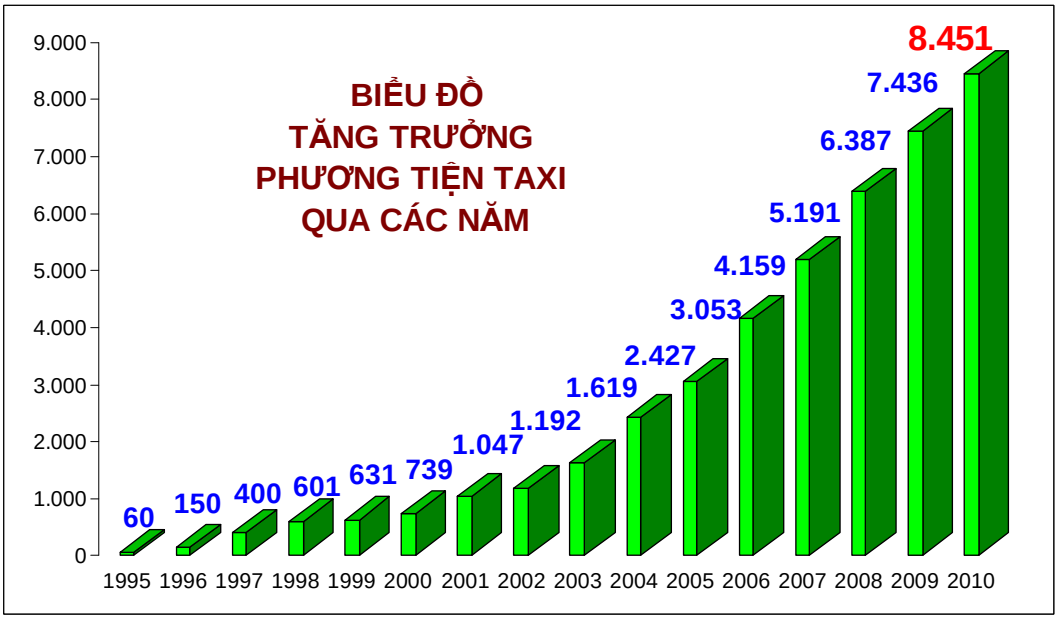

1.2.2. Phát triển và kiện toàn mạng lưới kinh doanh vận tải taxi trên 53 tỉnh thành trong cả nước.

1.2.3. Tăng doanh thu thuần qua phát triển thị trường kinh doanh dịch vụ taxi và các dịch vụ có thu khác.

1.2.4. Mở rộng hoạt động quảng bá thương hiệu Mai linh thông qua chương trình "Thăng Long – Hồn thiêng Sông núi" đưa 1.000 Anh hùng thới đại và các bà mẹ Việt nam Anh hùng về dự đại lễ "1.000 năm Thăng Long – Hà Nội".

Những thành công này đã chứng minh ý chí quyết tâm vượt qua khó khăn thử thách để tiếp tục khẳng định thương hiệu Mai Linh trên thị trường Việt nam, duy trì vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải.

1.3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu khai thác taxi năm 2010:

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2009	THỰC HIỆN 2010	TĂNG / GIẢM
Số xe có b/q ngày	6.062	8.054	32,9%
Số lượng xe cuối năm	7.971	8.602	7,9%
Số lượng cuộc gọi b/q ngày	59.482	79.911	34,3%
Giá cước thực tế b/q km	8.685	9.816	13,0%
Hệ số lợi dụng quãng đường	55,5%	55,6%	0,2%
Doanh thu kinh doanh b/q ngày/xe	1.050.761	1.114.256	7,3%

Tổng số lượng phương tiện kinh doanh Taxi bình quân trong năm cả hệ thống là **8.054** xe, tăng 32,9% so với năm 2009. Doanh thu kinh doanh bình quân ngày xe của toàn hệ thống là **1.114.256** đồng/xe/ngày, tăng 7,3% so với năm 2009.

Hệ số sử dụng quãng đường toàn hệ thống là **55,6**%, tăng 0,2% so với năm 2009.

1.4. Hoạt động đầu tư thanh lý phương tiện trong năm 2010

Đơn vị	Cuối năm 2009	Đầu tư 2010	Thanh lý 2010	*Cuối năm 2010*	Tăng giảm so 2009
KINH DOANH TAXI	**7.436**	***2.026***	***1.011***	**8.451**	**13,6%**
ML TÂY NAM BỘ	382	*240*	*95*	527	38,0%
ML HCM	2.109	*347*	*188*	2.268	7,5%
ML ĐÔNG NAM BỘ	678	*70*	*81*	667	(1,6%)
ML NAM TRUNG BỘ & TN	841	*359*	*132*	1.068	27,0%
ML BẮC TRUNG BỘ	652	*140*	*72*	720	10,4%
ML ĐÔNG BẮC BỘ	2.774	*870*	*443*	3.201	15,4%
XE EXPRESS	**529**	***67***	***166***	**430**	**(18,7%)**
XE CHO THUÊ TP.HCM	**286**	***3***		**289**	**1,0%**
XE BUÝT QUẢNG NGÃI		***16***		**16**	
TOÀN HỆ THỐNG	**8.251**	***2.112***	***1,177***	**9.186**	**11,3%**

Trong năm 2010, Mai Linh đã mạnh dạn đầu tư thêm **2.112** xe, đạt 81,2% so với kế hoạch đề ra, nâng số xe của hệ thống tính đến ngày 31/12/2010 là **9.186** xe, trong đó có **8.451** xe taxi trong đó chủ yếu là dòng xe Toyota cao cấp, tăng 13,6% so với năm 2009.

Nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ, Mai Linh cũng đã thanh lý tổng cộng **1.177** xe các loại không còn phù hợp với thị trường.

2. *Báo cáo tình hình tài chính*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho MLG và 60 công ty con. Theo số liệu báo cáo kiểm toán tính đến ngày 31/12/2010 thì tổng tài sản là **5.255** tỷ đồng, tăng 3,6% so với năm 2009, lợi nhuận trước thuế cộng lãi vay trên doanh thu thuần là 16,7%, tuy nhiên do tác động của lãi vay tăng cao (lãi vay chiếm 12,5% so với doanh thu thuần) nên lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch chưa cao.

CHỈ TIÊU	HỢP NHẤT
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**2.797.606.299.807**
2. Các khoản giảm trừ	17.740.802.520
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**2.779.865.497.287**
4. Giá vốn hàng hóa	2.036.384.166.132
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**743.481.331.155**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	112.391.102.966
7. Chi phí tài chính	353.883.227.218
Trong đó: Chi phí lãi vay	*347.201.201.805*
8. Chi phí bán hàng	122.462.380.077
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	288.963.217.369

10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**90.563.609.457**
11. Thu nhập khác	144.801.709.096
12. Chi phí khác	116.585.325.653
13. Lợi nhuận khác	28.216.383.443
14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD	(1.295.880.827)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**117.484.112.073**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.553.550.507
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(602.210.320)
18 .Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	91.532.771.886
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	22.990.011.463
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	68.542.760.423

CHỈ TIÊU	RIÊNG MLG
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**737.175.825.176**
2. Các khoản giảm trừ	6.836.270.739
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**730.339.554.437**
4. Giá vốn hàng hóa	554.630.342.868
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**175.709.211.569**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	115.321.662.173
7. Chi phí tài chính	185.362.710.071
Trong đó: Chi phí lãi vay	*185.067.926.903*
8. Chi phí bán hàng	24.516.237.026
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	68.045.092.313
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**13.106.834.332**
11. Thu nhập khác	33.277.496.727
12. Chi phí khác	31.218.152.717
13. Lợi nhuận khác	2.059.344.010

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**15.166.178.342**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-
17 .Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**15.166.178.342**

Chỉ Tiêu	ĐVT	Hợp nhất		Riêng MLG	
		Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
1. Nhóm chỉ tiêu cơ cấu Tài chính					
Cơ cấu Tài Sản					
Tỷ trọng TSLĐ &ĐTNH/Tổng TS	%	25,0	22,1	28,6	27,7
Tỷ suất đầu tư tổng quát	%	75,0	77,9	71,4	72,3
Tỷ suất đầu tư TSCĐ	%	62,8	64,8	30,5	31,1
Tỷ suất đầu tư tài chính dài hạn	%	0,1	0,2	33,2	33,8
Tỷ trọng LTTM / Tổng TS	%	1,3	1,4		
Cơ cấu Nguồn vốn					
Tỷ suất Nợ	%	77,3	77,9	73,5	71,9
Tỷ suất vốn CSH	%	13,6	12,9	26,5	28,1
Tỷ suất của LI CĐ TT	%	9,1	9,2		
Hệ số Nợ phải trả/ Vốn CSH	*Lần*	5,66	6,02	2,77	2,55
2. Hệ số Thanh Toán					
Hiện thời (TT ngắn hạn)	*Lần*	0,61	0,59	0,89	0,99
HS Thanh Toán nhanh	*Lần*	0,59	0,56	0,89	0,98
3. Chỉ số liên quan đến phải thu và phải trả					
Khoản phải thu NH/TSLĐ	*Lần*	0,68	0,58	0,72	0,67
Khoản phải thu/ Nợ PT ko tính lãi	*Lần*	0,90	0,72	1,51	1,54
4. Luôn chuyển Vốn					
Số Vòng quay hàng tồn kho	*Vòng*	42,6		101,8	196,3
Kỳ luân chuyển hàng tồn kho	*Ngày*	8,5		3,5	1,8
Số vòng quay Nợ phải thu	*Vòng*	3,1	3,6	1,2	1,2
Kỳ thu tiền bình quân	*Ngày*	117	99	293	310
Số vòng quay TSNH	*Vòng*	2,1	2,2	0,9	0,8
Số ngày của 1 vòng quay TSNH	*Ngày*	170	166	408	464
Số vòng quay TSCĐ	*Vòng*	0,8	0,7	0,8	0,7
Số ngày của 1 vòng quay TSCĐ	*Ngày*	427	487	435	520
Số vòng quay của Tổng TS	*Vòng*	0,5	0,5	0,3	0,2
Số ngày của 1 vòng quay Tổng TS	*Ngày*	681	752	1426	1675
Số vòng quay Vốn CSH	*Vòng*	3,9	3,7	1,0	0,8

Số ngày của 1 vòng quay Vốn CSH	*Ngày*	93	97	378	471
5. Chỉ tiêu sinh lời					
Tỷ suất lãi sau thuế / doanh thu	%	3,29	(0,00)	2,08	(0,13)
Tỷ suất sinh lợi cơ bản	%	8,84	0,06	6,92	0,03
ROA	%	1,74	(0,00)	0,52	(0,03)
ROE	%	12,76	(0,01)	1,98	(0,10)
Thu nhập của mỗi cổ phiếu thường		782,54	(478,22)	173	(848,02)

3. *Báo cáo tình hình nhân sự*

Tổng số CBNV của MLG tính đến 31/12//2010 là **25.908** người (không bao gồm đơn vị Tân Hưng, Năng Động, Việt Linh), tăng 11.84% (2.742 người) so với 31/12/2009 (23.166 người).

Trong đó:

Phân bổ theo Ngành/Khu vực

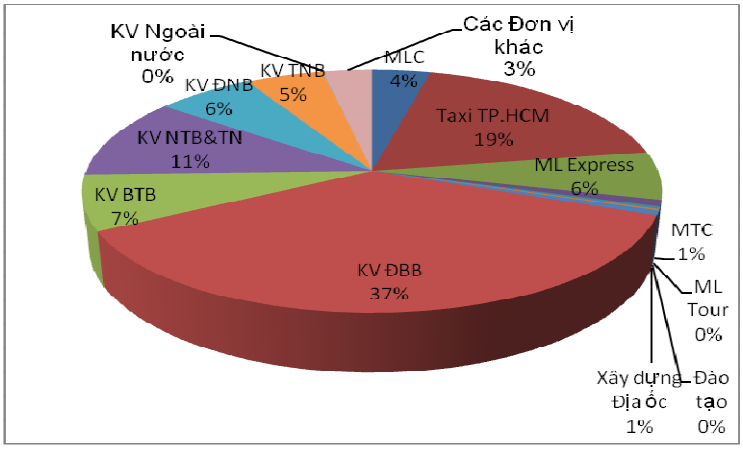

Phân bổ theo đối tượng trực tiếp - gián tiếp

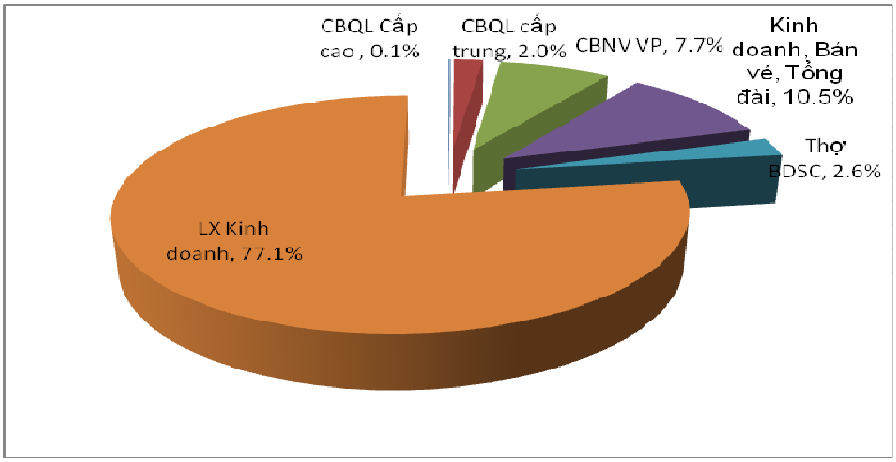

4. Các tiến bộ đạt được

4.1. Về cơ cấu tổ chức và quản lý

Trong năm 2010, cơ cấu tổ chức đã thực hiện các công tác sau:

(1) Điều chỉnh cơ cấu tổ chức các phòng ban chức năng Công ty mẹ;

(2) Thiết lập lại cơ cấu tổ chức, bộ máy điều hành Mai Linh Đông Nam Bộ và Mai Linh Tây Nam Bộ;

(3) Ban hành qui định, hướng dẫn thực hiện chính sách Một Mai Linh về nguyên tắc;

(4) Đã đăc biệt quan tâm đến công tác đào tạo, trong đó công tác đào tạo dài hạn và chương trình tài trợ học bổng chiếm tỷ trọng đáng kể nhất.

4.2. Về hoạt động đầu tư phát triển

4.2.1. Các dự án đầu tư trong nước:

(1) Với định hướng tập trung đầu tư và phát triển ngành nghề chủ lực là vận tải, Mai Linh đã đầu tư xe buýt tại Quảng Ngãi và đi vào kinh doanh khai thác có hiệu quả;

(2) Lắp đặt và triển khai dự án khí hóa lỏng LPG tại Mai Linh Vũng Tàu, sau đó tiến hành nhân rộng tại Khu vực Miền Đông Nam bộ, như Đồng Nai, Bình Dương, Tp.HCM;

(3) Đầu tư dự án "Mobivi" - hình thức thanh toán cước bằng hệ thống nhắn tin qua điện thoại;

(4) Dự án thanh toán bằng thẻ tín dụng thuộc hệ thống Ngân hàng Đầu tư Phát triển - BIDV qua máy P.O.S lắp đặt trên máy Taxi;

(5) Dự án hợp tác lâu dài với Tập đoàn FPT, thiết lập giải pháp quản lý và điều hành Taxi qua hệ thống định vị GPS và cung cấp giá trị tiện ích trên xe Taxi;

(6) Song song các dự án trên, Mai Linh đã thống nhất hệ thống "nhận diện thương hiệu Taxi Mai Linh";

(7) Nghiên cứu dự án sử dụng năng lượng tái tạo, để cung cấp điện cho Trạm dừng chân Cà Ná;

(8) Tham gia Dự án BOT đường cao tốc Ninh Bình- Thanh Hóa.

4.2.2. Các dự án có yếu tố tham gia của nước ngoài:

(1) Dự án hợp tác với Sumitomo - Nhật Bản, liên doanh xe cho thuê;

(2) Các dự án đầu tư Taxi tại Mỹ, Mekong (Lào); Taxi, express (tại Campuchia);

(3) Mở tuyến vận tải quốc tế Việt Nam- Champaksak.

Với các tiến bộ đã đạt được ấy, Mai Linh đã từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng lưới hoạt động, phát triển các ngành nghề có triển vọng tiếp tục giữ vững vị thế của mình trên thị trường, trở thành doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải tốt nhất.

4.3. Những điểm nhấn đặc biệt của năm 2010

(1) Mai Linh vượt qua khó khăn tạo ra mức lợi nhuận cao: Theo tiêu chí "hướng đến khách hàng", Công ty Mai Linh đã chú trọng đầu tư kinh doanh một cách thông suốt cả về chiều sâu lẫn trên diện rộng, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực tế, tập trung vào 3 nhóm ngành nghề kinh doanh chính là vận tải, du lịch và sản xuất – thương mại;

(2) Tổ chức thành công cuộc hành trình lịch sử - Chương trình "Thăng Long – Hồn thiêng sông núi": Đây là cuộc hành trình lịch sử dài gần 2.000 km đưa 1.000 Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng LLVTND, Anh hùng Lao động thời đại Hồ Chí Minh từ khắp mọi miền của Tổ quốc về dự Đại lễ 1.000 năm Thăng Long Hà Nội. Chương trình đã được Trung tâm Sách kỷ lục Việt Nam trao tặng 2 kỷ lục;

(3) Ra mắt Quỹ Phát triển vì Cộng đồng (CDF): Quỹ hoạt động phi lợi nhuận, có nguồn vốn từ đóng góp của sáng lập viên và vận động tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân; riêng cán bộ nhân viên Mai Linh sẽ đóng góp 1% lương hàng tháng, mỗi lái xe góp 1.000 đồng/ngày;

(4) Công ty CP Mai Linh Bắc Trung Bộ lên sàn: Ngày 16/12/2010, hơn 7 triệu cổ phiếu của Công ty CP Mai Linh Bắc Trung Bộ đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, thể hiện tính hiệu quả, minh bạch về hoạt động kinh doanh và uy tín của Mai Linh Bắc Trung Bộ nói riêng cũng như toàn hệ thống Mai Linh nói chung;

(5) Chính sách hợp nhất màu xanh: Toàn bộ số phương tiện kinh doanh từ taxi, xe bus, xe cho thuê, xe chạy đường dài sẽ được hợp nhất sơn một màu sơn xanh;

(6) Triển khai Nghị định 34CP: Mai Linh đã tiên phong phối hợp cùng Phòng CSGT của 53 tỉnh thành trên cả nước tổ chức Hội nghị triển khai Nghị định 34/2010/NĐ – CP;

(7) Lễ động thổ Mai Linh Tower 2: Ngày 10/4/2010, đã chính thức làm Lễ động thổ Công trình "Mai Linh Tower 2" – khu chung cư dành cho CBCNV đang làm việc tại Mai Linh TP.HCM, đánh dấu sự trưởng thành của Mai Linh qua việc thể hiện sự đa dạng ngành nghề của mình trong lĩnh vực địa ốc xây dựng;

(8) Đưa vào khai thác xe giường nằm Mai Linh Express: Hiện tại, Mai Linh Express đang hoạt động trên 40 tuyến xe trong đó có 250 xe 16 chỗ, 100 xe 45 chỗ và 55 xe giường nằm;

(9) Mai Linh Group đồng hành cùng Hoa hậu Trái đất: Mai Linh vinh dự là 1 trong những đơn vị tài trợ phương tiện vận chuyển, góp phần vào thành công rực rỡ của cuộc thi Hoa hậu Trái đất;

(10) Mai Linh Group 05 năm liên tục đạt danh hiệu "Thương hiệu Việt được yêu thích nhất": Ngày 18/8/2010 Mai Linh đã vinh dự được nhận giải thưởng "Thương hiệu Việt yêu thích 2010" cho 61 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam.

5. Kế hoạch phát triển 2011

5.1. Nhận định tình hình kinh tế xã hội năm 2011:

- Sự phát triển nhảy vọt của khoa học; xu hướng sử dụng các công nghệ tiết kiệm nguyên liệu - năng lượng, thân thiện với môi trường; làm thay đổi cơ cấu kinh tế, thúc đẩy quá trình cải cách và tái cấu trúc.

- Toàn cầu hóa và liên kết kinh tế sâu rộng, thúc đẩy quá trình quốc tế hóa sản xuất và phân công lao động; cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt.

- Vai trò ngày càng tăng của các nền kinh tế mới phát triển, nhất là sự phát triển mạnh của Ấn Độ và Trung Quốc làm thay đổi cán cân quyền lực kinh tế - chính trị trên thế giới. ASEAN với vị thế địa chiến lược trọng yếu, tạo thuận lợi cho sự hội nhập phát triển của các nước thành viên.

- Sau khủng hoảng kinh tế, quá trình phục hồi diễn ra chậm chạp và đầy mâu thuẫn; khủng hoảng nợ công lan rộng và nguy cơ cuộc chiến tranh tiền tệ chưa được loại trừ. Trong bối cảnh đó, sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn làm cho độ rủi ro và tính bất định tăng lên.

- Song song đó, tình trạng suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng cao có thể là biến số lớn trong tiến trình phát triển.

5.2. Định hướng phát triển:

Bốn định hướng đột phá quan trọng về quan điểm tái cấu trúc và phát triển bền vững của Mai Linh trong thời kỳ mới, đó là:

(1) Đặt yêu cầu bảo đảm tốc độ tăng trưởng nhanh, lấy phát triển bền vững làm yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển, khắc phục tư tưởng chạy theo tốc độ mà không chú trọng đến chất lượng tăng trưởng.

(2) Nghiên cứu đầu tư vào sử dụng các công nghệ mới, tiên tiến chính là yếu tố sống còn của Mai Linh như phương tiện vận tải mới, an toàn; công nghệ quản lý taxi hiện đại bằng GPS; phần mềm quản lý tài chính mạnh mẽ, chính xác; sử dụng nhiên liệu sạch; nguồn cung cấp năng lượng mới, đảm bảo; …

(3) Đảm bảo hài hoà quyền lợi giữa các nhà đầu tư, các tổ chức tài chính, đội ngũ lao động và các nhà cung cấp trong quan hệ sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện các cơ chế chính sách để phát huy tối đa nguồn vốn của các nhà cung cấp, các nhà đầu tư, các ngân hàng và lực lượng lao động trong Mai Linh, tạo điều kiện khuyến khích các hình thức hợp tác kinh doanh với vốn chủ sở hữu hỗn hợp, đa thành phần.

(4) Khẳng định vai trò chủ đạo của hoạt động vận tải trong quá trình tái cấu trúc theo đó điều tiết, phân bổ các nguồn lực hiện có, cùng với sự tác động của các chính sách trọng dụng nhân sự làm nhân tố kích hoạt, định hướng việc thực hiện tái cơ cấu và phát triển, phục vụ việc định vị lại hoạt động và cơ chế quản lý "Một Mai Linh".

Có thể nói, 4 định hướng quan trọng nêu trên là những khái quát cô đọng và toàn diện những kinh nghiệm thực tế, đồng thời phản ánh xu hướng đảm bảo phát triển bền vững Mai Linh, phù hợp yêu cầu mới trong tình hình hiện nay.

5.3. Mục tiêu phát triển năm 2011:

(1) Kiểm soát và cắt giảm hợp lý chi phí;

(2) Đảm bảo vị trí nằm trong top đầu ở các thị trường trọng điểm ở Tp HCM, Hà Nội, Đà Nẵng, Nha Trang, Cần Thơ;

(3) Duy trì vị trí dẫn đầu ở các thị trường cấp 2, tăng cường đầu tư và phát triển mở rộng các thị thường quy mô nhỏ;

(4) Tăng trưởng phương tiện 24%, doanh thu hợp nhất kỳ vọng tăng trưởng 7% so năm 2010;

(5) Tăng trưởng ở mức 22%/năm cho 5 năm tới (2010-2015) và 15%/ năm cho 10 năm tới.

5.4. Chiến lược kinh doanh năm 2011:

(1) Phương tiện: Thanh lý phương tiện cũ không còn phù hợp, thay thế bằng phương tiện mới;

(2) Chất lượng dịch vụ vận tải: Đầu tư công nghệ vào kinh doanh như phần mềm tổng đài, phần mềm định vị qua vệ tinh, thanh toán cước tự động qua máy P.O.S. hoặc Mobivi, …nâng cao chất lượng dịch vụ để tăng năng lực cạnh tranh;

(3) Thị trường: Phát triển chiều sâu cho một số thị trường trọng điểm, không đầu tư dàn trải, song song với việc phát triển những thị trường mới, giàu tiềm năng theo định hướng “hiệu quả là chân lý cứng”;

(4) Cơ cấu tổ chức: Tái cấu trúc cho phù hợp với nền kinh tế, tinh giảm nhân sự, sử dụng nhân sự đúng người, đúng việc, coi trọng công tác nhân sự, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo;

(5) Nhân sự: Coi trọng công tác nhân sự, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo;

(6) Tài chính: Quản lý tài chính tập trung, điều tiết và phân bổ thu nhập hợp lý. Cấu trúc lại vốn.

5.5. Một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2011

5.5.1. Đầu tư phương tiện năm 2011

Tiếp tục đầu tư mới tăng thêm 3.000 xe các loại cho toàn hệ thống. Trong đó, Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh dự kiến sẽ đầu tư 1.000 xe cho các đơn vị thuê với nguồn vốn đầu tư từ thanh lý phương tiện và nguồn tài trợ khác, còn lại các Công ty thành viên ngành/khu vực tự cân đối nguồn vốn đầu tư, từ vốn tự có và vốn vay.

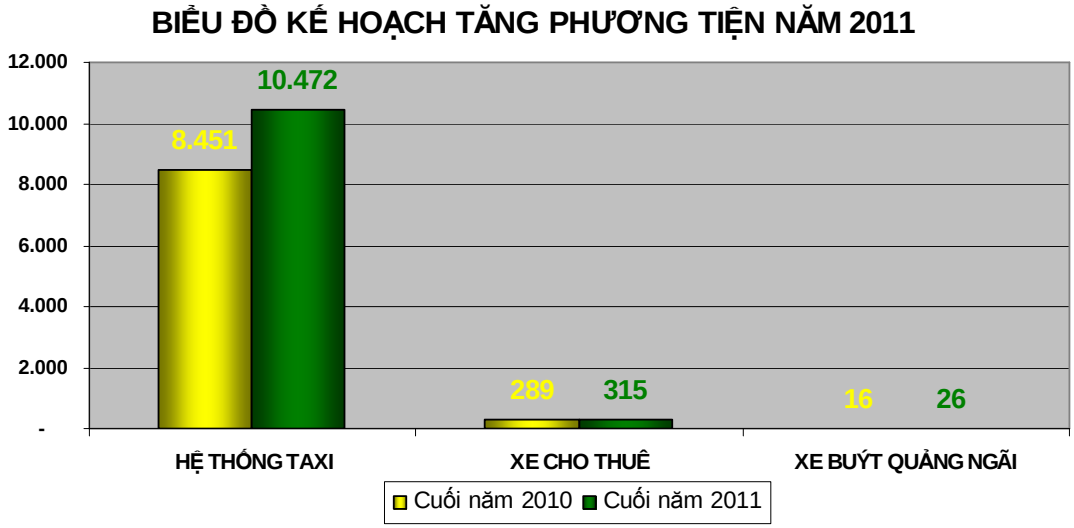

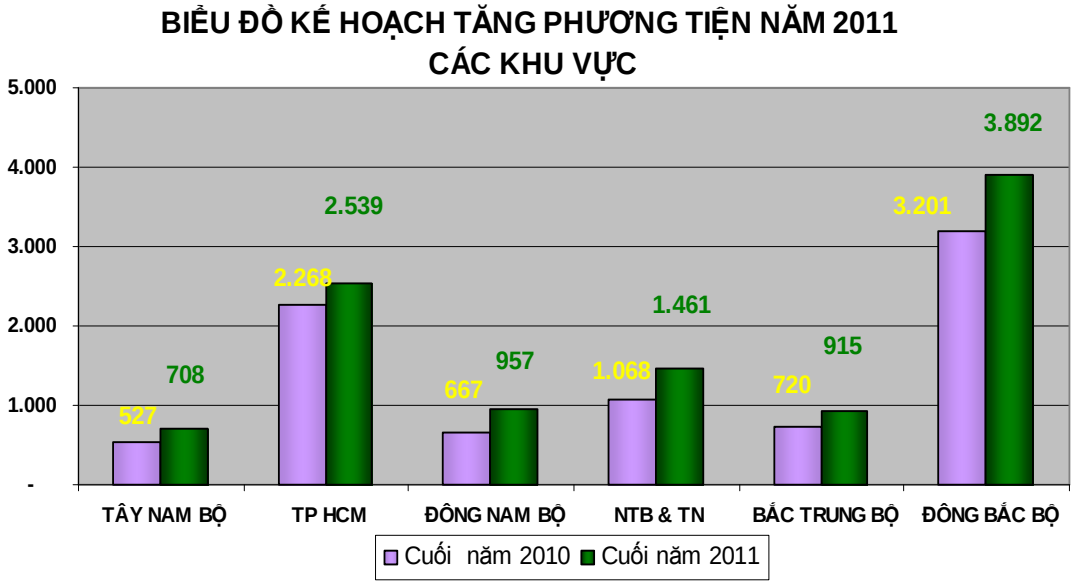

4.2.2. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2011

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2011 Tỷ đồng
HỢP NHẤT	
Doanh thu	3.000
Lợi nhuận sau thuế	108
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	**3,6%**
Tỷ số lợi nhuận sau thuế/vốn cổ phần	**11%**
RIÊNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH	
Doanh thu	800
Lợi nhuận sau thuế	20

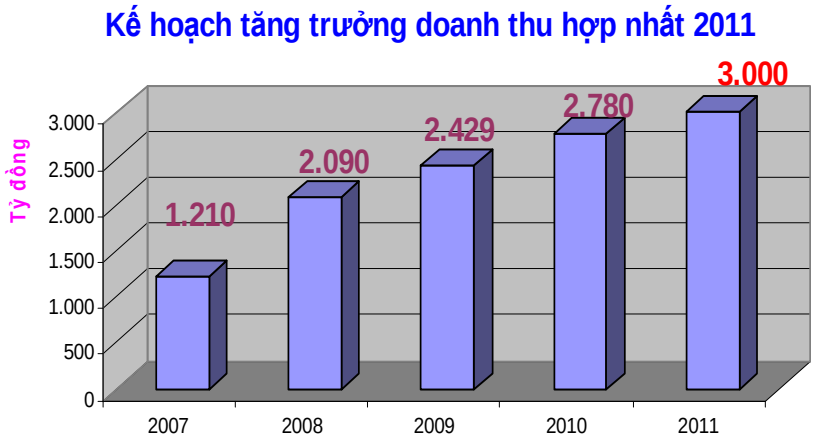

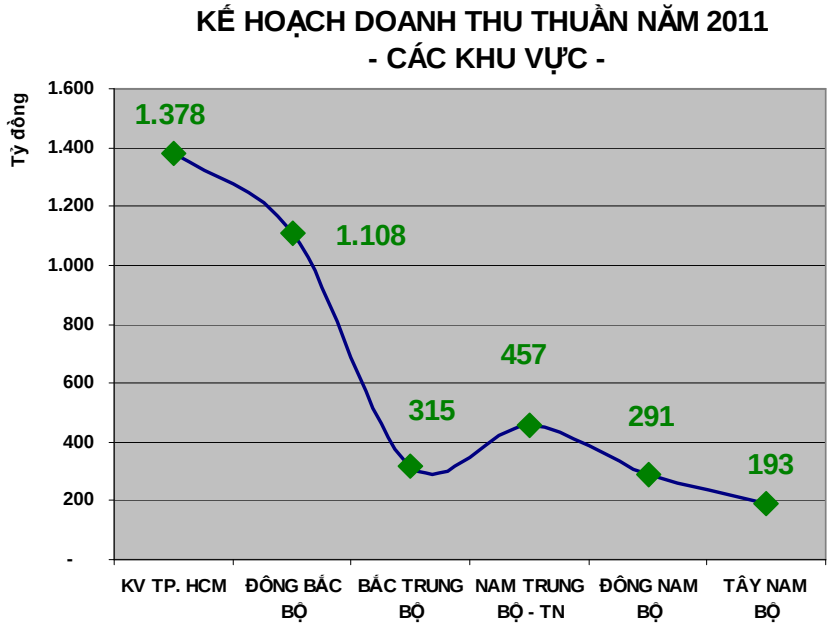

5.6. Một số giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2011

5.6.1. Quản lý nguồn nhân lực

(1) Công tác TCCB: Rà soát lại cấu trúc, cơ cấu; ban hành các quy định nguồn nhân lực. quy chế quản lý; Triển khai chính sách Một Mai Linh; Rà soát, đánh giá, bố trí, bổ nhiệm cán bộ quản lý;

(2) Tuyển dụng: Hoàn tất định biên nhân sự; Tổng hợp nhu cầu, phối hợp tuyển dụng, điều động bổ sung nhân sự; Cập nhật quy chế tuyển dụng, chức năng nhiệm vụ;

(3) Đào tạo: Kiểm soát các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn; văn hóa doanh nghiệp; Cập nhật quy chế đào tạo;

(4) Thống kê tổng hợp: Phục vụ việc nhập và chuyển dữ liệu phần mềm; Thống kê báo cáo nhân sự;

(5) Tiền lương & Chế độ chính sách: Xây dựng phương án lương Điều hành điểm tiếp thị; phương án thưởng Bộ phận Công nợ Taxi MLG; điều chỉnh lương đối với thợ sửa chữa, thủ kho; Giải quyết BHXH;

(6) Đánh giá thi đua: Xây dựng công tác đánh giá thi đua, đánh giá kết quả công việc;

(7) Phần mềm nhân sự: Đảm bảo theo tiến độ trong kế hoạch; Triển khai ứng dụng trong toàn MLG.

5.6.2. Giải pháp tài chính

(1) Về quản lý tài chính tập trung: phối hợp với Ngân hàng BIDV triển khai chương trình quản lý dòng tiền qua Internet nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực tại các đơn vị thành viên ngành/khu vực;

(2) Cơ cấu lại nguồn vốn đảm bảo tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu giảm dần tiến tới an toàn tài chính hệ thống;

(3) Phát triển nguồn vốn kinh doanh liên kết đầu tư phương tiện mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh phương tiện vận tải;

(4) Huy động vốn đầu tư đảm bảo hiệu quả kinh doanh từ nhiều chương trình phát huy nội lực với nhiều hình thức đầu tư;

(5) Thực hiện thanh lý các dòng xe cũ kinh doanh không hiệu quả, giá trị còn lại thấp và đã thanh toán cơ bản hoàn thành với các tổ chức tín dụng, đảm bảo dòng tiền phục vụ cho đầu tư mới phương tiện vận tải;

(6) Cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư, xem xét khai thác hiệu quả bất động sản hiện có hoặc cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng đầu tư vào các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Mai Linh có hiệu quả kinh tế cao và ổn định;

(7) Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí quản lý, chi phí bán hàng, cắt giảm chi phí tài chính trên cơ sở cơ cấu lại các khoản nợ vay và điều chỉnh lãi suất vay phù hợp;

(8) Thúc đẩy tạo nguồn thu từ việc khai thác quảng cáo trên các phương tiện kinh doanh, tránh tình trạng lãng phí nguồn lực do không khai thác quãng cáo được;

(9) Phối hợp với Ngân hàng BIDV và Công ty Việt Phú (Mobiví) triển khai chính sách chiết khấu cho khách hàng và nhân viên lái xe nhằm khuyến khích việc thanh toán dịch vụ taxi không dùng tiền mặt.

5.6.3. Giải pháp Marketing

(1) Tiếp tục áp dụng chiến lược dẫn đầu thị trường cho lĩnh vực kinh doanh taxi. Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh mở rộng thị trường đảm bảo hiệu quả, tăng cường đầu tư phương tiện và nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng;

(2) Thiết lập hệ thống bộ nhận diện thương hiệu thống nhất, triển khai hợp nhất màu xanh trong toàn hệ thống;

(3) Phân tích và xác định lại khách hàng mục tiêu cho tất cả các lĩnh vực kinh doanh để đưa ra các giải pháp marketing phù hợp theo từng đối tượng khách hàng. Thu thập thông tin và thiết lập cơ sở dữ liệu, phân tích, đánh giá các yếu tố cạnh tranh, khách hàng;

(4) Phát triển các tiện ích gia tăng cho khách hàng truyền thống;

(5) Gia tăng hình ảnh và cung cấp dịch vụ tại các khu dân cư mới của các đô thị lớn;

(6) Tập trung và chú trọng vào khối khách hàng doanh nghiệp và các cao ốc văn phòng và khu phức hợp.

5.6.4. Công tác quản lý – kinh doanh

(1) Tăng doanh thu;

(2) Phát triển điểm tiếp thị và phát triển khách hàng;

(3) Cắt giảm những chi phí không cần thiết, thực hành tiết kiệm;

(4) Tạo vốn kinh doanh và phát huy nội lực;

(5) Phối hợp hài hòa giữa 3 lợi ích: Lợi ích của Khách hàng - Công ty - Người lao động.

5.6.5. Công tác đoàn thể

(1) Đảng ủy:

- Phổ biến Hướng dẫn số 10 – TCTW V/v nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ;
- Phổ biến công tác bảo vệ chính trị nội bộ theo Quy định số 57- QĐ/TW;
- Tìm biện pháp "Chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hoá độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội" theo Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 27/7/2010;
- Học tập văn kiện hội nghị lần thứ 7 – BCHTW khóa X.

(2) Hội CCB: Học tập văn kiện hội nghị lần thứ 7 – BCHTW khóa X.

(3) Công đoàn:

- Vận động người lao động 100% tự nguyện gia nhập công đoàn;
- Xây dựng 100% Công đoàn cơ sở vững mạnh tiến tới ¾ Công đoàn xuất sắc;
- Thực hiện thỏa ước lao động tập thể, quan tâm đời sống và việc làm cho người lao động;
- Tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao, phát động phong trào thi đua trong tập thể Cán bộ công nhân viên nhân các ngày lễ lớn;
- Phát động phát huy nội lực, mua xe thương quyền, góp vốn, mua cổ phiếu ML;
- Kêu gọi cán bộ nhân viên tham gia đóng góp vào Quỹ "Phát Triển Vì Cộng Đồng".

(4) Đoàn Thanh niên: Xây dựng quy chế hoạt động Chi đoàn Mai Linh.

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH

HỒ HUY

V. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

(Xem chi tiết trong Thuyết minh Báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

1. Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần / vốn góp của Công ty

Hiện nay không có công ty nào nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

2. Công ty có quyền biểu quyết trên 50%

2.1. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan

STT	Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Công ty CP Mai Linh Miền Trung (Công ty CP Mai Linh Bắc Trung Bộ)	92 đường 2/9, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng	Dịch vụ taxi, xe cho thuê	47,79%
2.	Công ty CP Mai Linh Miền Bắc (Công ty CP Mai Linh Đông Bắc Bộ)	370 Trần Khát Chân, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Dịch vụ taxi,	47,76%
3.	Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	25 Lê Lợi, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Vận tải	74,24%
4.	Công ty CP Sản xuất & Thương mại Mai Linh	1691/3N quốc lộ 1A, khu phố 03, phường An Phú Đông, quận 12, TP.HCM	Thương mại	91,59%
5.	Công ty CP Taxi Mai Linh	197 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP.HCM	Vận tải	62,86%
6.	Công ty TNHH Thương mại - Dịch Vụ Vận tải Sài Gòn Bình Minh	C5 Nguyễn Oanh, phường 17, quận Gò Vấp, TP.HCM	Vận tải	73,81%
7.	Công ty Cổ phần Du lịch Thời gian	32 Nguyễn Cư Trinh, phường Phạm Ngũ Lão, quận 01, TP.HCM	Du lịch	82,11%
8.	Công ty Cổ phần Nhật Hồ	21 Nguyễn Kim, quận 05, TP.Hồ Chí Minh	Thương mại	88,75%
9.	Công ty CP Đại lý Vận tải Hàng không Mai Linh	64 -68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM	Vận tải hàng không	63,75%
10.	Công ty TNHH Địa ốc Mai Linh	64 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM	Xây dựng	53%
11.	Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh vận tải, du lịch và nhà hàng Mai Linh (Mỹ)	Số 506, Đường H, Wahington D.C., Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ	Du lịch	100%

2.2. Tóm tắt hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

2.2.1. Công ty cổ phần Mai Linh Miền Bắc (Công ty CP Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ)

Tỷ lệ vốn góp của Công ty CP Tập đoàn Mai Linh là 47,76% và quyền biểu quyết 51%.

Tổng doanh thu thuần hợp nhất năm 2010 là 937,5 tỷ đồng, đạt 136,6% kế hoạch năm 2010, và tăng 58,6% so với năm 2009. Lợi nhuận sau thuế đạt 22,4 tỷ đồng, đạt 51,3% so với kế hoạch năm 2010, giảm 44,6% so với năm 2009.

Doanh thu thuần năm 2010 tăng so với năm 2009 và so với kế hoạch đặt ra, tuy nhiên lợi nhuận giảm, do:

- Công ty và các đơn vị thành viên đầu tư được 870 xe ô tô các loại dẫn đến doanh thu từ hoạt động chính tăng.

- Tỷ giá ngoại tệ tăng dẫn đến giá xe ô tô tăng, chi phí vật tư tăng, thuế trước bạ tăng làm cho chi phí đầu tư tăng và tương ứng là giá vốn tăng.

- Nhà nước điều chỉnh lãi suất cơ bản tăng từ 8% lên 9% và Chính phủ đã cho phép các tổ chức tín dụng thỏa thuận mức lãi suất đối với khác hàng điều này đã làm cho chi phí tài chính tăng lên đáng kể.

- Nhà nước điều chỉnh tăng lương cơ bản dẫn đến chi phí quản lý tăng lên.

- Lượng xe đầu tư nhiều, các xe hoạt động năm đầu phải chịu chi phí lãi vay lớn.

✓ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA): 1,6 %

✓ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): 4,5%

✓ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) : 474 đồng

Trong năm 2010, Công ty CP Mai Linh Miền Bắc đã đầu tư thêm 870 xe các loại đạt 78,7% kế hoạch.

Tại Hà Nội, Công ty CP Mai Linh Miền Bắc cũng cơ bản hoàn thành việc xây dựng tòa nhà văn phòng làm việc và cho thuê với tổng giá trị dự án trên 54 tỷ đồng. Tại Thanh Hóa, Mai Linh Thanh Hóa hoàn thiện và đưa vào sử dụng tòa nhà văn phòng làm việc và cho thuê với giá trị đầu tư hơn 16 tỷ đồng.

☞ Phương hướng kinh doanh năm 2011

Công ty CP Mai Linh Miền Bắc đã dự báo thị trường và định hướng kế hoạch năm 2011 như sau:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của Công ty, hướng tới mục tiêu trở thành Doanh nghiệp vận tải hàng đầu ở Miền Bắc; tiếp tục nâng cao thương hiệu và hình ảnh Mai Linh;

- Nhanh chóng áp dụng khoa học công nghệ như: Lắp đặt thiết bị định vị toàn cầu (GPS) để điều hành Taxi, phần mềm tổng đài và các công nghệ quản trị Công ty hiện đại khác;

- Không ngừng mở rộng thị trường, phát triển khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

✓ Doanh thu thuần: 1.108.000.000.000 đồng

✓ Lợi nhuận sau thuế: 43.750.000.000 đồng

✓ Tổng số xe đầu tư: 1.080 xe

✓ Tổng số xe thanh lý: 389 xe

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã gửi hồ sơ lên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và đang tích cực hoàn thiện thủ tục để niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch vào Quý II/2011.

2.2.2. Công ty cổ phần Mai Linh Miền Trung (Công ty CP TĐ Mai Linh Bắc Trung Bộ)

Tỷ lệ vốn góp của Công ty CP Tập đoàn Mai Linh là 47,79% và quyền biểu quyết 57,28%.

Tổng doanh thu thuần hợp nhất năm 2010 là 279,3 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch năm 2010, vượt 47,2% so với năm 2009. Lợi nhuận sau thuế đạt 9,9 tỷ đồng, đạt 92,9% so với kế hoạch năm 2010, nhưng tăng 48,9% so với năm 2009.

Chỉ tiêu doanh thu thuần 2010 vượt kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu là:

- Khách du lịch quốc tế vào Việt Nam trong năm 2010 tăng lên, đồng thời lượng khách du lịch nội địa cũng tăng.

- Doanh thu của thị trường Đà Nẵng tăng khá khi đối thủ Taxi Xanh thanh lý xe vào quí 3/2010.

- Có lợi thế về chi phí quản lý khi qui mô phương tiện của một số thị trường tăng lên.

- Đầu tư vào thời điểm phù hợp để đáp ứng được mức cầu tăng của thị trường và chu kỳ mùa vụ của thị trường miền Trung

✓ Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản b/q (ROA): 2,79 %

✓ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu b/q (ROE): 10,81 %

✓ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) : 1.397 đồng

Trong năm 2010, Công ty CP Mai Linh Miền Trung đã đầu tư được 136 xe đạt 74 % kế hoạch giao, thanh lý được 72 xe. Về thị phần phương tiện taxi, Công ty CP Mai Linh Miền Trung chiếm 50% số phương tiện taxi tại khu vực Bắc Trung Bộ.

Theo kế hoạch đề ra, trong năm 2010, Công ty đã tiến hành triển khai thực hiện một số dự án trọng điểm như:

➢ Hoàn thành các thêm các hạng mục ở Trạm dừng Quảng Bình như sau:

- Nhà làm việc
- Cây xăng
- Nhà xưởng
- Bãi đỗ xe

- Dự án xe Buýt tại Quảng Ngãi: tiếp tục khai thác 2 tuyến mới là Sa Kỳ và Ba Tơ
- Nâng cao chất lượng dịch vụ về con người: Năm 2010 Công ty vẫn duy trì việc huấn luyện nghiệp vụ kinh doanh, tổ chức học ngoại ngữ cho nhân viên lái xe. Thành quả của công tác này là nhân viên lái xe phục vụ khách hàng ngày càng chuyên nghiệp hơn

☞ **Phương hướng kinh doanh năm 2011**

Công ty CP Mai Linh Miền Trung đã định hướng kế hoạch năm 2011: Vận tải là lĩnh vực kinh doanh chủ lực của Công ty; Kinh doanh đa ngành nghề dựa trên thế mạnh của vận tải và lấy tính hiệu quả làm trọng tâm với các chiến lược như sau:

- Mở rộng kinh doanh tại thị trường Thành phố Hồ Chí Minh với qui mô 100 đầu xe;

- Tiếp tục đầu tư mở rộng nhanh các thị trường có tốc độ phát triển nhanh;

- Đầu tư dòng xe có chất lượng cao như xe Toyota ở các thị trường phù hợp, thanh lý các dòng xe cũ đúng tiến độ;

- Đẩy mạnh chương trình hợp tác đầu tư xe thương quyền – Tập trung vốn cho đầu tư đổi mới phương tiện;

- Giãn tiến độ các dự án đầu tư trạm dừng chân – đưa vào khai thác các hạng mục công trình đã hoàn thành tạo thêm nguồn thu cho công ty;

- Cơ cấu lại nguồn vốn của công ty theo hướng giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh – bằng hình thức phát hành trái phiếu chuyển đổi cho đối tác chiến lược hoặc các quỹ đầu tư. Chuẩn bị đầy đủ điều kiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu khi thị trường tài chính thuận lợi.

- ✓ Doanh thu thuần: 315.473.669.000 đồng
- ✓ Lợi nhuận sau thuế: 10.100.000.000 đồng
- ✓ Tổng số xe đầu tư: 322 xe
- ✓ Tổng số xe thanh lý: 127 xe

2.2.3. Công ty cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ & Tây Nguyên

Tỷ lệ vốn góp của Công ty CP Tập đoàn Mai Linh là 74,24% và quyền biểu quyết 74,24%.

Tổng doanh thu thuần hợp nhất năm 2010 là 367,8 tỷ đồng, đạt 100,6% kế hoạch năm 2010, vượt 52,7% so với năm 2009. Lợi nhuận sau thuế đạt 5,3 tỷ đồng, tương đương 29,7% so với kế hoạch năm 2010, giảm 2,7% so với năm 2009.

Doanh thu thuần năm 2010 tăng so với năm 2009 và đạt kế hoạch đặt ra, tuy nhiên lợi nhuận giảm, do:

- Trong năm 2010 công ty đã đầu tư tăng thêm 227 xe các loại, mở rộng được thị trường, phát triển thêm khách hàng, lượng khách du lịch quốc tế vào Việt Nam tăng, bên cạnh lượng khách du lịch nội địa cũng tăng; lựa chọn đầu tư vào thời điểm phù hợp đã đáp ứng được mức cầu tăng của thị trường và chu kỳ mùa vụ của khu vực, số lượng xe tăng lên tỷ lệ thuận với tăng doanh thu bình quân do yếu tố giá cước tăng, quy mô thị trường.

- Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế giảm do tỷ giá đồng đô la Mỹ tăng dẫn đến giá đầu tư phương tiện tăng, các chi phí đa phần đều tăng như chi phí quản lý (điều chỉnh tăng lương cho nhân viên gián tiếp, tăng lương cơ bản dẫn đến chi phí BHXH cho người lao động tăng) làm giá vốn tăng, chi phí lãi vay tăng cao do lãi suất ngân hàng tăng mạnh, ... làm cho tỷ lệ lãi ròng trên doanh thu giảm.

- ✓ Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA): 0,7 %
- ✓ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE): 2,0 %
- ✓ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) : 162 đồng.

Trong năm 2010, Công ty CP Mai Linh Nam Trung Bộ & Tây Nguyên đã đầu tư mới thêm 227 xe nâng tổng số phương tiện đạt 1.068 xe các loại.

Ngoài ra, Công ty đang hoàn thiện công trình Khách sạn Cà Ná để đầu quý 2/2011 bàn giao, tiếp tục thực hiện vai trò tích cực là cổ đông chính trong Công ty CP đầu tư Đèo Cả với dự kiến đem lại lợi nhuận dài hạn và uy tín thương hiệu cho Mai Linh.

☞ **Phương hướng kinh doanh năm 2011**

Các mục tiêu chính của hoạt động sản xuất kinh doanh:

- ✓ Doanh thu thuần (hợp cộng): 456.600.000.000 đồng
- ✓ Lợi nhuận sau thuế: 14.200.000.000 đồng
- ✓ Tổng số xe đầu tư: 525 xe
- ✓ Tổng số xe thanh lý: 132 xe

2.2.4. Công ty cổ phần Taxi Mai Linh

Tỷ lệ vốn góp của Công ty CP Tập đoàn Mai Linh là 62,86% và quyền biểu quyết 51%.

- Trong năm 2010, tình hình trật tự an toàn giao thông (TTATGT) tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, tai nạn giao thông được kiềm chế, nghị định 34/CP được triển khai đã có ảnh hưởng tính cực đến tình hình kinh doanh taxi và việc khai thác các điểm tiếp thị.

- Tình hình nhân viên lái xe thiếu trong ngành vận tải ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả kinh doanh và chất lượng dịch vụ của ngành vận tải nói chung và taxi nói riêng.

- Việt Nam đã qua thời kỳ ảnh hưởng trực tiếp của cuộc khủng hỏang, nhu cầu của người dân đi lại tăng dẫn đến nhu cầu taxi có chiều hướng tăng cao.

- Việc giới hạn sự phát triển taxi của cơ quan quản lý nhà nước ảnh hưởng tới quá trình đầu tư xe taxi, khiến sự đầu tư ngày càng khó khăn và cạnh tranh trong ngành taxi ngày càng khốc liệt.

- Tình hình kinh doanh taxi vẫn ổn định, số cuộc gọi tại các điểm và tổng đài vẫn gia tăng. Dù các đối thủ tăng đầu xe rất nhiều nhưng doanh thu của chúng ta vẫn đảm bảo, thị phần không bị giảm.

Là khu vực kinh doanh có môi trường cạnh tranh cao, cộng với sự ảnh hưởng của suy giảm kinh tế khiến quá trình quản lý, điều hành gặp nhiều khó khăn, nhưng với nỗ lực phấn đấu không ngừng của toàn thể CBNV, Công ty CP Taxi Mai Linh đã từng bước tháo gỡ khó khăn, nắm bắt cơ hội, vượt qua thử thách, phấn đấu trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ taxi tốt nhất tại Tp.HCM với một số kết quả như sau:

- ✓ Doanh thu thuần: 677.156.147.618 đồng
- ✓ Lợi nhuận sau thuế: 1.189.308.571 đồng
- ✓ Vốn chủ sở hữu : 136.299.192.480 đồng
- ✓ Tổng tài sản : 538.339.624.679 đồng
- ✓ Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản b/q (ROA): 0,17 %
- ✓ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu b/q (ROE): 0,87 %
- ✓ Lãi cơ bản trên cổ phiếu : 87,25 đồng

Công ty CP Taxi Mai Linh đã đầu tư 347 xe, nâng tổng số xe lên 2.268 xe vào thời điểm cuối năm 2010, tăng 7,5% so với năm 2009.

- Tổng cuộc gọi đài tăng 125% so với năm 2009. Đây vẫn là tỷ lệ cao về tổng cuộc khai thác. Việc áp dụng tổng đài điện tử cũng góp phần gia tăng hiệu quả tiếp nhận và phân phối cuộc gọi đồng thời giúp quản lý khách hàng gọi đài tốt hơn.

- Hiện nay, số điểm tiếp thị đang quản lý và khai thác được phân thành điểm tiếp thị loại I và và loại II. Trong đó, tổng số cuốc khai thác từ các điểm tiếp thị chiếm 20% tổng số cuốc khai thác.

- Tài trợ vàng trong chương trình đi bộ từ thiện tại Phú Mỹ Hưng; Mai Linh đã cùng hơn 400 Cán bộ công nhân viên đã tham gia chương trình đi bộ của Lawrence S.Ting

- Thăm hỏi tặng quà, hoa, chăm sóc khách hàng nhân dịp sinh nhật, ngày lễ.

☞ Phương hướng kinh doanh năm 2011

Các mục tiêu chính của hoạt động sản xuất kinh doanh:

- ✓ Doanh thu thuần (hợp cộng): 967.300.000.000 đồng
- ✓ Lợi nhuận sau thuế: 38.500.000.000 đồng
- ✓ Tổng số xe đầu tư: 524 xe
- ✓ Tổng số xe thanh lý: 253 xe

Các nhóm giải pháp chủ yếu

(1) Các giải pháp về thị trường

- Tăng cường khai thác và phát triển các điểm tiếp thị chiến lược, khai thác hết tiềm năng tại hệ thống điểm tiếp thị;

- Tiếp tục khai thác các thị trường tiềm năng tại các khu vực vùng ven: Quận 2, Q9, Q12 và các KCN;
- Khai thác tốt hệ thống tổng đài nhằm gia tăng khách hàng gọi đài;
- Triển khai các hình thức thanh toán SMS Mobivi, thẻ ATM, thẻ Master card, thẻ Visa card, máy P.O.S. để gia tăng tiện ích cho khách hàng;
- Gia tăng khách hàng sử dụng thẻ MCC;
- Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, quản lý khách hàng;
- Phối hợp với Ban Phát triển Kinh doanh, Phòng Kinh doanh trong khu vực để tiếp thị quảng bá thương hiệu Mai Linh tại các điểm tiếp thị trọng yếu và trên các kênh truyền thông đại chúng;
- Quảng bá và giới thiệu hình ảnh nhận diện thương hiệu mới của Mai Linh –giúp cho khách hàng nhận diện dễ dàng xe Mai Linh và chống xe dù, xe nhái.

(2) Công tác đầu tư - thanh lý

- Đầu tư mới 524 xe, toàn bộ là Toyota 4 chỗ và 7 chỗ;
- Thanh lý xe cũ không còn phù hợp;
- Thực hiện chủ trương chính sách thương quyền hóa của MLG năm 2011.

(3) Công tác Bảo dưỡng sửa chữa

- Duy trì tỉ lệ xe hoạt động cao;
- Cơ cấu và sắp xếp lại hệ thống bảo dưỡng sửa chữa của Taxi Mai Linh;
- Quản lý chặt chẽ công tác bảo quản phương tiện, kiểm soát chi phí bảo dưỡng ở mức quy định;
- Phân bổ lại tuyến bảo dưỡng sửa chữa nhằm cân đối lại lượng xe ra vào so với mặt bằng nhà xưởng, hạn chế tình trạng phải đi xa để sửa chữa;

(4) Giải pháp về tài chính

- Tăng cường công tác quản lý chi phí, tính toán hiệu quả chi phí kinh doanh tiếp thị, chi phí bảo dưỡng sửa chữa, chi phí hành chính văn phòng và các chi phí khác;
- Kiểm soát tốt dòng tiền trong công tác thu chi nhằm đáp ứng kịp thời cho hoạt động kinh doanh;
- Huy động vốn, phát huy nội lực nhằm đảm bảo tài chính cho hoạt động kinh doanh và đầu tư. Thực hiện tốt chính sách xe thương quyền do MLG đề ra, sử dụng tiền bán xe thương hiệu để đầu tư, phát triển phương tiện.

(5) Các giải pháp quản lý

- Ổn định cơ cấu bộ máy theo phương án tái cấu trúc;
- Kiểm soát tốt chất lượng dịch vụ, đặc biệt là duy trì việc thực hiện qui chế đối với đội ngũ lái xe.

(6) Các giải pháp công nghệ

- Triển khai thử nghiệm và ứng dụng hệ thống GPS;
- Tiếp tục hoàn chỉnh phần mềm quản lý tổng đài nhằm quản lý tốt khách hàng và gia tăng hiệu quả điều phối phương tiện.

(7) Giải pháp nhân sự:

- Do tình hình thiếu nhân lực và giá xăng tăng liên tục, ảnh hưởng đến thu nhập của lái xe nên Công ty xem việc xây dựng chính sách lương doanh thu hợp lý nhằm khuyến khích thu hút lái xe sẽ là công tác trọng tâm trong các giải pháp để đảm bảo nguồn nhân lực và hiệu quả hoạt động;
- Cơ cấu sắp xếp và tổ chức lại từng phòng, bộ phận theo hướng phù hợp và hiệu quả.

2.2.5. Công ty cổ phần sản xuất và thương Mại Mai Linh (MTC)

Tỷ lệ vốn góp của Công ty CPTĐ Mai Linh là 91,59% và quyền biểu quyết 51 %.

Tổng doanh thu thuần hợp nhất năm 2010 là 221,9 tỷ đồng, đạt 44,0% kế hoạch năm 2010, giảm 38,4% so với năm 2009. Lợi nhuận sau thuế là âm (-) 5,0 tỷ đồng, tương đương âm (-) 49,7% so với kế hoạch năm 2010, giảm 160,9% so với năm 2009.

- ✓ Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA): -1,6 %
- ✓ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE): -2,7 %
- ✓ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) : -296 đồng.

- Do ảnh hưởng mạnh từ khủng hoảng kinh tế thế giới, tốc độ tăng trưởng kinh tế đã giảm xuống đáng kể. Công ty MTC với hoạt động chủ yếu bên lĩnh vực kinh doanh mua bán ô tô và phụ tùng ô tô nên đã bị ảnh hưởng mạnh.

- Chính sách cho vay của các Ngân hàng liên tục thay đổi đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình kinh doanh của Công ty. Trong khi đó, khách hàng mua xe chủ yếu là trả chậm qua ngân hàng nên làm giảm nhu cầu mua xe và lượng xe bán ra.

- Phần lớn các hoạt động kinh doanh mua bán, đầu tư phương tiện phụ thuộc vào nguồn vốn vay. Trong khi đó, ngân hàng siết chặt tín dụng, tăng lãi suất cho vay tiêu dùng đã ảnh hưởng tới khả năng thanh toán cũng như lợi nhuận.

- Chính sách thuế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh thay đổi tăng trở lại như cũ từ 5% lên 10% thuế GTGT và thuế trước bạ xe, đã tạo nên sự trầm lắng trên thị trường kinh doanh xe.

- Mặc khác, giá vàng tăng cao trên thị trường thế giới đã ảnh hưởng đến tâm lý của người mua xe làm giảm sản lượng tiêu thụ.

- MTC và các thành viên thuộc MTC có biến động trung bình tương đối cao, do ảnh hưởng suy thoái kinh tế, thu hẹp sản xuất kinh doanh, sắp xếp tái cấu trúc (tách chuyển và sáp nhập các đơn vị), số lượng nhân sự điều chuyển tương đối lớn.

- Do một số đơn vị kinh doanh chưa hiệu quả nên bắt buộc phải trích quỹ dự phòng khiến lợi nhuận giảm.

☞ Phương hướng kinh doanh năm 2011

Các mục tiêu chính của hoạt động sản xuất kinh doanh:

- ✓ Doanh thu thuần (hợp cộng): 361.461.000.000 đồng

✓ Lợi nhuận sau thuế: 5.860.000.000 đồng

- Mở trường dạy lái xe tại khu đất Lê Đức Thọ;

- Mở showroom đại lý Nissan, xe chuyên dụng làm đường;

- Xây dựng siêu thị ôtô đã qua sử dụng;

- Mở chi nhánh bảo dưỡng sửa chữa tại Thanh Hóa và các khu vực khác;

- Mở rộng thêm khu vực trưng bày sản phẩm, mở đại lý kinh doanh vỏ xe Goodyear tại Q12;

- Mở showroom và trưng bày 1 số dòng xe tại các tỉnh lẻ lân cận;

2.2.6. Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ

Quyền biểu quyết của Công ty CP Tập đoàn Mai Linh là 18%.

Năm 2010, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, đặt biệt là giá cả tăng cao nên chi phí đầu vào, đã gây nhiều khó khăn cho hoạt động kinh doanh tại khu vực nên kết quả kinh doanh năm 2010 của Công ty Mai Linh Đông Nam Bộ chưa đạt được mục tiêu đề ra, doanh thu đạt được còn thấp so với các khu vực khác.

Tổng doanh thu thuần thực hiện đạt 256 tỷ đồng, đạt 89% so với kế hoạch năm 2010. Lợi nhuận sau thuế đạt được 2,2 tỷ đồng, còn thấp do những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, lượng cầu giảm mạnh, đặc biệt là giá cả tăng nhanh đã làm cho chi phí đầu vào tăng cao.

- Lãi suất tiền vay đầu tư xe tại các ngân hàng và lãi suất huy động vốn cá nhân còn cao nên chi phí lãi vay còn cao.

- Dòng xe Chevrolet Spark bước vào thời kỳ sửa chữa lớn, phụ tùng đắt đỏ nên phần nào làm cho chi phí đầu vào tăng cao.

- Do tình hình cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành nghề trong khu vực, đặc biệt là Đồng Nai, Bình Dương, Vũng Tàu cùng với sự ra đời đối thủ cạnh tranh là hãng taxi Sài gòn – đánh vào phân khúc thị trường giá rẻ. Vì vậy thị phần bị thu hẹp, ảnh hưởng đến thu nhập.

Trong năm, Công ty tiếp tục đầu tư mới 70 xe các loại, thực hiện thanh lý được 80 xe không còn phù hợp thị hiếu của thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ.

☞ Phương hướng kinh doanh năm 2011

Các mục tiêu chính của hoạt động sản xuất kinh doanh:

✓ Doanh thu thuần (hợp cộng): 357.900.000.000 đồng

✓ Lợi nhuận sau thuế: 12.400.000.000 đồng

✓ Tổng số xe đầu tư: 290 xe

2.2.7. Công ty TNHH Mai Linh Tây Nam Bộ

Quyền biểu quyết của Công ty CP Tập đoàn Mai Linh là 18%.

Trước những khó khăn và sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường, Công ty TNHH Mai Linh Tây Nam Bộ đã đạt được những kết quả như sau:

Tổng doanh thu thuần năm 2010 đạt 164,3 tỷ đồng, đạt 87,4% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt âm (-) 11,46 tỷ đồng.

Trong năm, đơn vị cũng đã đầu tư mới 240 xe và thanh lý 95 xe.

☞ **Phương hướng kinh doanh năm 2011**

Các mục tiêu chính của hoạt động sản xuất kinh doanh:

- ✓ Doanh thu thuần (hợp cộng): 237.100.000.000 đồng
- ✓ Lợi nhuận sau thuế: 3.600.000.000 đồng
- ✓ Tổng số xe đầu tư: 181 xe

MAILINH GROUP

MAILINH - Màu xanh cuộc sống !

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức:

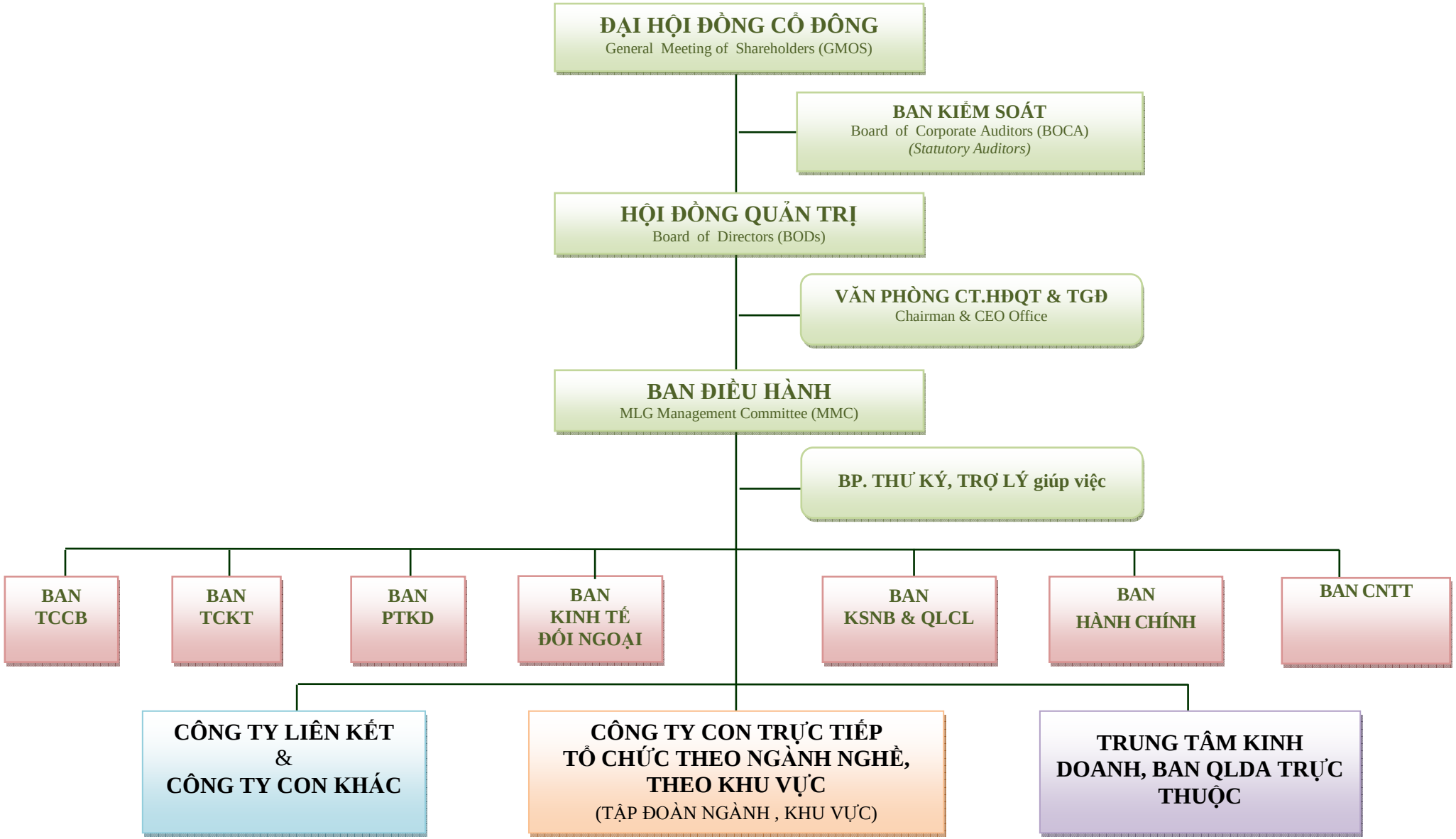

2. Lý lịch của các thành viên Ban điều hành

ÔNG HỒ HUY CHỦ TỊCH TẬP ĐOÀN CHỦ TỊCH HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC
• **Cổ đông sáng lập** • **Chủ tịch Tập đoàn Mai Linh** • **Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP. Tập đoàn Mai Linh** • Trình độ chuyên môn: - Cử nhân Luật (2003); - Chứng chỉ Quản trị Công ty CP Đại chúng (2009). • Quá trình công tác: - 1972 - 1976 là Bộ đội Giải phóng - 1976 - 1980: Lưu học sinh tại Cộng hòa Liên bang Nga - 1980 - 1981 công tác tại Bộ Xây dựng - 1981 - 1985 quản lý lao động tại Cộng hòa Liên bang Tiệp Khắc - 1985 - 1993, công tác tại Saigon Tourist; - Ngày 12/07/1993, sáng lập Công ty TNHH DL-TM-VT Hành khách Mai Linh, Chủ tịch HĐTV, Giám đốc Công ty (1993-2002); - 2002 - 2007: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Mai Linh - 2007 đến nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Mai Linh / Chủ tịch Tập đoàn Mai Linh

ÔNG TRƯƠNG QUANG MẪN PHÓ CHỦ TỊCH TẬP ĐOÀN, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH VẬN TẢI
• **Phó Chủ tịch Công ty CP Tập đoàn Mai Linh phụ trách Vận tải, Thường trực Ban Lãnh đạo Tập đoàn** • **Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty CP Tập đoàn Mai Linh phụ trách Vận tải** • **Trưởng Ban Phát triển Kinh doanh** • Trình độ chuyên môn: - Cử nhân Toán; - Cử nhân Luật; - Cử nhân Kinh tế; - Kỹ sư Vận tải; - Chứng chỉ Quản trị Công ty CP Đại chúng; - Thạc sĩ QTKD; - Nghiên cứu sinh Tiến sĩ QTKD. • Quá trình Công tác: - 1994: công tác trong ngành giáo dục trước khi gia nhập Mai Linh; - 1998 - 2000: Giám đốc Trung tâm Điều hành hướng dẫn Du lịch; - 2000 - 2001: Giám đốc Trung tâm Du lịch Lữ hành Toàn cầu; - 2001 - 2002: Giám đốc Vật tư, Công ty CP Mai Linh; - 2002 - 2003: Giám đốc Khối Bảo dưỡng sửa chữa; - 2003 - 2004: Phó Tổng giám đốc phụ trách bảo dưỡng sửa chữa; - 2004 - 2005: Phó Tổng giám đốc kinh doanh taxi; - 2005 – 08/2009: Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty CP Mai Linh, kiêm Tổng giám đốc Khối Vận tải (2005-2007), kiêm Giám đốc Mai Linh Taxi (2005-2008), kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải tốc hành Mai Linh (2008-08/2009); - 2007 đến nay: Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty CP Tập đoàn Mai Linh phụ trách Vận tải (2007-nay), kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Taxi Mai Linh (03/2009-06/2010).

BÀ TRẦN THỊ HỒNG HẠNH
PHÓ CHỦ TỊCH TẬP ĐOÀN, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH ĐÀO TẠO VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

- **Cổ đông sáng lập**
- **Phó Chủ tịch Công ty CP Tập đoàn Mai Linh phụ trách Đào tạo và Hợp tác lao động**
- **Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Mai Linh phụ trách Đào tạo và Hợp tác quốc tế**
- Trình độ chuyên môn:
  - Cử nhân Ngoại ngữ (1977);
  - Cử nhân Luật (2003);
  - Chứng chỉ Quản trị Công ty CP Đại chúng (2009).
- Quá trình công tác:
  - 2004: Phó phòng Đối ngoại và Hợp tác Quốc tế Công ty Điện lực 2 trước khi gia nhập Mai Linh;
  - 1993 - 2004: Cố vấn cao cấp công ty;
  - 2004 - 08/2009: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Mai Linh, phụ trách Đối ngoại và Đào tạo (2004-8/2009) kiêm Hiệu trưởng Cơ sở ngoại ngữ và tin học Mai Linh (2007-2008);
  - 2007 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Mai Linh phụ trách Đào tạo và Hợp tác quốc tế (8/2009 đến nay) kiêm Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH Vận tải, Du lịch và Nhà hàng Mai Linh tại Mỹ (2007 đến nay), kiêm Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Mai Linh (2008 đến nay).

ÔNG MAI HÀ THANH HÙNG
PHÓ CHỦ TỊCH TẬP ĐOÀN, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH TÀI CHÍNH

- **Cổ đông sáng lập**
- **Phó Chủ tịch Công ty CP Tập đoàn Mai Linh phụ trách Tài chính**
- **Phó TGĐ Công ty CP Tập đoàn Mai Linh phụ trách Tài chính**
- **Trưởng Ban Tài chính – Kế toán**
- Trình độ chuyên môn:
  - Cử nhân Kinh tế (1997);
  - Cử nhân Luật (2006);
  - Chứng chỉ Quản trị Công ty CP Đại chúng (2009).
- Quá trình công tác:
  - 1997 : Gia nhập Mai Linh;
  - 1999 - 2008 : Kế toán trưởng Công ty;
  - 2005 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Mai linh phụ trách Tài chính, Trưởng Ban Tài chính - Kế toán.

ÔNG CHUNG TRẦN QUỐC HUY
KẾ TOÁN TRƯỞNG

- **Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Mai Linh**
- Trình độ chuyên môn:
  - Cử nhân Tiếng Anh (1999);
  - Cử nhân Tài chính Ngân hàng (2001);
  - Chứng chỉ Quản trị Công ty CP Đại chúng (2009).
- Quá trình công tác:
  - 2000: Bắt đầu công tác tại Công ty;
  - 2005 đến nay: Phó Ban Tài chính – Kế toán;
  - 07/2008 - 12/2010: Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Mai Linh.

2.1. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm

Trong năm 2010, không thay đổi Tổng Giám đốc điều hành.

2.2. Quyền lợi của Ban Điều hành (Ban Tổng Giám đốc)

Ban Điều hành và các cán bộ quản lý cao cấp hưởng chính sách lương, thưởng cạnh tranh, môi trường và điều kiện làm việc tốt.

Hàng năm, Công ty tổ chức những chương trình đào tạo ngắn hạn nội bộ và bên ngoài để tạo điều kiện bồi dưỡng ngày một nâng cao thêm kiến thức, kỹ năng công việc.

3. Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tính đền 31/12/2010, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh có tổng số cán bộ nhân viên là **995 người,** tăng 269% so với 31/12/2009 (269 người), do vào thời điểm 01/06/2010 Công ty thực hiện chính sách tái cấu trúc, sáp nhập và tách chuyển bộ phận Điều hành điểm, Tổng đài và kinh doanh tiếp thị của khu vực Taxi thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm Xe cho thuê về Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

Tổng số cán bộ nhân viên của toàn hệ thống Mai Linh tính đến 31/12//2010 là **25.908 người** *(không bao gồm các đơn vị Tân Hưng, Năng Động, Việt Linh)*, tăng 11.8% so với 31/12/2009 (23.166 người).

3.1. Chính sách lương

Định hướng thực hiện công tác tiền lương theo công việc, trên cơ sở kiến thức, kỹ năng, thái độ và kết quả công việc của người lao động, thiết kế và áp dụng các công cụ xác định giá trị công việc, kết quả làm việc của cán bộ nhân viên, bên cạnh việc cập nhật thường xuyên cung cầu trên thị trường lao động và các ưu tiên phát triển chiến lược của Công ty để vận dụng nhiều hình thức như: lương thời gian, lương sản phẩm, lương khoán, lương thời gian kết hợp doanh số,.... Đồng thời, luôn tuân thủ và triệt để áp dụng nguyên tắc "*kết hợp tối ưu quyền lợi của cổ đông, nhà đầu tư, công ty và người lao động*", luôn tạo cơ hội khuyến khích cán bộ nhân viên tăng thêm thu nhập trên cơ sở làm gia tăng lợi nhuận của công ty và gia tăng năng lực đóng góp của mỗi cán bộ nhân viên, không khống chế mức thưởng hay thu nhập tối đa cho cán bộ nhân viên.

Bên cạnh đó, nhằm thu hút những ứng viên tiềm năng trên thị trường, công ty sử dụng chế độ lương tiềm năng cho các ứng viên thể hiện được kỹ năng và trình độ chuyên môn cao, được Hội đồng tuyển dụng đánh giá xuất sắc hoặc đạt các giải thưởng quốc gia loại cao, xuất sắc.

Công ty có chế độ ưu đãi kích thích những người lao động giỏi, hoàn thành xuất sắc công việc và những người tích cực bồi dưỡng, nâng cao trình độ. Việc tăng lương đột xuất áp dụng cho những trường hợp cán bộ nhân viên được thăng chức, có kết quả hoàn thành công việc xuất sắc, được khen thưởng và nâng cao kỹ năng, trình độ năng lực.

Ngoài ra, vào đầu năm 2010, Công ty thực hiện chính sách điều chỉnh trượt giá 10% và mức lương tham gia BHXH, BHYT, BHTN theo chính sách tăng mức lương tối thiểu vùng của Nhà nước.

3.2. Chế độ phụ cấp

Tùy theo từng vị trí công việc thực hiện, ngoài tiền lương thì cán bộ nhân viên còn được hưởng các phụ cấp: phụ cấp tiền cơm, phụ cấp trách nhiệm cộng thêm, phụ cấp độc hại, phụ cấp tiền xăng, phí gửi xe, chế độ công tác phí, chế độ thu hút đối với đội ngũ lái xe,…

3.3. Chế độ BHXH, BHYT, BHTN

Tất cả cán bộ nhân viên đều được đảm bảo tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo qui định của pháp luật hiện hành.

3.4. Chế độ khen thưởng

Thưởng đột xuất: áp dụng đối với các trường hợp cán bộ nhân viên có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, tiết kiệm chi phí hoặc mang lại hiệu quả tốt cho Công ty.

Ngoài ra, lương tháng 13 và mức thưởng hàng năm đối với cán bộ nhân viên căn cứ vào quyết định của Hội đồng Quản trị công ty và được thể hiện cụ thể bằng văn bản.

Đồng thời mức thưởng cuối năm được áp dụng đối với tất cả Cán bộ nhân viên theo đánh giá kết quả hoàn thành mục tiêu công việc. Trong đó, chọn ra những gương mặt đặc biệt xuất sắc để khen thưởng và phong danh hiệu "*Lao động xuất sắc - Gương điển hình của hệ thống*".

3.5. Chế độ phúc lợi

Đối với các trường hợp cán bộ nhân viên có thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản *(có xác nhận của cơ quan BHXH hoặc xác nhận của bệnh viện)* thì ngoài các chế độ do Cơ quan BHXH chi trả, cán bộ nhân viên còn được Công ty chi trả một mức lương phù hợp theo qui định để hỗ trợ, chia sẻ và thể hiện sự quan tâm đến mỗi cán bộ nhân viên.

Hàng năm, Công ty tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho mỗi cán bộ nhân viên và đảm bảo chế độ phúc lợi nhân dịp các ngày lễ lớn (Tết Dương lịch, Tết Âm lịch, Lễ 30/4&01/05, Lễ Giỗ tổ Hùng Vương - Mùng 10/3 Âm lịch, Lễ Quốc khánh 02/9, kỷ niệm ngày thành lập Công ty), tổ chức giao lưu và tặng quà cho cán bộ nhân viên nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, tổ chức giao lưu và tặng quà cho con cán bộ nhân viên trong độ tuổi thiếu nhi nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 01/6, tặng quà và hỗ trợ xe khi cán bộ nhân viên kết hôn, hỗ trợ tiền đối với cán bộ nhân viên nữ sinh con hoặc khi cán bộ nhân viên phải nằm viện chữa trị, hỗ trợ tiền cơm trưa, cấp phát trang phục làm việc, nón bảo hiểm, sim điện thoại di động, tổ chức nghỉ mát hàng năm…

4. Thay đổi thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

4.1 Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị

Không có thay đổi nhân sự.

4.2 Thay đổi thành viên Ban Kiểm soát

Không có thay đổi nhân sự.

4.3 Thay đổi thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

- Ông Võ Đăng Cảnh - thôi Phó Chủ tịch Công ty CP Tập đoàn Mai Linh, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kế hoạch & Đầu tư.

Ông Lê Nguyễn Anh Tuấn - thôi Phó Chủ tịch Công ty CP Tập đoàn Mai Linh, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nội vụ.

5. Kế hoạch nguồn nhân lực năm 2011

5.1. Công tác TCCB

- Rà soát lại cấu trúc, cơ cấu MLG và Ngành/Khu vực; Xây dựng định biên nhân sự phù hợp với tình hình kinh tế của Công ty
- Triển khai thực hiện quy định chính sách Một Mai Linh trong toàn MLG;
- Rà soát, đánh giá và đề nghị công tác bố trí, bổ nhiệm CBQL.

5.2. Tuyển dụng

- Hoàn tất công tác định biên nhân sự ban/phòng chức năng MLG trên cơ sở cấu trúc và mục tiêu kế hoạch của các ban/phòng;
- Tổng hợp nhu cầu tuyển dụng, lên kế hoạch tuyển dụng và phối hợp các ban/phòng chức năng MLG tuyển dụng, điều động bổ sung nhân sự theo định biên và định hướng của BLĐ MLG;
- Cập nhật ban hành mới quy chế tuyển dụng và hoàn thiện các biểu mẫu trong quy trình tuyển dụng;
- Cập nhật hoàn thiện hệ thống chức năng nhiệm vụ, mô tả công việc/tiêu chuẩn chức danh các ban/phòng chức năng MLG.

5.3. Đào tạo

- Theo dõi và kiểm soát các chương trình đào tạo dài hạn: ĐH GTVT, tài trợ học bổng nước ngoài, tài trợ MBA và tài trợ con em cựu chiến binh;
- Theo dõi, tổ chức thực hiện và kiểm soát các chương trình đào tạo ngắn hạn: huấn luyện văn hóa doanh nghiệp và chương trình đào tạo nhận thức để thay đổi;
- Cập nhật ban hành mới quy chế đào tạo và hoàn thiện các biểu mẫu trong quy trình đào tạo.

5.4. Thống kê tổng hợp

- Thống kê tổng hợp theo biểu mẫu phục vụ việc nhập và chuyển đổi dữ liệu phần mềm nhân sự;
- Thống kê số liệu lập báo cáo tình hình nhân sự định kỳ theo quý.
- Đánh giá tình hình nhân sự để xây dựng nguồn nhân lực, thăng thưởng cho từng cán bộ nhân viên.

5.5. Tiền lương và Chế độ chính sách

Nghiên cứu và đề xuất các phương án lương cạnh tranh, thu hút và tạo động lực cho người lao động như:

- Xây dựng phương án lương áp dụng đối với Bp. Điều hành điểm tiếp thị;
- Xây dựng phương án thưởng đối với Bộ phận Công nợ Taxi;
- Nghiên cứu, đề xuất phương án điều chỉnh lương đối với thợ sửa chữa bãi giao ca, thủ kho, vệ sinh nội thất;
- Nghiên cứu, xem xét tình hình trượt giá, chính sách thâm niên;
- Giải quyết tồn đọng BHXH.

5.6. Đánh giá thi đua

- Xây dựng và điều chỉnh/bổ sung văn băn hướng dẫn thực hiện công tác đánh giá thi đua, triển khai đánh giá kết quả công việc định kỳ.
- Theo dõi, đánh giá công tác khen thưởng định kỳ; và có những đánh giá thi đua đột xuất đối với các trường hợp có sáng kiến cải tiến hoặc có thành tích tốt của từng thời kỳ.

5.7. Phần mềm nhân sự

- Phối hợp với đối tác triển khai ứng dụng Phần mềm nhân sự Histaff trong toàn hệ thống;
- Cập nhật và chuyển đổi dữ liệu nhân sự, đảm bảo thông tin quá trình CBNV theo phần mềm nhân sự mới.

MAILINH GROUP

MAILINH - Màu xanh cuộc sống !

& THÔNG TIN CỔ ĐÔNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thông tin Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh hiện nay có chín (9) thành viên gồm: một Chủ tịch và tám thành viên.

*** Thành viên tham gia quản lý, điều hành Công ty:**

- Ông Hồ Huy — Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Mai Hà Thanh Hùng — Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Hồ Hữu Lân — Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Trương Quang Mẫn — Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Hồ Quang Minh — Thành viên Hội đồng quản trị

*** Thành viên không tham gia quản lý, điều hành Công ty:**

- Bà Đậu Thị Ngọc Trâm — Thành viên Hội đồng quản trị
  Không tham gia quản lý
- Bà Trần Thị Hồng Hoa — Thành viên Hội đồng quản trị
  Không tham gia quản lý
- Ông Nguyễn Kim Tùng — Thành viên Hội đồng quản trị - đại diện Quỹ Đầu tư Indochina Capital
  Thành viên độc lập, không điều hành
- Bà Đặng Phạm Minh Loan — Thành viên Hội đồng quản trị - đại diện Quỹ Đầu tư VinaCapital
  Thành viên độc lập, không điều hành

1.2. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát: Ba (3) người gồm một trưởng Ban và hai thành viên

▪ Bà Nguyễn Thị Cúc	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 05/05/2010
▪ Ông Bùi Quốc Huy	Trưởng Ban	Miễn nhiệm ngày 05/05/2010
▪ Ông Nguyễn Minh Nguyên	Thành viên	
▪ Ông Châu Hoàng Dũng	Thành viên	

1.3 Thành viên và cơ cấu Ban Tổng giám đốc:

▪ Ông Hồ Huy	Tổng Giám đốc	
▪ Ông Bùi Quốc Huy	Phó Tổng Giám Đốc Kiểm soát Nội bộ	Miễn nhiệm ngày 01/07/2010
▪ Ông Lê Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc Nội vụ	Miễn nhiệm ngày 01/07/2010
▪ Ông Trương Quang Mẫn	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	
▪ Ông Mai Hà Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	
▪ Bà Trần Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc Đào tạo và Hợp tác Quốc tế.	
▪ Ông Võ Đăng Cảnh	Phó Tổng Giám đốc Kế hoạch Đầu tư	Miễn nhiệm ngày 01/06/2010
▪ Ông Hồ Hữu Lân	Phó Tổng Giám Đốc Quản lý Chất lượng	Miễn nhiệm ngày 01/01/2010

1.4. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và BKS

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 001/2010/NQ –ĐHCĐ/MLG năm 2010, mức thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát sẽ xác định theo nguyên tắc Công ty hoạt động có lợi nhuận sau thuế mới chia thù lao.

Thù lao Hội đồng Quản trị: 2% (hai phần trăm) lợi nhuận sau thuế / 9 thành viên;

Thù lao Ban Kiểm soát: 0,7% (không phẩy bảy phần trăm) lợi nhuận sau thuế / 3 thành viên.

Dự kiến như sau:

- Hội đồng Quản trị: 303.323.566 đồng

- Ban Kiểm soát: 106.163.248 đồng

1.5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT / Ban kiểm soát / Ban điều hành

STT	Họ và tên	CP sở hữu	Tỷ lệ (%)	Thay đổi trong năm 2010
I. Hội đồng quản trị		**47,335,843**	**54.04%**	
1	Ông Hồ Huy	31,550,864	36.02%	
2	Ông Mai Hà Thanh Hùng	290,200	0.331%	
3	Ông Hồ Hữu Lân	302,201	0.35%	
4	Ông Trương Quang Mẫn	3,300	0.004%	1,100
5	Ông Hồ Quang Minh	-	0%	
6	Bà Trần Thị Hồng Hoa	291,150	0.332%	
7	Bà Đậu Thị Ngọc Trâm	-	0%	
8	Ông Nguyễn Kim Tùng Indochina Capital	14,898,128	17.01%	-13,803
9	Bà Đặng Phạm Minh Loan VinaCapital	-	0%	
II. Ban Kiểm soát		**300**	**0.0003%**	
1	Bà Nguyễn Thị Cúc	300	0.0003%	100
2	Ông Nguyễn Minh Nguyên	-	0%	
3	Ông Châu Hoàng Dũng	-	0%	
III. Ban điều hành		**34,333,185**	**39.20%**	
1	Ông Hồ Huy	31,550,864	36.02%	
2	Ông Mai Hà Thanh Hùng	290,200	0.331%	
3	Ông Trương Quang Mẫn	3,300	0.004%	1,100
4	Bà Trần Thị Hồng Hạnh	2,487,321	2.84%	
5	Ông Lê Nguyễn Anh Tuấn	300	0.0003%	
6	Ông Võ Đăng Cảnh	-	0%	-300
7	Ông Chung Trần Quốc Huy	1,200	0.001%	400

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

Cổ Đông	SL Cổ Đông	SL Cổ Phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông trong nước	6,533	70,788,715	80.82%
Cổ đông nước ngoài	53	16,801,423	19.18%
Tổng cộng	**6,586**	**87,590,138**	**100%**

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

Cổ đông		SL Cổ đông	SL Cổ phần	Tỷ Lệ (%)
Tổ Chức	CĐ chiến lược	2	849,450	0.97%
	CĐ khác	13	7,974,088	9.10%
Cá nhân	Sáng lập viên	9	36,082,586	41.19%
	CB_NV MLG	173	312,291	0.36%
	CĐ khác	6,336	25,570,300	29.19%
Tổng Cộng		**6,533**	**70,788,715**	**80,82%**

Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần)

Họ và tên	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ông Hồ Huy Địa chỉ: 270/35 Hồ Văn Huê, P.9. Q. Phú Nhuận, TP.HCM CMND số: 023141876	31.550.864	36,02%

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

Cổ đông	SLG Cổ đông	SLG Cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổ Chức	13	16.010.848	18,28%
Cá nhân	40	790.575	0,90%
Tổng cộng	**53**	**16.801.423**	**19,18%**

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

CỔ ĐÔNG		SLG CỔ PHẦN	TỶ LỆ (%)
NHÓM CỔ ĐÔNG INDOCHINA CAPITAL	INDOCHINA CAPITAL ADVISORS LIMITED	3,308,048	17.01%
	INDOCHINA CAPITAL VIETNAM HOLDINGS LIMITED	7,008,476	
	INDOCHINA CONSORTIUM PARTNERS I LIMITED	852,591	
	UW INDOCHINA VIETNAM II LIMITED	886,284	
	UW INDOCHINA VN III LIMITED	312,324	
	UW INDOCHINA VIETNAM IV LIMITED	467,876	
	UW INDOCHINA VIETNAM LIMITED	960,378	
	INDOCHINA CAPITAL INVESTMENTS SPC	186,009	
	MEKONG PORTFOLIO INVESTMENTS LIMITED	816,692	
	CTY CPCK MÊKÔNG	99,450	
	NIS GROUP CO., LTD	283,019	0.32%
	PHEIM AIZAWA TRUST	764,151	0.87%
	CÔNG TY CP ĐT&PT XÂY DỰNG (INVESTCO)	750,000	0.86%
TỔNG CỘNG		**16,695,298**	**19.06%**

MAILINH GROUP

MAILINH - Màu xanh cuộc sống !

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

American Auditing

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	8 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.	12 – 31

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (sau đây gọi tắt là 'Công ty') đệ trình Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tên giao dịch quốc tế Mai Linh Group Corporation, viết tắt là Mai Linh Group Corp (MLG), tiền thân của Công ty là Công ty TNHH Du lịch – Thương mại – Vận tải hành khách Mai Linh được thành lập từ năm 1993 và chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần từ ngày 1/7/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001038 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau đó.

Theo Giấy chứng nhận thay đổi số 0300938037 đăng ký thay đổi lần thứ 22 vào ngày 13 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 của Công ty là 980.000.000.000 đồng được chia thành 98.000.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký bao gồm:

TT	Cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ/ vốn góp
1	Hồ Huy	499.800.000.000	49.980.000	51 %
2	Trần Thị Hồng Hạnh	53.900.000000	5.390.000	5,5 %
3	Hồ Hữu Lân	4.900.000.000	490.000	0,5%
4	Hồ Thu Hương	4.900.000.000	490.000	0,5%
5	Hồ Thị Giỏi	4.900.000.000	490.000	0,5%
6	Hồ Thị Giang	4.900.000.000	490.000	0,5%
7	Hồ Thị Phượng	4.900.000.000	490.000	0,5%
8	Mai Hà Thanh Hùng	4.900.000.000	490.000	0,5%
9	Trần Thị Hồng Hoa	4.900.000.000	490.000	0,5%
10	Các Cổ đông khác	392.000.000.000	39.200.000	40 %
	Cộng	**980.000.000.000**	**980.000.000**	**100 %**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 64 – 68 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đã đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa, quốc tế; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định, bằng xe buýt, bằng taxi, theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng; Vận tải khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định và không theo tuyến cố định; Vận tải hành khách đường thủy nội địa ngang sông, qua biên giới Việt Nam; Kinh doanh xếp dỡ hàng hóa tại cảng, bến thủy nội địa, thiết kế phương tiện thủy nội địa; Đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, máy kéo, phương tiện xây dựng, phương tiện vận tải; Sửa chữa đóng mới trang thiết bị, phương tiện vận tải thủy bộ; Gia công cơ khí, phụ tùng ô tô;

Mua bán xe có động cơ, phương tiện vận tải, phụ tùng và bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, nhớt, xăng dầu, gas; Đào tạo dạy nghề; Môi giới bất động sản; Dịch vụ nhà đất; Quản lý bất động sản; Xây dựng và kinh doanh dịch vụ bãi đỗ xe; Đại lý vận tải; Dịch vụ cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, tàu thủy, tàu lửa; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Sản xuất quần áo may sẵn, quần áo bảo hộ lao động, caravat, mũ, các đồ phụ trợ quần áo, vali, túi xách, yên đệm xe; Mua bán máy đếm cây số và phụ kiện; Dịch vụ nhận, chi trả ngoại tệ; Đại lý đổi ngoại tệ; Mua bán, chế tác, gia công đá quý, vàng, bạc, đồ trang sức; Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; Mua bán đồ điện gia dụng, hàng gia dụng, hàng trang trí nội thất, vật liệu trải sàn, rèm, mành treo, giường, tủ, bàn, ghế; Tư vấn du học; Dịch vụ cho thuê kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Mua bán thiết bị y tế, điện, điện tử, viễn thông, điện thoại cố định, di động, bộ đàm; Bảo trì, lắp đặt, sửa chữa điện thoại; Bán sim, thẻ cào điện thoại di động; Dịch vụ thu hộ các chi phí tiêu dùng: điện thoại; Đại lý ký gửi hàng hóa; Đại lý dịch vụ viễn thông; Dịch vụ giới thiệu việc làm; Mua bán mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế; Dịch vụ săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động dịch vụ gây chảy máu); Trồng rừng; Đầu tư xây dựng thủy điện; Cho thuê nhà ở, văn phòng; Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng; Đào tạo ngoại ngữ; Đại lý bảo hiểm; Hoạt động nhà bảo tàng (không kinh doanh các hiện vật thuộc di tích lịch sử, văn hóa, bảo tàng); Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ; Cho thuê xe ô tô; Dịch vụ bán đấu giá tài sản; Sản xuất xe có động cơ, thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc; Phụ tùng và bộ phận phụ trợ xe có động cơ và động cơ xe (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; Xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở; Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường sắt. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt; Dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt; Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ bất động sản: dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; Khai thác khoáng sản (không hoạt động tại trụ sở); Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên kinh doanh; Nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); Khách sạn đạt tiêu chuẩn sao (không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ;...

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng Công ty có chi nhánh trực thuộc sau:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Bắc Bộ	Số 115 Phố Phủ Doãn, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
2	Chi nhánh Du lịch lữ hành Quốc tế Mai Linh Huế	Số 12 Hùng Vương, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
3	Chi nhánh Mộc Bài – Công ty Cổ phần Mai Linh	Kiốt số 7, đường Xuyên Á, ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Đồng Tháp	Số 31 Võ Thị Sáu, phường 2, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Cà Mau	Số 11/51 Lý Thường Kiệt, phường 4, Thành phố Cà Mau
6	Chi nhánh Tiền Giang – Công ty Cổ phần Mai Linh	360 ấp Hòa Phú, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
7	Chi nhánh Tây Ninh – Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	QL 22, ấp Suối Sâu, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
8	Chi nhánh Tây Nguyên – Công ty Cổ phần Mai Linh	Số 188 Nguyễn Tất Thành, phường Tân Lập, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng đính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông :	Hồ Huy	Chủ tịch
Ông :	Mai Hà Thanh Hùng	Thành viên
Ông :	Trương Quang Mẫn	Thành viên
Ông :	Hồ Hữu Lân	Thành viên
Bà :	Trần Thị Hồng Hoa	Thành viên
Bà :	Đặng Phạm Minh Loan – Quỹ đầu tư Vina Capital	Thành viên
Ông :	Nguyễn Kim Tùng – Quỹ đầu tư Indochina Capital	Thành viên
Ông :	Hồ Quang Minh	Thành viên
Bà :	Đậu Thị Ngọc Trâm	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông :	Hồ Huy	Tổng Giám đốc	
Ông :	Bùi Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc kiểm soát nội bộ	(Miễn nhiệm ngày 01/7/2010)
Ông :	Lê Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc nội vụ	(Miễn nhiệm ngày 01/7/2010)
Ông :	Trương Quang Mẫn	Phó Tổng Giám đốc thường trực	
Ông :	Mai Hà Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc tài chính	
Bà :	Trần Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc đào tạo và hợp tác lao động	
Ông :	Võ Đăng Cảnh	Phó Tổng Giám đốc kế hoạch đầu tư	(Miễn nhiệm ngày 01/6/2010)
Ông :	Hồ Hữu Lân	Phó Tổng Giám đốc quản lý chất lượng	(Miễn nhiệm ngày 01/01/2010)

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Bà :	Nguyễn Thị Cúc	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 05/05/2010)
Ông :	Bùi Quốc Huy	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 05/05/2010)
Ông :	Nguyễn Minh Nguyên	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30/06/2009)
Ông :	Châu Hoàng Dũng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30/06/2009)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.K.D: 0300938837 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH - QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

HỒ HUY

Số : 023/BCKT – A.A

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh được lập ngày 20 tháng 3 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 08 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính riêng; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Như được trình bày tại mục V.12, V.13 và V.14 của thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho đến thời điểm lập báo này, chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán phù hợp về việc lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn chưa được ghi nhận vào kết quả kinh doanh theo quy định của chuẩn mực / chế độ kế toán Việt Nam như được trình bày tại mục V.4 và mục V.15 của thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Khoản doanh thu cho thuê thương hiệu ghi nhận trước vào kết quả kinh doanh trong năm 2008 làm ảnh hưởng đến khoản lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2010 giảm đi một khoản tương ứng 49.165.398.601 đồng là chưa phù hợp theo chuẩn mực / chế độ kế toán Việt Nam.

Tổng ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên sẽ làm tăng chi phí và giảm doanh thu do vậy làm giảm tương ứng lợi nhuận trước thuế đã trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh.

AA - American Auditing Company: Auditing, Consulting, Accounting, Finance, Taxation, Investment, Management, Software, Headhunter and Training
AA - 美國審計公司 : 審計 , 諮詢 , 會計 , 財務 , 課稅 , 銀行 , 投資 , 管理 , 會計軟體 , 人才聘用以及培訓
AA - Công ty Kiểm Toán Mỹ: Kiểm toán, Tư vấn, Kế toán, Tài chính, Thuế, Ngân hàng, Đầu tư, Quản trị, Phần mềm, Tuyển dụng và Đào tạo
Website: http://aa.com.vn Email: info@aa.com.vn Tel: (84-8) 39321284 Hotline: 0903 699 894

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP.HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC	KIỂM TOÁN VIÊN
LÊ VĂN THANH	**NGUYỄN MẠNH HÙNG**
Chứng chỉ KTV số : 0357/KTV	*Chứng chỉ KTV số : Đ.0061/KTV*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cuối năm VND	Đầu năm VND
	TÀI SẢN			
100	**A . Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)**		**827.863.671.892**	**740.467.859.069**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**V.1**	**4.374.483.043**	**13.937.467.641**
111	1. Tiền		4.374.483.043	13.937.467.641
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**20.000.000**	**51.750.000**
121	1. Đầu tư ngắn hạn		20.000.000	51.750.000
130	**III. Các khoản phải thu**		**593.945.985.402**	**495.153.014.904**
131	1. Phải thu của khách hàng		297.564.999.279	234.771.769.039
132	2. Trả trước cho người bán		2.644.688.318	7.647.245.748
135	5. Các khoản phải thu khác	V.2	293.736.297.805	252.734.000.117
140	**IV. Hàng tồn kho**	**V.3**	**5.450.505.601**	**2.299.567.785**
141	1. Hàng tồn kho		5.450.505.601	2.299.567.785
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**224.072.697.846**	**229.026.058.739**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.4	210.630.257.343	208.775.769.494
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		216.005.655	188.765.058
154	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	V.5	3.734.321.360	3.734.321.360
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	V.6	9.492.113.488	16.327.202.827
200	**B . Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)**		**2.065.370.058.249**	**1.933.851.766.088**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		-	-
220	**II. Tài sản cố định**		**881.839.572.381**	**830.507.082.233**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	640.067.571.158	561.367.226.392
222	*- Nguyên giá*		*837.049.682.663*	*708.507.654.760*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*		*(196.982.111.505)*	*(147.140.428.368)*
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.8	127.048.239.774	159.423.850.161
225	*- Nguyên giá*		*181.512.524.273*	*206.971.482.781*
226	*- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*		*(54.464.284.499)*	*(47.547.632.620)*
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	92.476.773.015	91.497.070.325
228	*- Nguyên giá*		*94.021.008.772*	*92.673.048.571*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*		*(1.544.235.757)*	*(1.175.978.246)*
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	22.246.988.434	18.218.935.355
240	**III. Bất động sản đầu tư**	**V.11**	-	**37.168.000.000**
241	- Nguyên giá		-	37.168.000.000
242	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		-	-
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		**959.720.197.618**	**903.088.331.618**
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.12	755.122.584.685	791.844.726.068
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.13	11.693.656.100	513.656.100
258	3. Đầu tư dài hạn khác	V.14	192.903.956.833	110.729.949.450
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**223.810.288.250**	**163.088.352.237**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.15	209.591.383.888	144.268.861.531
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.16	14.218.904.362	18.819.490.706
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)**		**2.893.233.730.141**	**2.674.319.625.157**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cuối năm VND	Đầu năm VND
	NGUỒN VỐN			
300	**A . Nợ phải trả (300 =310+330)**		**2.125.571.576.343**	**1.921.590.309.876**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**927.252.918.963**	**751.064.397.518**
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.17	554.056.997.188	443.079.319.439
312	2. Phải trả cho người bán		26.952.486.499	35.563.628.672
313	3. Người mua trả tiền trước		238.714.058	3.447.491.410
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.18	18.482.239.022	25.733.957.718
315	5. Phải trả người lao động		8.705.481.471	2.127.845.073
316	6. Chi phí phải trả	V.19	2.677.661.587	1.828.817.576
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.20	315.962.895.680	238.362.755.874
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		176.443.458	920.581.756
330	**II. Nợ dài hạn**		**1.198.318.657.380**	**1.170.525.912.358**
333	3. Phải trả dài hạn khác	V.21	20.671.407.444	13.103.956.625
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.22	1.177.406.115.536	1.157.421.955.733
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		241.134.400	-
400	**B . Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)**		**767.662.153.798**	**752.729.315.281**
410	**I. Nguồn vốn chủ sở hữu**	**V.23**	**767.662.153.798**	**752.729.315.281**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		875.901.380.000	875.901.380.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		22.448.874.000	22.448.874.000
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(922.400.000)	(922.400.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		676.213.946	676.213.946
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.728.959.893	1.728.959.893
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(132.170.874.041)	(147.103.712.558)
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		-	-
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.893.233.730.141**	**2.674.319.625.157**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	Thuyết minh	Cuối năm VND	Đầu năm VND
1. Tài sản thuê ngoài			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		8.976,17	24.393,84

TP.HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Chung Trần Quốc Huy	Hồ Huy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**VI.24**	**737.175.825.176**	**581.547.968.397**
02	2. Các khoản giảm trừ		6.836.270.739	6.820.825.561
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**730.339.554.437**	**574.727.142.836**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**VI.25**	**554.630.342.868**	**451.428.713.914**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**175.709.211.569**	**123.298.428.922**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	115.321.662.173	48.908.831.112
22	7. Chi phí tài chính	VI.27	185.362.710.071	173.994.644.675
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*185.067.926.903*	*164.754.412.301*
24	8. Chi phí bán hàng		24.516.237.026	20.327.842.777
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		68.045.092.313	67.045.614.412
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**13.106.834.332**	**(89.160.841.830)**
31	11. Thu nhập khác	VI.28	33.277.496.727	94.268.294.505
32	12. Chi phí khác	VI.29	31.218.152.717	79.385.496.680
40	**13. Lợi nhuận khác**		**2.059.344.010**	**14.882.797.825**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**15.166.178.342**	**(74.278.044.005)**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.30	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**15.166.178.342**	**(74.278.044.005)**

TP.HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng

Chung Trần Quốc Huy

Tổng Giám đốc

Hồ Huy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	*1. Lợi nhuận trước thuế*		*15.166.178.342*	*(74.278.044.005)*
	2. Điều chỉnh các khoản		*155.586.688.450*	*215.071.736.961*
02	- Khấu hao TSCĐ		86.033.325.428	106.442.853.554
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(115.514.563.881)	(56.125.528.894)
06	- Chi phí lãi vay		185.067.926.903	164.754.412.301
08	*3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*		*170.752.866.792*	*140.793.692.957*
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		6.569.199.025	42.168.450.387
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.892.625.607)	12.145.455.617
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		33.587.369.717	(100.974.191.331)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(18.902.183.092)	(84.226.277.998)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(247.142.665.596)	(164.754.412.301)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(11.774.116.118)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.825.440.588	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.712.272.333)	(259.392.999)
20	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*		*(50.914.870.506)*	*(166.880.791.786)*
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(159.016.278.397)	(102.850.063.205)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác		29.324.641.560	85.771.418.233
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(32.015.326.667)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		34.120.771.667	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.500.000.000)	(201.827.468.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.942.854.161	48.908.831.112
30	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*		*(134.143.337.676)*	*(169.997.281.860)*
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(502.000.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.690.358.944.167	1.927.394.658.658
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.481.028.337.601)	(1.557.192.227.769)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	(32.645.844.104)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(33.835.382.982)	-
40	*Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*		*175.495.223.584*	*337.054.586.785*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(9.562.984.598)**	**176.513.139**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**13.937.467.641**	**13.760.954.502**
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ		-	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**		**4.374.483.043**	**13.937.467.641**

TP.HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Chung Trần Quốc Huy	Hồ Huy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tên giao dịch quốc tế Mai Linh Group, viết tắt là Mai Linh Group Corp (MLG), tiền thân của Công ty là Công ty TNHH Du lịch – Thương mại – Vận tải hành khách Mai Linh được thành lập từ năm 1993 và chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần từ ngày 1/7/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001038 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau đó.

Theo Giấy chứng nhận thay đổi số 0300938037 đăng ký thay đổi lần thứ 22 vào ngày 13 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 của Công ty là 980.000.000.000 đồng được chia thành 98.000.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

TT	Cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ/ vốn góp
1	Hồ Huy	499.800.000.000	49.980.000	51 %
2	Trần Thị Hồng Hạnh	53.900.000000	5.390.000	5,5 %
3	Hồ Hữu Lân	4.900.000.000	490.000	0,5%
4	Hồ Thu Hương	4.900.000.000	490.000	0,5%
5	Hồ Thị Giỏi	4.900.000.000	490.000	0,5%
6	Hồ Thị Giang	4.900.000.000	490.000	0,5%
7	Hồ Thị Phượng	4.900.000.000	490.000	0,5%
8	Mai Hà Thanh Hùng	4.900.000.000	490.000	0,5%
9	Trần Thị Hồng Hoa	4.900.000.000	490.000	0,5%
10	Các Cổ đông khác	392.000.000.000	39.200.000	40 %
	Cộng	**980.000.000.000**	**980.000.000**	**100 %**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 64 – 68 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng Công ty có chi nhánh trực thuộc sau:

	Tên Chi nhánh	Ngày đăng ký kinh doanh lần đầu	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động hiện tại
1	Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mai Linh Đông Bắc Bộ	17/6/2003	Số 115 Phố Phủ Doãn, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Đang hoạt động
2	Chi nhánh Du lịch lữ hành quốc tế Mai Linh Huế	21/9/2004	Số 12 Hùng Vương, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Đã tạm ngưng hoạt động do cơ cấu tổ chức lại Công ty

	Tên Chi nhánh	Ngày đăng ký kinh doanh lần đầu	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động hiện tại
3	Chi nhánh Mộc Bài – Công ty Cổ phần Mai Linh	11/11/2005	Kiốt số 7, đường Xuyên Á, ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	Đã tạm ngưng hoạt động do cơ cấu tổ chức lại Công ty
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Đồng Tháp	06/1/2006	Số 31 Võ Thị Sáu, phường 2, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Đã tạm ngưng hoạt động do cơ cấu tổ chức lại Công ty
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Cà Mau	23/11/2004	Số 11/51 Lý Thường Kiệt, phường 4, Thành phố Cà Mau	Đã tạm ngưng hoạt động do cơ cấu tổ chức lại Công ty
6	Chi nhánh Tiền Giang – Công ty Cổ phần Mai Linh	29/10/2008	360 ấp Hòa Phú, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Đang hoạt động
7	Chi nhánh Tây Ninh – Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	11/6/2008	QL 22, ấp Suối Sâu, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	Đang hoạt động
8	Chi nhánh Tây Nguyên – Công ty Cổ phần Mai Linh	17/1/2005	Số 188 Nguyễn Tất Thành, phường Tân Lập, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Đã tạm ngưng hoạt động do cơ cấu tổ chức lại Công ty

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đã đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa, quốc tế; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định, bằng xe buýt, bằng taxi, theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng; Vận tải khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định và không theo tuyến cố định; Vận tải hành khách đường thủy nội địa ngang sông, qua biên giới Việt Nam; Kinh doanh xếp dỡ hàng hóa tại cảng, bến thủy nội địa, thiết kế phương tiện thủy nội địa; Đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, máy kéo, phương tiện xây dựng, phương tiện vận tải; Sửa chữa đóng mới trang thiết bị, phương tiện vận tải thủy bộ; Gia công cơ khí, phụ tùng ô tô;

Mua bán xe có động cơ, phương tiện vận tải, phụ tùng và bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, nhớt, xăng dầu, gas; Đào tạo dạy nghề; Môi giới bất động sản; Dịch vụ nhà đất; Quản lý bất động sản; Xây dựng và kinh doanh dịch vụ bãi đỗ xe; Đại lý vận tải; Dịch vụ cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, tàu thủy, tàu lửa; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Sản xuất quần áo may sẵn, quần áo bảo hộ lao động, caravat, mũ, các đồ phụ trợ quần áo, vali, túi xách, yên đệm xe; Mua bán máy đếm cây số và phụ kiện; Dịch vụ nhận, chi trả ngoại tệ; Đại lý đổi ngoại tệ; Mua bán, chế tác, gia công đá quý, vàng, bạc, đồ trang sức;

Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; Mua bán đồ điện gia dụng, hàng gia dụng, hàng trang trí nội thất, vật liệu trải sàn, rèm, mành treo, giường, tủ, bàn, ghế; Tư vấn du học; Dịch vụ cho thuê kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Mua bán thiết bị y tế, điện, điện tử, viễn thông, điện thoại cố định, di động, bộ đàm; Bảo trì, lắp đặt, sửa chữa điện thoại; Bán sim, thẻ cào điện thoại di động; Dịch vụ thu hộ các chi phí tiêu dùng: điện thoại; Đại lý ký gửi hàng hóa; Đại lý dịch vụ viễn thông; Dịch vụ giới thiệu việc làm; Mua bán mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế; Dịch vụ săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động dịch vụ gây chảy máu); Trồng rừng; Đầu tư xây dựng thủy điện; Cho thuê nhà ở, văn phòng; Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng; Đào tạo ngoại ngữ; Đại lý bảo hiểm; Hoạt động nhà bảo tàng (không kinh doanh các hiện vật thuộc di tích lịch sử, văn hóa, bảo tàng); Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ; Cho thuê xe ô tô; Dịch vụ bán đấu giá tài sản; Sản xuất xe có động cơ, thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc; Phụ tùng và bộ phận phụ trợ xe có động cơ và động cơ xe (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; Xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở; Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường sắt. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt; Dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt; Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ bất động sản: dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; Khai thác khoáng sản (không hoạt động tại trụ sở); Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên kinh doanh; Nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); Khách sạn đạt tiêu chuẩn sao (không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ;...

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, thời gian ước tính như sau:

- Nhà, vật kiến trúc	05 – 25	năm
- Máy móc thiết bị	03 – 10	năm
- Phương tiện vận tải	10	năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	02 – 08	năm
- Tài sản cố định vô hình	04 – 10	năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai

Chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai nếu tạo ra được tài sản cố định vô hình sẽ được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản cố định vô hình đó.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí khác phát sinh có liên quan đến kết quả kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này và được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Thuê tài sản

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. Phân phối lợi nhuận

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh ngày 19/5/2008, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

- Trả cổ tức cho các cổ đông: 50% lợi nhuận thuần. Phương án phân chia và mức trích cho từng loại cổ phần do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

  Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

- Lập các quỹ không vượt quá 50% lợi nhuận thuần:
  - Trích Quỹ dự phòng tài chính (Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ bắt buộc) hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ Công ty.
  - Trích Quỹ đầu tư phát triển tối đa 30%.
  - Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa 15%.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	129.072.838	773.347.713
Tiền gửi ngân hàng	4.245.410.205	13.164.119.928
Cộng	**4.374.483.043**	**13.937.467.641**

2. Các khoản phải thu khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Phải thu các công ty con trong Tập đoàn Mai Linh	40.764.531.585	104.521.234.834
Phải thu khác ngoài Tập đoàn	252.971.766.220	148.212.765.283
Cộng	**293.736.297.805**	**252.734.000.117**

3. Hàng tồn kho

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	670.116.388	15.187.638
Hàng hóa	4.733.287.063	2.284.380.147
Hàng gửi đi bán	47.102.150	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**5.450.505.601**	**2.299.567.785**

4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí lãi vay	67.650.182.234	67.650.182.234
Khấu hao tài sản cố định	69.541.776.075	69.541.776.075
Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	52.350.552.141	52.350.552.141
Chi phí chờ kết chuyển khác	21.087.746.893	19.233.259.044
Cộng	**210.630.257.343**	**208.775.769.494**

5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Thuế và các khoản phải thu nhà nước là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp do chuyển quyền sử dụng đất nộp thừa.

6. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tạm ứng	4.937.006.138	12.175.878.714
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.555.107.350	4.067.371.500
Tài sản ngắn hạn khác	-	83.952.613
Cộng	**9.492.113.488**	**16.327.202.827**

7 . Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ khác	Cộng TSCĐ hữu hình
Nguyên giá TSCĐ						
Số đầu năm	**23.470.000.419**	**2.014.851.661**	**670.912.823.318**	**11.751.200.853**	**358.778.509**	**708.507.654.760**
Tăng trong năm	**107.143.028.922**	**319.508.600**	**72.837.961.524**	**6.234.449.272**	**177.674.091**	**186.712.622.409**
- Mua sắm	-	319.508.600	47.315.835.253	6.234.449.272	177.674.091	54.047.467.216
- Xây dựng cơ bản	107.143.028.922	-		-	-	107.143.028.922
- Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	-	25.458.958.508	-	-	25.458.958.508
- Chi phí mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	63.167.763	-	-	63.167.763
Giảm trong năm	**3.127.285.445**	-	**54.838.870.741**	**204.438.320**	-	**58.170.594.506**
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	54.838.870.741	204.438.320	-	55.043.309.061
- Giảm do tháo dỡ tài sản	3.127.285.445	-	-	-	-	3.127.285.445
Số cuối năm	**127.485.743.896**	**2.334.360.261**	**688.911.914.101**	**17.781.211.805**	**536.452.600**	**837.049.682.663**
Hao mòn TSCĐ						
Số đầu năm	**8.877.927.322**	**469.585.602**	**131.528.150.673**	**6.033.291.111**	**231.473.660**	**147.140.428.368**
Tăng trong năm	**1.424.298.466**	**382.329.120**	**75.605.624.837**	**1.575.701.816**	**81.069.997**	**79.069.024.236**
- Trích khấu hao TSCĐ	1.225.343.252	254.389.104	62.806.442.634	1.575.701.816	81.069.997	65.942.946.803
- Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	-	12.799.182.203	-	-	12.799.182.203
- Tăng khác	198.955.214	127.940.016	-	-	-	326.895.230
Giảm trong năm	**3.098.296.064**	-	**26.042.998.371**	**86.046.664**	-	**29.227.341.099**
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	26.042.998.371	86.046.664		26.129.045.035
- Giảm do tháo dỡ tài sản	3.098.296.064	-	-	-	-	3.098.296.064
Số cuối năm	**7.203.929.724**	**851.914.722**	**181.090.777.139**	**7.522.946.263**	**312.543.657**	**196.982.111.505**
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	**14.592.073.097**	**1.545.266.059**	**539.384.672.645**	**5.717.909.742**	**127.304.849**	**561.367.226.392**
Số cuối năm	**120.281.814.172**	**1.482.445.539**	**507.821.136.962**	**10.258.265.542**	**223.908.943**	**640.067.571.158**

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 435.323.989.610

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.965.126.680

8 . Tài sản cố định thuê tài chính

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	-	-	**206.971.482.781**	-	**206.971.482.781**
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Thuê tài chính trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	**25.458.958.508**	-	**25.458.958.508**
- Mua lại tài sản thuê	-	-	25.458.958.508	-	25.458.958.508
Số cuối năm	-	-	**181.512.524.273**	-	**181.512.524.273**
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm			**47.547.632.620**		**47.547.632.620**
Tăng trong năm	-	-	**19.715.834.081**	-	**19.715.834.081**
- Trích khấu hao TSCĐ	-	-	19.715.834.081	-	19.715.834.081
Giảm trong năm	-	-	**12.799.182.202**	-	**12.799.182.202**
- Thanh lý tài sản thuê	-	-	12.799.182.202	-	12.799.182.202
Số cuối năm	-	-	**54.464.284.499**	-	**54.464.284.499**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	-	**159.423.850.161**	-	**159.423.850.161**
Số cuối năm	-	-	**127.048.239.774**	-	**127.048.239.774**

9 . Tài sản cố định vô hình

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng TSCĐ vô hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	**87.895.580.668**	-	**92.923.810**	**4.684.544.093**	**92.673.048.571**
Tăng trong năm	-	-	-	**1.401.849.000**	**1.401.849.000**
- Mua sắm	-	-	-	1.401.849.000	1.401.849.000
Giảm trong năm	-	-	-	**53.888.799**	**53.888.799**
- Giảm khác				53.888.799	53.888.799
Số cuối năm	**87.895.580.668**	-	**92.923.810**	**6.032.504.294**	**94.021.008.772**
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	-		**35.620.792**	**1.140.357.454**	**1.175.978.246**
Tăng trong năm	-	-	**18.584.760**	**355.959.780**	**374.544.540**
- Trích khấu hao TSCĐ	-	-	18.584.760	355.959.780	374.544.540
Giảm trong năm	-	-	-	**6.287.029**	**6.287.029**
- Giảm khác	-	-	-	6.287.029	6.287.029
Số cuối năm	-	-	**54.205.552**	**1.490.030.205**	**1.544.235.757**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	**87.895.580.668**	-	**57.303.018**	**3.544.186.639**	**91.497.070.325**
Số cuối năm	**87.895.580.668**	-	**38.718.258**	**4.542.474.089**	**92.476.773.015**

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 83.664.725.018

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 424.512.816

10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quyền sử dụng đất Nhơn Trạch Đồng Nai	15.083.172.300	15.083.172.300
Triển khai phần mềm Oracle	2.352.541.421	2.352.541.421
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	4.811.274.713	783.221.634
Cộng	**22.246.988.434**	**18.218.935.355**

11 . Bất động sản đầu tư

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cơ sở hạ tầng	Khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	**36.282.520.000**	**885.480.000**	-	-	**37.168.000.000**
Tăng trong năm	-	**1.641.815.300**	-	-	**1.641.815.300**
- Tăng do chi phí cải tạo nhà	-	1.641.815.300	-	-	1.641.815.300
Giảm trong năm	**36.282.520.000**	**2.527.295.300**	-	-	**38.809.815.300**
- Thanh lý, nhượng bán	36.282.520.000	2.527.295.300			38.809.815.300
Số cuối năm	-	-	-	-	-
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	**36.282.520.000**	**885.480.000**	-	-	**37.168.000.000**
Số cuối năm	-	-	-	-	-

12 . Đầu tư vào công ty con

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty CP Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ	26.310.000.000	26.310.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Bắc Bộ	215.460.435.086	165.960.435.086
Công ty CP Đại lý vận tải hàng không Mai Linh	1.836.000.000	1.836.000.000
Công ty CP Tập đoàn Mai Linh Đông Nam Bộ	-	35.115.039.463
Công ty Cổ phần Nhật Hồ	3.195.000.000	3.195.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	198.958.220.000	190.311.178.000
Công ty TNHH Tập đoàn Mai Linh Tây Nam	-	48.901.743.920
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh vận tải, du lịch và nhà hàng Mai Linh (Mỹ)	14.803.150.000	14.803.150.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Mai Linh	181.391.179.599	181.391.179.599
Công ty TMDVVT Sài gòn Bình Minh	24.857.000.000	24.857.000.000
Công ty Cổ phần Taxi Mai Linh	85.680.000.000	85.680.000.000
Công ty Cổ phần du lịch Thời gian	1.836.000.000	1.836.000.000
Công ty Cổ phần Địa Ốc	795.600.000	468.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Mai Linh	-	11.180.000.000
Cộng	**755.122.584.685**	**791.844.726.068**

Thông tin bổ sung về các công ty con tại ngày 31/12/2010

Tên công ty con	Tỷ lệ lợi ích tại 31/12/2010	Q.biểu quyết tại 31/12/2010	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ	47,79%	57,28%	Dịch vụ taxi. Dịch vụ cho thuê xe ôtô.
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Bắc Bộ	47,76%	51,00%	Dịch vụ taxi
Công ty CP Đại lý vận tải hàng không Mai Linh	63,75%	51,00%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Nhật Hồ	88,75%	88,75%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	74,24%	74,24%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh vận tải, du lịch và nhà hàng Mai Linh (Mỹ)	100,00%	100,00%	Dịch vụ taxi
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Mai Linh	91,59%	51,00%	Dịch vụ taxi
Công ty TMDVVT Sài gòn Bình Minh	73,81%	51,00%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Taxi Mai Linh	62,86%	51,00%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần du lịch Thời gian	82,11%	51,00%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Địa Ốc	53,00%	53,00%	Dịch vụ taxi

13 . Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ lợi ích tại 31/12/2010	Q.biểu quyết tại 31/12/2010	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiết kế và In Bao bì Năng Động	40,00%	40,00%	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Toàn Cầu Mai Linh	100,00%	30,00%	313.656.100	313.656.100
Công ty Cổ phần Năng lượng Mai Linh	60,09%	35,49%	11.180.000.000	-
Cộng			**11.693.656.100**	**513.656.100**

14 . Đầu tư dài hạn khác	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần xăng dầu An pha	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế Viettel	14.400.000.000	14.400.000.000
Công ty Cổ phần sản xuất Ô tô Mai Linh	6.800.000.000	6.800.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	-	801.000.000
Giá gốc cổ phiếu Công ty Cổ phần VC Sài gòn Tourist	2.032.000	1.023.648.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Campuchia	4.879.391.450	4.879.391.450
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	1.548.000.000	1.548.000.000
Công ty Cổ phần Tin học Việt Linh	1.639.000.000	1.639.000.000
Công ty Cổ phần CNTT và Truyền Thông	581.750.000	581.750.000
Cty cho thuê tài chính Ngân hàng Nông Nghiệp	53.160.000.000	53.160.000.000
Giá gốc cổ phiếu Công ty Cổ phần DV Ôtô Hàng Xanh	-	20.160.000
Trái phiếu Ngân hàng NN&PTNN	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Mai Linh Đông Nam	35.115.039.463	-
Công ty TNHH Mai Linh Tây Nam Bộ	48.901.743.920	-
Công ty KTĐĐ & DVCC Sài Gòn	77.000.000	77.000.000
Cộng	**192.903.956.833**	**110.729.949.450**

(*) Mệnh giá cổ phần là: 10.000 đồng / cổ phần

15 . Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.247.706.192	4.879.976.046
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	23.713.492.922	24.352.453.225
Chi phí mua bảo hiểm xe	1.877.379.707	2.591.297.564
Chi phí quảng cáo chờ phân bổ	15.852.566.883	15.574.185.173
Chi phí lãi vay đầu tư xây dựng bất động sản	102.387.976.220	63.340.519.110
Chi phí đào tạo	25.909.805.367	16.070.728.325
Chi phí trả trước dài hạn khác	37.602.456.597	17.459.702.088
Cộng	**209.591.383.888**	**144.268.861.531**

16 . Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ký quỹ dài hạn cho các công ty thuê tài chính	14.218.904.362	18.819.490.706
Cộng	**14.218.904.362**	**18.819.490.706**

17 . Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Vay ngân hàng (a)	119.145.953.900	117.998.161.846
Vay ngắn hạn đối tượng khác (b)	332.968.767.961	205.789.786.205
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (xem chi tiết vay dài hạn V.22)	73.409.311.234	83.885.591.321
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	28.532.964.093	35.405.780.067
Cộng	**554.056.997.188**	**443.079.319.439**

(a) Các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 4 tháng đến 6 tháng, lãi suất từ 0.833%/tháng đến 1,375%/tháng, được đảm bảo bằng các quyền sử dụng đất của Công ty, trái phiếu với mệnh giá 5 tỷ, toàn bộ số dư tiền gửi bằng VND và ngoại tệ, toàn bộ nguồn thu hợp pháp khác.

(b) Vay đối tượng khác là các khoản vay tín chấp có thời hạn từ 1 tháng đến 12 tháng.

18 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	9.482.438.525	14.553.369.346
Thuế TTĐB	-	5.127.311.111
Thuế xuất, nhập khẩu	24.709.785	5.163.781.690
Thuế TNDN	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Các loại thuế khác	8.975.090.712	889.495.571
Cộng	**18.482.239.022**	**25.733.957.718**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . Chi phí phải trả

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí phải trả về tiền lệ phí trước bạ xe	664.050.476	1.828.817.576
Chi phí lãi phải trả của hợp đồng Repo	2.013.611.111	-
Cộng	**2.677.661.587**	**1.828.817.576**

20 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	34.746.320	-
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	943.231.438	217.211.906
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	19.071.466	54.571.466
Phải trả các công ty trong nội bộ Tập đoàn Mai Linh	90.725.329.360	65.791.547.165
Phải trả tiền góp xe	37.549.233.463	22.518.430.621
Phải trả về tiền chuyển nhượng cổ phần MTC	18.667.610.048	-
Phải trả tiền đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh	9.595.791.984	7.088.384.845
Các khoản phải trả phải nộp khác	158.427.881.601	142.692.609.871
Cộng	**315.962.895.680**	**238.362.755.874**

21 . Phải trả dài hạn khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Nhận ký, cược ký quỹ của CBCNV	20.671.407.444	13.103.956.625
Cộng	**20.671.407.444**	**13.103.956.625**

22 . Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Vay dài hạn ngân hàng (a)	143.420.612.656	193.358.406.000
Vay kinh doanh taxi	2.378.180.468	4.549.169.256
Vay các Công ty trong Tập đoàn Mai Linh	80.908.143.460	54.850.493.086
Vay đối tượng khác (b)	900.180.750.351	827.223.382.282
Nợ thuê tài chính (c)	50.518.428.601	77.440.505.109
Cộng	**1.177.406.115.536**	**1.157.421.955.733**

(a) Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 36 tháng đến 60 tháng, lãi suất từ 0,88%/tháng đến 1,38%/tháng, được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay, số dư nợ gốc đến 31/12/2010 là: 216.829.923.890 đồng, nợ dài hạn đến hạn trả là: 73.409.311.234 đồng.

(b) Vay các đối tượng khác là khoản vay tín chấp có thời hạn từ 13 tháng đến 60 tháng

(c) Nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính về phương tiện vận tải với thời hạn từ 48 tháng đến 60 tháng, lãi suất từ 1%/tháng đến 1,2%/tháng. Số dư nợ gốc đến 31/12/2010 là: 79.051.392.694 đồng, nợ dài hạn đến hạn trả là: 28.532.964.093 đồng.

23. Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
1. Số dư đầu kỳ này	**875.901.380.000**	**22.448.874.000**	**(922.400.000)**	**676.213.946**	**1.728.959.893**	**(147.103.712.558)**	**752.729.315.281**
2. Tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	**15.701.968.769**	**15.701.968.769**
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	15.166.178.342	15.166.178.342
Tăng do phân phối LN	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác trong kỳ	-	-	-	-	-	535.790.427	535.790.427
3. Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	-	**769.130.252**	**769.130.252**
Phân phối LN trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khấu hao và truy thu thuế	-	-	-	-	-	769.130.252	769.130.252
4. Số dư cuối kỳ này	**875.901.380.000**	**22.448.874.000**	**(922.400.000)**	**676.213.946**	**1.728.959.893**	**(132.170.874.041)**	**767.662.153.798**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	875.901.380.000	875.901.380.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	875.901.380.000	875.901.380.000

d. Cổ phần	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	98.000.000	98.000.000
- Số lượng cổ phần đã phát hành	87.590.138	87.590.138
+ Cổ phần phổ thông	*87.590.138*	*87.590.138*
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	87.497.898	87.497.898
+ Cổ phần phổ thông	*87.497.898*	*87.497.898*
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	92.240	92.240
+ Cổ phiếu phổ thông	*92.240*	*92.240*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phần đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	**(147.103.712.558)**	**(70.229.585.823)**
Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng trong kỳ	15.166.178.342	(74.278.044.005)
Chênh lệch khấu hao kinh doanh taxi do đã thanh lý tài sản năm 2008	535.790.427	-
Giảm do truy thu thuế TNDN, thuế GTGT năm 2007, 2008	(769.130.252)	-
Giảm điều chỉnh khấu hao các năm trước	-	(2.596.082.730)
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối kỳ	**(132.170.874.041)**	**(147.103.712.558)**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

24 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ taxi	378.630.949.137	277.350.635.050
Doanh thu dịch vụ du lịch	574.453.725	6.564.943.694
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê xe	200.756.637.138	202.633.748.229
Doanh thu bán xe, phụ tùng	15.106.234.548	28.612.391.150
Doanh thu nhà hàng khách sạn	4.853.472.269	12.176.714.290
Doanh thu dịch vụ đào tạo	1.562.496.250	1.626.416.000
Doanh thu nhà thuốc, y tế	6.017.374.482	3.708.350.227
Doanh thu bán xăng	972.753.376	46.968.594.676
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	38.730.679.860	-
Doanh thu dịch vụ vận tải hành khách đường bộ	61.503.957.190	-
Doanh thu dịch vụ sửa xe cty	2.967.558.068	-
Doanh thu dịch vụ chuyển phát nhanh	2.355.311.661	-
Doanh thu dịch vụ open tour	4.336.360.000	-
Doanh thu Quản lý điều hành, kinh doanh tiếp thị	17.217.008.613	-
Doanh thu dịch vụ khác	1.590.578.859	1.906.175.081
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**737.175.825.176**	**581.547.968.397**
Chiết khấu thương mại	6.836.270.739	6.820.825.561
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**730.339.554.437**	**574.727.142.836**

25 . Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ taxi	348.531.906.916	247.408.071.153
Giá vốn dịch vụ du lịch	-	9.008.639.718
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê xe	90.070.219.934	119.019.510.552
Giá vốn bán xe, phụ tùng	12.521.889.685	17.773.072.137
Giá vốn nhà hàng khách sạn	2.983.387.742	8.367.831.477
Giá vốn dịch vụ đào tạo	601.487.534	819.244.567
Giá vốn nhà thuốc, y tế	5.153.319.855	3.221.262.261
Giá vốn bán xăng	942.740.323	45.579.374.035
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	38.809.815.300	-
Giá vốn dịch vụ vận tải hành khách đường bộ	32.408.372.114	-
Giá vốn dịch vụ sửa xe cty	3.600.534.220	-
Giá vốn dịch vụ chuyển phát nhanh	995.518.000	-
Giá vốn dịch vụ open tour	7.262.959.098	-
Giá vốn Quản lý điều hành, kinh doanh tiếp thị	10.619.546.484	-
Giá vốn dịch vụ khác	128.645.663	231.708.014
Cộng	**554.630.342.868**	**451.428.713.914**

26 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	165.659.852	1.348.058.126
Lãi về đầu tư trái phiếu, tín phiếu, cổ phiếu	1.878.611.400	2.967.438.160
Cổ tức, lợi nhuận sau thuế được chia	30.555.693.059	2.297.127.966
Lãi bán hàng trả chậm	1.944.431.364	1.897.841.492
Thu nhập từ cho thuê thương hiệu	70.418.243.274	39.534.473.629
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	688.913.177	-
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	9.644.844.853	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	25.265.194	863.891.739
Cộng	**115.321.662.173**	**48.908.831.112**

27 . Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay, thuê tài chính	185.067.926.903	164.754.412.301
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	134.446.882	2.541.270.105
Chi phí tài chính khác	160.336.286	6.698.962.269
Cộng	**185.362.710.071**	**173.994.644.675**

28 . Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	29.324.641.560	85.771.418.233
Thu nhập khác	3.952.855.167	8.496.876.272
Cộng	**33.277.496.727**	**94.268.294.505**

29 . Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	29.080.505.331	78.554.720.451
Thuế bị truy thu, phạt chậm nộp	1.179.914.889	-
Chi phí khác	957.732.497	830.776.229
Cộng	**31.218.152.717**	**79.385.496.680**

30 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	**15.166.178.342**	**(74.278.044.005)**
Cổ tức, lợi nhuận được chia, LN được chuyển về từ các công ty con	(30.555.693.059)	-
Chi phí lãi vay vốn góp thiếu năm 2010 (gồm bút toán đ/chỉnh)	11.147.679.296	-
Tiền nộp phạt do chậm nộp thuế GTGT, lãi chậm nộp	1.179.914.889	-
Chi phí không được trừ khác	1.555.363.562	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	**(1.506.556.970)**	**(74.278.044.005)**
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	-	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	**-**	**-**

31 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.699.926.288	23.949.646.623
Chi phí nhân công	62.796.558.257	30.424.154.566
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.033.325.428	107.434.832.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	406.639.236.452	341.896.226.518
Chi phí khác bằng tiền	13.628.150.278	17.324.238.555
Cộng	**604.797.196.703**	**521.029.098.966**

VIII. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các giao dịch nội bộ quan trọng với các bên liên quan và giá trị giao dịch trong năm như sau:

Nội dung giao dịch	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng	346.874.554.975	204.849.813.662
Mua hàng	356.908.104.968	274.443.430.255

Cho đến ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Nội dung nghiệp vụ	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Cho vay		
Phải thu	47.492.711.195	121.617.730.728
Phải trả	(90.725.329.360)	(66.600.012.071)
Vay	(80.908.143.460)	(54.850.493.086)

(*) Ghi chú: Giá trị khoản phải thu ghi số dương và giá trị khoản phải trả ghi số âm

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

Nội dung nghiệp vụ	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	7.502.803.000	6.057.616.000

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty

3. Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

4. Những thông tin khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

IX. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

TP.HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Chung Trần Quốc Huy	Hồ Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH

MAILINH GROUP

MAILINH - Màu xanh cuộc sống !

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN

TẬP ĐOÀN MAI LINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

American Auditing

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 – 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 – 14
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.	15 – 50

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (sau đây gọi tắt là 'Công ty') đệ trình Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (sau đây gọi tắt là 'Tập đoàn') cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tên giao dịch quốc tế Mai Linh Group Corporation, viết tắt là Mai Linh Group Corp (MLG), tiền thân của Công ty là Công ty TNHH Du lịch – Thương mại – Vận tải hành khách Mai Linh được thành lập từ năm 1993 và chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần từ ngày 1/7/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001038 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 22.

Theo Giấy chứng nhận thay đổi số 0300938037 đăng ký thay đổi lần thứ 22 vào ngày 13 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 của Công ty là 980.000.000.000 đồng được chia thành 98.000.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

TT	Cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ/ vốn góp
1	Hồ Huy	499.800.000.000	49.980.000	51 %
2	Trần Thị Hồng Hạnh	53.900.000000	5.390.000	5,5 %
3	Hồ Hữu Lân	4.900.000.000	490.000	0,5%
4	Hồ Thu Hương	4.900.000.000	490.000	0,5%
5	Hồ Thị Giới	4.900.000.000	490.000	0,5%
6	Hồ Thị Giang	4.900.000.000	490.000	0,5%
7	Hồ Thị Phượng	4.900.000.000	490.000	0,5%
8	Mai Hà Thanh Hùng	4.900.000.000	490.000	0,5%
9	Trần Thị Hồng Hoa	4.900.000.000	490.000	0,5%
10	Các Cổ đông khác	392.000.000.000	39.200.000	40 %
	Cộng	**980.000.000.000**	**980.000.000**	**100 %**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 64 – 68 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh của Tập đoàn là:

Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa, quốc tế; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định, bằng xe buýt, bằng taxi, theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng; Vận tải khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định và không theo tuyến cố định; Vận tải hành khách đường thủy nội địa ngang sông, qua biên giới Việt Nam; Kinh doanh xếp dỡ hàng hóa tại cảng, bến thủy nội địa, thiết kế phương tiện thủy nội địa; Đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, máy kéo, phương tiện xây dựng, phương tiện vận tải; Sửa chữa đóng mới trang thiết bị, phương tiện vận tải thủy bộ; Gia công cơ khí, phụ tùng ô tô;

Mua bán xe có động cơ, phương tiện vận tải, phụ tùng và bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, nhớt, xăng dầu, gas; Đào tạo dạy nghề; Môi giới bất động sản; Dịch vụ nhà đất; Quản lý bất động sản; Xây dựng và kinh doanh dịch vụ bãi đỗ xe; Đại lý vận tải; Dịch vụ cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, tàu thủy, tàu lửa; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Sản xuất quần áo may sẵn, quần áo bảo hộ lao động, caravat, mũ, các đồ phụ trợ quần áo, vali, túi xách, yên đệm xe; Mua bán máy đếm cây số và phụ kiện; Dịch vụ nhận, chi trả ngoại tệ; Đại lý đổi ngoại tệ; Mua bán, chế tác, gia công đá quý, vàng, bạc, đồ trang sức; Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; Mua bán đồ điện gia dụng, hàng gia dụng, hàng trang trí nội thất, vật liệu trải sàn, rèm, mành treo, giường, tủ, bàn, ghế; Tư vấn du học; Dịch vụ cho thuê kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Mua bán thiết bị y tế, điện, điện tử, viễn thông, điện thoại cố định, di động, bộ đàm; Bảo trì, lắp đặt, sửa chữa điện thoại; Bán sim, thẻ cào điện thoại di động; Dịch vụ thu hộ các chi phí tiêu dùng: điện thoại; Đại lý ký gửi hàng hóa; Đại lý dịch vụ viễn thông; Dịch vụ giới thiệu việc làm; Mua bán mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế; Dịch vụ săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động dịch vụ gây chảy máu); Trồng rừng; Đầu tư xây dựng thủy điện; Cho thuê nhà ở, văn phòng; Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng; Đào tạo ngoại ngữ; Đại lý bảo hiểm; Hoạt động nhà bảo tàng (không kinh doanh các hiện vật thuộc di tích lịch sử, văn hóa, bảo tàng); Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ; Cho thuê xe ô tô; Dịch vụ bán đấu giá tài sản; Sản xuất xe có động cơ, thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc; Phụ tùng và bộ phận phụ trợ xe có động cơ và động cơ xe (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; Xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở; Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường sắt. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt; Dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt; Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ bất động sản: dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; Khai thác khoáng sản (không hoạt động tại trụ sở); Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên kinh doanh; Nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); Khách sạn đạt tiêu chuẩn sao (không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ;…

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh có chi nhánh trực thuộc sau:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Bắc Bộ	Số 115 Phố Phủ Doãn, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
2	Chi nhánh Du lịch lữ hành Quốc tế Mai Linh Huế	Số 12 Hùng Vương, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
3	Chi nhánh Mộc Bài – Công ty Cổ phần Mai Linh	Kiốt số 7, đường Xuyên Á, ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Đồng Tháp	Số 31 Võ Thị Sáu, phường 2, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Cà Mau	Số 11/51 Lý Thường Kiệt, phường 4, Thành phố Cà Mau
6	Chi nhánh Tiền Giang – Công ty Cổ phần Mai Linh	360 ấp Hòa Phú, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
7	Chi nhánh Tây Ninh – Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	QL 22, ấp Suối Sâu, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
8	Chi nhánh Tây Nguyên – Công ty Cổ phần Mai Linh	Số 188 Nguyễn Tất Thành, phường Tân Lập, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Không có phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Tập đoàn.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị gồm:

Ông :	Hồ Huy	Chủ tịch
Ông :	Mai Hà Thanh Hùng	Thành viên
Ông :	Trương Quang Mẫn	Thành viên
Ông :	Hồ Hữu Lân	Thành viên
Bà :	Trần Thị Hồng Hoa	Thành viên
Bà :	Đặng Phạm Minh Loan – Quỹ đầu tư Vina Capital	Thành viên
Ông :	Nguyễn Kim Tùng – Quỹ đầu tư Indochina Capital	Thành viên
Ông :	Hồ Quang Minh	Thành viên
Ông :	Đậu Thị Ngọc Trâm	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc gồm:

Ông :	Hồ Huy	Tổng Giám đốc	
Ông :	Bùi Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc kiểm soát nội bộ	(Miễn nhiệm ngày 01/7/2010)
Ông :	Lê Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc nội vụ	(Miễn nhiệm ngày 01/7/2010)
Ông :	Trương Quang Mẫn	Phó Tổng Giám đốc thường trực	
Ông :	Mai Hà Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc tài chính	
Bà :	Trần Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc đào tạo và hợp tác lao động	
Ông :	Võ Đăng Cảnh	Phó Tổng Giám đốc kế hoạch đầu tư	(Miễn nhiệm ngày 01/6/2010)
Ông :	Hồ Hữu Lân	Phó Tổng Giám đốc quản lý chất lượng	(Miễn nhiệm ngày 01/01/2010)

Các thành viên của Ban Kiểm soát gồm:

Bà :	Nguyễn Thị Cúc	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 05/05/2010)
Ông :	Bùi Quốc Huy	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 05/05/2010)
Ông :	Nguyễn Minh Nguyên	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30/06/2009)
Ông :	Châu Hoàng Dũng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30/06/2009)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (A.A) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Tập đoàn.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. HCM, ngày 18 tháng 4 năm 2011

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH

HỒ HUY

Số : 023 – HN / BCKT – A.A

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Tập đoàn Mai Linh

Kính gửi: **Hội đồng quản trị**
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh và các công ty con cùng với Công ty (sau đây gọi tắt là 'Tập đoàn') được lập ngày 10 tháng 4 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 50 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Như được trình bày tại mục V.13 của thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho đến thời điểm lập báo này, chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán phù hợp về việc lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn chưa được ghi nhận vào kết quả kinh doanh theo quy định của chuẩn mực / chế độ kế toán Việt Nam như được trình bày tại mục V.5 và mục V.14 của thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong năm 2010, Công ty cổ phần sản xuất Ô tô Mai Linh đã trả lại đất thuê thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất Ô tô và thanh lý các tài sản đầu tư gắn liền trên đất. Tuy nhiên phần chi phí đầu tư xây dựng dự án Công ty vẫn chưa xử lý mà đang hạch toán trên khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

AA - American Auditing Company: Auditing, Consulting, Accounting, Finance, Taxation, Investment, Management, Software, Headhunter and Training.
AA - 美國審計公司 : 審計 , 諮詢 , 會計 , 財務 , 課稅 , 銀行 , 投資 , 管理 , 會計軟體 , 人才聘用以及培訓.
AA - Công ty Kiểm Toán Mỹ: Kiểm toán, Tư vấn, Kế toán, Tài chính, Thuế, Ngân hàng, Đầu tư, Quản trị, Phần mềm, Tuyển dụng và Đào tạo.
Website: http://aa.com.vn Email: info@aa.com.vn Tel: (84-8) 39321284 Hotline: 0903 699 894

Phần vốn góp của các công ty trong Tập đoàn vẫn chưa đủ so với vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các khoản chi phí lãi vay trong năm tương ứng với số vốn góp thiếu, cũng như các khoản chi phí không được trừ khác chưa được các công ty trong Tập đoàn loại trừ khỏi chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010.

Tổng ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên sẽ làm tăng chi phí và giảm doanh thu do vậy làm giảm tương ứng lợi nhuận trước thuế đã trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Mai Linh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. HCM, ngày 15 tháng 4 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC	KIỂM TOÁN VIÊN
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN MỸ	
LÊ VĂN THANH	**NGUYỄN MẠNH HÙNG**
Chứng chỉ KTV số : 0357/KTV	*Chứng chỉ KTV số : Đ.0061/KTV*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cuối năm VND	Đầu năm VND
	TÀI SẢN			
100	**A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)**		**1.311.420.568.834**	**1.122.428.563.817**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**V.1**	**74.218.056.389**	**61.695.297.485**
111	1. Tiền		63.840.085.230	60.695.297.485
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.377.971.159	1.000.000.000
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**V.2**	**6.702.550.000**	**2.739.436.875**
121	1. Đầu tư ngắn hạn		6.931.050.000	3.138.436.875
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(228.500.000)	(399.000.000)
130	**III. Các khoản phải thu**	**V.3**	**898.208.516.014**	**656.322.919.055**
131	1. Phải thu của khách hàng		347.991.712.382	326.396.896.025
132	2. Trả trước cho người bán		49.473.647.589	61.358.774.587
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác		504.679.737.650	272.348.703.621
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(3.936.581.607)	(3.781.455.178)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**V.4**	**47.835.753.533**	**68.528.023.273**
141	1. Hàng tồn kho		48.225.730.338	69.257.762.695
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(389.976.805)	(729.739.422)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**284.455.692.898**	**333.142.887.129**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.5	232.784.955.238	228.546.924.564
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		13.155.655.728	56.807.459.959
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.6	4.765.811.615	5.424.426.457
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	V.7	33.749.270.317	42.364.076.149
200	**B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260+269)**		**3.943.809.476.157**	**3.952.091.865.387**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**5.183.252.910**	**10.402.505.821**
218	4. Phải thu dài hạn khác		10.366.505.821	10.402.505.821
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		(5.183.252.911)	-
220	**II. Tài sản cố định**		**3.300.412.728.962**	**3.289.091.182.770**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	2.379.882.967.170	2.288.677.495.375
222	*- Nguyên giá*		*3.081.477.319.941*	*2.821.469.680.672*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*		*(701.594.352.771)*	*(532.792.185.297)*
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.9	193.392.017.228	286.368.203.644
225	*- Nguyên giá*		*280.234.272.674*	*385.625.245.486*
226	*- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*		*(86.842.255.446)*	*(99.257.041.842)*
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	304.290.342.733	335.466.881.685
228	*- Nguyên giá*		*306.636.298.723*	*337.232.492.615*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)*		*(2.345.955.990)*	*(1.765.610.930)*
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	422.847.401.831	378.578.602.066
240	**III. Bất động sản đầu tư**	**V.12**	-	**37.168.000.000**
241	- Nguyên giá		-	37.168.000.000
242	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cuối năm VND	Đầu năm VND
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**V.13**	**283.962.943.800**	**298.984.865.255**
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		19.125.620.967	68.169.257.022
258	3. Đầu tư dài hạn khác		264.837.322.833	230.815.608.233
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**287.991.421.610**	**246.636.757.178**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	242.583.360.133	185.790.422.070
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.15	20.744.241.335	22.410.329.944
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.16	24.663.820.142	38.436.005.164
269	**VI. Lợi thế thương mại**	**V.17**	**66.259.128.874**	**69.808.554.363**
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)**		**5.255.230.044.991**	**5.074.520.429.204**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số		Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cuối năm VND	Đầu năm VND
		NGUỒN VỐN			-
300	**A.**	**Nợ phải trả (300 =310+330)**		**4.061.426.829.973**	**3.953.378.320.056**
310	**I.**	**Nợ ngắn hạn**		**2.133.069.438.298**	**1.887.513.114.723**
311	1.	Vay và nợ ngắn hạn	V.18	1.283.352.524.404	1.078.206.723.660
312	2.	Phải trả cho người bán		120.342.133.258	211.493.432.888
313	3.	Người mua trả tiền trước		53.597.480.809	37.502.231.666
314	4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.19	63.818.006.932	53.092.281.309
315	5.	Phải trả người lao động		77.839.909.145	69.977.633.460
316	6.	Chi phí phải trả	V.20	24.534.827.732	13.650.609.376
319	9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.21	504.110.213.202	422.592.132.537
323	11.	Quỹ khen thưởng và phúc lợi		5.474.342.816	998.069.827
330	**II.**	**Nợ dài hạn**		**1.928.357.391.675**	**2.065.865.205.333**
333	3.	Phải trả dài hạn khác	V.22	141.513.769.153	96.783.781.368
334	4.	Vay và nợ dài hạn	V.23	1.774.838.067.778	1.954.442.589.888
335	5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		3.202.527.335	6.785.489.015
336	6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		89.918.265	227.111.360
338	8.	Doanh thu chưa thực hiện		8.713.109.144	7.626.233.702
400	**B.**	**Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)**		**717.217.263.698**	**656.612.745.694**
410	**I.**	**Nguồn vốn chủ sở hữu**	**V.24**	**717.217.263.698**	**656.612.745.694**
411	1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		875.901.380.000	875.901.380.000
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		52.697.431.252	52.771.431.252
413	3.	Vốn khác của chủ sở hữu		-	420.000.000
414	4.	Cổ phiếu quỹ (*)		(1.666.151.984)	(1.448.300.269)
417	7.	Quỹ đầu tư phát triển		4.779.701.059	2.349.525.569
418	8.	Quỹ dự phòng tài chính		3.397.613.310	2.364.098.338
420	10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(217.892.709.939)	(275.745.389.196)
430	**II.**	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**		-	-
500	**C.**	**Lợi ích của cổ đông thiểu số**		**476.585.951.320**	**464.529.363.454**
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**5.255.230.044.991**	**5.074.520.429.204**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cuối năm VND	Đầu năm VND
	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT HỢP NHẤT			
001	1. Tài sản thuê ngoài			
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý		14.630.260	-
007	5. Ngoại tệ các loại (USD)		8.976,17	31.903,53

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2011

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
CHUNG TRẦN QUỐC HUY	HỒ HUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**2.797.606.299.807**	**2.443.085.054.472**
02	2. Các khoản giảm trừ		17.740.802.520	14.100.150.131
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**VI.25**	**2.779.865.497.287**	**2.428.984.904.341**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**VI.26**	**2.036.384.166.132**	**1.795.291.219.154**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**743.481.331.155**	**633.693.685.187**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.27	112.391.102.966	27.770.442.571
22	7. Chi phí tài chính	VI.28	353.883.227.218	309.444.275.462
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*347.201.201.805*	*295.384.102.076*
24	8. Chi phí bán hàng	VI.29	122.462.380.077	94.084.677.673
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.30	288.963.217.369	293.438.744.622
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**90.563.609.457**	**(35.503.569.999)**
31	11. Thu nhập khác	VI.31	144.801.709.096	286.546.912.749
32	12. Chi phí khác	VI.32	116.585.325.653	232.313.113.092
40	**13. Lợi nhuận khác**		**28.216.383.443**	**54.233.799.657**
45	**14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD**		(1.295.880.827)	2.166.019.954
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**117.484.112.073**	**20.896.249.612**
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.33	26.553.550.507	22.832.250.358
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.34	(602.210.320)	7.393.724.300
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		91.532.771.886	(9.329.725.046)
61	19. Lợi ích của cổ đông thiểu số		22.990.011.463	32.557.270.410
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ (*)**		**68.542.760.423**	**(41.886.995.456)**
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phần**	**VI.35**	**783**	**(593)**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2011

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
CHUNG TRẦN QUỐC HUY	HỒ HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2010

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***117.484.112.073***	***20.896.249.612***
	2. Điều chỉnh các khoản		***591.403.578.770***	***557.939.471.663***
02	- Khấu hao TSCĐ		345.481.335.558	335.194.838.553
03	- Các khoản dự phòng		6.423.010.012	(413.939.900)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	190.888.733
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(107.701.968.605)	(72.416.417.799)
06	- Chi phí lãi vay		347.201.201.805	295.384.102.076
08	***3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***708.887.690.843***	***578.835.721.275***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(104.419.709.996)	(104.084.294.198)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		21.200.542.575	(20.130.992.820)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		35.284.941.656	211.571.979.836
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(73.616.736.429)	(78.735.645.556)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(356.153.913.812)	(302.055.189.847)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(24.724.773.388)	(23.526.802.115)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		24.814.397.306	27.620.478.783
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(22.135.291.713)	(19.086.679.505)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***209.137.147.042***	***270.408.575.853***
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(853.802.138.710)	(1.034.448.124.127)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác		123.268.784.254	292.447.643.605
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(128.935.053.450)	(32.317.007.883)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		93.001.475.929	16.005.071.666
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(20.983.119.187)	(231.357.234.127)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		82.500.000.000	2.648.663.161
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		19.397.917.117	65.649.127.146
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(685.552.134.047)***	***(921.371.860.559)***
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		40.264.952.480	2.450.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(220.320.000)	(1.525.732.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.081.725.245.968	2.933.798.435.651
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.547.744.271.474)	(2.191.247.784.451)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(26.975.842.030)	(78.321.893.460)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(58.112.019.035)	(2.179.276.049)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***488.937.745.909***	***662.973.749.691***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2010

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**12.522.758.904**	**12.010.464.985**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**61.695.297.485**	**49.751.106.768**
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ		-	(66.274.268)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**		**74.218.056.389**	**61.695.297.485**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2011

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
CHUNG TRẦN QUỐC HUY	HỒ HUY

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MAI LINH

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh tên giao dịch quốc tế Mai Linh Group Corporation, viết tắt là Mai Linh Group Corp (MLG), tiền thân của Công ty là Công ty TNHH Du lịch – Thương mại – Vận tải hành khách Mai Linh được thành lập từ năm 1993 và chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần từ ngày 1/7/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001038 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 22.

Theo Giấy chứng nhận thay đổi số 0300938037 đăng ký thay đổi lần thứ 22 vào ngày 13 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 của Công ty là 980.000.000.000 đồng được chia thành 98.000.000 cổ phần. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

TT	Cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ/ vốn góp
1	Hồ Huy	499.800.000.000	49.980.000	51 %
2	Trần Thị Hồng Hạnh	53.900.000000	5.390.000	5,5 %
3	Hồ Hữu Lân	4.900.000.000	490.000	0,5%
4	Hồ Thu Hương	4.900.000.000	490.000	0,5%
5	Hồ Thị Giỏi	4.900.000.000	490.000	0,5%
6	Hồ Thị Giang	4.900.000.000	490.000	0,5%
7	Hồ Thị Phượng	4.900.000.000	490.000	0,5%
8	Mai Hà Thanh Hùng	4.900.000.000	490.000	0,5%
9	Trần Thị Hồng Hoa	4.900.000.000	490.000	0,5%
10	Các Cổ đông khác	392.000.000.000	39.200.000	40 %
	Cộng	**980.000.000.000**	**980.000.000**	**100 %**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 64 – 68 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh có chi nhánh trực thuộc sau:

	Tên Chi nhánh	Ngày đăng ký kinh doanh lần đầu	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động hiện tại
1	Chi nhánh Công ty Cổ Phần Mai Linh Đông Bắc Bộ	17/6/2003	Số 115 Phố Phủ Doãn, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	Đang hoạt động
2	Chi nhánh Du lịch lữ hành quốc tế Mai Linh Huế	21/9/2004	Số 12 Hùng Vương, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Đã tạm ngưng hoạt động do cơ cấu tổ chức lại Công ty

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

	Tên Chi nhánh	Ngày đăng ký kinh doanh lần đầu	Địa chỉ trụ sở chính	Tình hình hoạt động hiện tại
3	Chi nhánh Mộc Bài – Công ty Cổ phần Mai Linh	11/11/2005	Kiốt số 7, đường Xuyên Á, ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	Đã tạm ngưng hoạt động do cơ cấu tổ chức lại Công ty
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Đồng Tháp	06/1/2006	Số 31 Võ Thị Sáu, phường 2, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Đã tạm ngưng hoạt động do cơ cấu tổ chức lại Công ty
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Cà Mau	23/11/2004	Số 11/51 Lý Thường Kiệt, phường 4, Thành phố Cà Mau	Đã tạm ngưng hoạt động do cơ cấu tổ chức lại Công ty
6	Chi nhánh Tiền Giang – Công ty Cổ phần Mai Linh	29/10/2008	360 ấp Hòa Phú, xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Đang hoạt động
7	Chi nhánh Tây Ninh – Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	11/6/2008	QL 22, ấp Suối Sâu, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	Đang hoạt động
8	Chi nhánh Tây Nguyên – Công ty Cổ phần Mai Linh	17/1/2005	Số 188 Nguyễn Tất Thành, phường Tân Lập, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Dắk Lắk	Đã tạm ngưng hoạt động do cơ cấu tổ chức lại Công ty

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn hoạt động trong các lĩnh vực sau: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa, quốc tế; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định, bằng xe buýt, bằng taxi, theo hợp đồng, kinh doanh vận tải hàng; Vận tải khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định và không theo tuyến cố định; Vận tải hành khách đường thủy nội địa ngang sông, qua biên giới Việt Nam; Kinh doanh xếp dỡ hàng hóa tại cảng, bến thủy nội địa, thiết kế phương tiện thủy nội địa; Đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô, máy kéo, phương tiện xây dựng, phương tiện vận tải; Sửa chữa đóng mới trang thiết bị, phương tiện vận tải thủy bộ; Gia công cơ khí, phụ tùng ô tô;

Mua bán xe có động cơ, phương tiện vận tải, phụ tùng và bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, nhớt, xăng dầu, gas; Đào tạo dạy nghề; Môi giới bất động sản; Dịch vụ nhà đất; Quản lý bất động sản; Xây dựng và kinh doanh dịch vụ bãi đỗ xe; Đại lý vận tải; Dịch vụ cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, tàu thủy, tàu lửa; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Sản xuất quần áo may sẵn, quần áo bảo hộ lao động, caravat, mũ, các đồ phụ trợ quần áo, vali, túi xách, yên đệm xe; Mua bán máy đếm cây số và phụ kiện; Dịch vụ nhận, chi trả ngoại tệ; Đại lý đổi ngoại tệ; Mua bán, chế tác, gia công đá quý, vàng, bạc, đồ trang sức; Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; Mua bán đồ điện gia dụng, hàng gia dụng, hàng trang trí nội thất, vật liệu trải sàn, rèm, mành treo, giường, tủ, bàn, ghế; Tư vấn du học; Dịch vụ cho thuê kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Mua bán thiết bị y tế, điện, điện tử, viễn thông, điện thoại cố định, di động, bộ đàm; Bảo trì, lắp đặt, sửa chữa điện thoại; Bán sim, thẻ cào điện thoại di động; Dịch vụ thu hộ các chi phí tiêu dùng: điện thoại; Đại lý ký gửi hàng hóa; Đại lý dịch vụ viễn thông; Dịch vụ giới thiệu việc làm; Mua bán mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế; Dịch vụ săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động dịch vụ gây chảy máu); Trồng rừng; Đầu tư xây dựng thủy điện; Cho thuê nhà ở, văn phòng; Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại);

Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng; Đào tạo ngoại ngữ; Đại lý bảo hiểm; Hoạt động nhà bảo tàng (không kinh doanh các hiện vật thuộc di tích lịch sử, văn hóa, bảo tàng); Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ; Cho thuê xe ô tô; Dịch vụ bán đấu giá tài sản; Sản xuất xe có động cơ, thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc; Phụ tùng và bộ phận phụ trợ xe có động cơ và động cơ xe (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; Xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở; Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường sắt. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt; Dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt; Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ bất động sản: dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ đấu giá bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; Khai thác khoáng sản (không hoạt động tại trụ sở); Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên kinh doanh; Nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); Khách sạn đạt tiêu chuẩn sao (không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ;…

3. Thông tin các công ty con, liên kết được hợp nhất và không hợp nhất quyền lợi

Tổng số các công ty con: ***61 công ty***

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 60 công ty
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01 công ty

3.1 Công ty con trực tiếp được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ	Số 92 đường 2/9, Phường Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	47,79%	57,28%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ	370 Trần Khát Chân, P. Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	47,76%	51%
3	Công ty CP Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	25 Lê Lợi, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	74,24%	74,24%
4	Công ty Cổ phần Sản Xuất và Thương mại Mai Linh	1691/3N Quốc lộ 1A, Khu phố 3, P. An Phú Đông, Q.12, TP. HCM	91,59%	51%
5	Công ty Cổ phần Taxi Mai Linh	197 Huỳnh Tấn Phát, P. Tân Thuận Đông, Q.7, TP. HCM	62,86%	51%
6	Công ty TNHH TM DV Vận tải Sài gòn Bình Minh	C5 Nguyễn Oanh, P.17 , Q. Gò Vấp, TP. HCM	73,81%	51%
7	Công ty Du Lịch Thời Gian (*)	32 Nguyễn Cư Trinh, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. HCM	82%	51%
8	Công ty CP Nhật Hồ (**)	21 Nguyễn Kim, Q.5, TP. HCM	82%	51%
9	Công ty CP Đại lý Vận tải Hàng Không Mai Linh	64-68 Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	63,75%	51%
10	Công ty TNHH Địa Ốc Mai Linh	22 Vũ Huy Tấn, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	53%	53%

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

(*) Công ty Du lịch Thời Gian đã tạm ngưng hoạt động do cơ cấu tổ chức lại Công ty và chưa được kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010.

(**) Công ty Cổ phần Nhật Hồ chưa được kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010.

3.2 Công ty con gián tiếp được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Quảng Ngãi	134 Đại lộ Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.	100%	100%
2	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Tam Kỳ	Lô A42 đường Phan Bội Châu, phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.	100%	100%
3	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Hội An	410 đường Cửa Đại, phường Cẩm Châu, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.	100%	100%
4	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Huế	177 Phan Đình Phùng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.	100%	100%
5	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Quảng Trị	169 đường Lý Thường Kiệt, phường Đông Lễ, thị xã Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.	100%	100%
6	Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Dường Quang Trung, tiểu khu Diêm Hải, P. Phú Hải, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.	75%	75%
7	Công ty TNHH MTV cà phê Arabica Mai Linh (*)	Thôn Tân Tài, xã Tân Lập, H. Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị.	100%	100%
8	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Mai Linh Lao Bảo (**)	Km 83 Quốc lộ 9 – khu KTTM ĐB Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.	100%	100%
9	Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Số 2 Phố Yết Kiêu, P. Nam Thành, TP. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.	100%	100%
10	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Lô 21, Đường Lê Chân, P. Lê Hồng Phong, TX. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam.	100%	100%
11	Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	675 Phố Đình Âm, P. Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.	100%	100%
12	Công ty Cổ phần Mai Linh Bắc Ninh	136 Phố Anh Đào, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Quảng Ninh.	100%	100%

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
13	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	181 Đại lộ Lê Thanh Nghị, P. Phạm Ngũ Lão, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.	100%	100%
14	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	221 Lạch Thay, Đồng Quốc Bình, Ngô Quyền, Hải Phòng.	100%	100%
15	Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	370 Trần Khát Chân, P. Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội.	84%	84%
16	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	180 Huyền Quang, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, Bắc Giang.	100%	100%
17	Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	318 Trần Hưng Đạo, P. Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.	91%	91%
18	Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	144 Nguyễn Trường Tộ, TP. Vinh, Nghệ An.	91%	91%
19	Công ty TNHH Mai Linh Hà Tĩnh	233 Trần Phúc, TP. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.	100%	100%
20	Công ty Cổ phần Telin Vạn Hương	Lô C2C cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghệ nhỏ, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.	100%	100%
21	Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Số 7, đường Trần Nhân Tông kéo dài, P. Văn Miếu, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định	100%	100%
22	Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	153 Quốc lộ 1A, phường 2, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	100%	100%
23	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Số nhà 2446, đường Hùng Vương, P.Vân Cơ, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	100%	100%
24	Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Số 8, lô 2 khu phố 1, Trần Thái Tông, TP. Thái Bình	100%	100%
25	Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	136 Phố Anh Đào, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	85%	85%
26	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bảo Lộc	905, Trần Phú, Phường B'Lao, Thị Xã Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng	100%	100%
27	Công ty TNHH MTV Mai Linh Đức Trọng	705, Quốc Lộ 20, Thị Trấn Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng	100%	100%
28	Công ty TNHH MTV Sao Mai Ninh Thuận	Đường 16/4, P. Mỹ Bình, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	100%	100%

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
29	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang-Tháp Chàm	Đường 16/4, P. Mỹ Bình, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	100%	100%
30	Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	239, Nguyễn Tất Thành, Phường 8, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	100%	100%
31	Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	Số 14, Nguyễn Văn Cừ, P.1, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	100%	100%
32	Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	33A, Đường Tây Sơn, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	100%	100%
33	Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	36 Ngô Gia Tự, P.Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	100%	100%
34	Công ty TNHH MTV Mai Linh Đăk Nông	205 Hùng Vương, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%
35	Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	97D, Phạm Văn Đồng, P. Thống Nhất, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	100%	100%
36	Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	147 Phan Đình Phùng, P. Quang Trung, Tỉnh Kon Tum	100%	100%
37	Công ty TNHH Mai Linh Sao Mai Nha Trang (***)	25 Lê Lợi, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	100%	100%
38	Công ty TNHH Mai Linh Champasak (***)	Ban Phabath – TP. Paskse – Tỉnh Champasak – Lào	100%	100%
39	Công ty TNHH MTV Thương Mại Mai Linh	1691/3N Khu phố 3, Quốc lộ 1A, P.An Phú Đông, Q.12, TP. HCM	100%	100%
40	Công ty CP SX&KD phụ tùng ô tô Hoàng Mai (***)	64-68 Hai Bà Trưng, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM	100%	100%
41	Công ty TNHH Dệt may Hạnh Linh	A7-A1 Nguyễn Oanh, P.17, Q. Gò Vấp, TP. HCM	93%	93%
42	Công ty TNHH SX TM DV Mai Linh	23 Đường 52, Cư Xá Lữ Gia, P.15, Q.11, TP. HCM	91%	91%
43	Công ty CP SX ô tô Mai Linh	1691/3N Khu phố 3, Quốc lộ 1A, P. An Phú Đông, Q.12, TP. HCM	56%	56%
44	Công ty TNHH Ba Mươi Taxi (***)	197 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, TP. HCM.	100%	51%
45	Công ty TNHH Chợ Lớn Taxi	197 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, TP. HCM.	100%	51%

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
46	Công ty TNHH Deluxe Taxi	197 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, TP. HCM.	100%	51%
47	Công ty TNHH Gia Định Taxi	197 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, TP. HCM.	100%	51%
48	Công ty TNHH MTV Kiểm Định Đồng Hồ Sài Gòn Taxi	70B Nguyễn Văn Lượng, Q. Gò Vấp, TP. HCM.	100%	51%
49	Công ty TNHH Sài Gòn Taxi	197 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, TP. HCM.	100%	51%
50	Công ty TNHH Vina Taxi	197 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, TP. HCM.	96%	51%

(*) Công ty TNHH MTV cà phê Arabica Mai Linh đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, chưa phát sinh kết quả kinh doanh và chưa được kiểm toán.

(**) Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Mai Linh Lao Bảo đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản, chưa phát sinh kết quả kinh doanh và chưa được kiểm toán.

(***) Các công ty chưa được kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010.

3.3 Công ty con không được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1	Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh vận tải, du lịch và nhà hàng Mai Linh (Mỹ)	Washington D.C, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ		

Lý do không hợp nhất quyền lợi là do tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh vận tải, du lịch và nhà hàng Mai Linh (Mỹ).

Tổng số các công ty liên kết: ***04 công ty***

- Số lượng các công ty liên kết được hợp nhất: 0 công ty
- Số lượng các công ty liên kết không được hợp nhất: 04 công ty

3.4 Danh sách Công ty liên kết không được tổng hợp quyền lợi vào Báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Thiết kế và In Bao bì Năng Động	22 Vũ Huy Tấn, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	40%	40%
2	Công ty Cổ phần Du lịch Toàn Cầu Mai Linh		100%	30%
3	Công ty CP Bảo Toàn A	12 Tố Hữu, Thành phố Huế	49%	49%
4	Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh		60,09%	35,49%

Lý do không hợp nhất quyền lợi tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là do Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2010 của các Công ty trên, được hạch toán theo phương pháp giá gốc và chưa được kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2010/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

IV. CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo tài chính tham gia hợp nhất:

1. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty mẹ được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ với ý kiến chấp nhận từng phần.
2. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty con Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ với ý kiến chấp nhận toàn bộ.
3. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty con Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Bắc Bộ được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội, thành viên hãng Crowe Horwath International với ý kiến chấp nhận toàn bộ.
4. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty con Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ với ý kiến chấp nhận từng phần.
5. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty con Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ với ý kiến chấp nhận từng phần.
6. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty con Công ty Cổ phần Taxi Mai Linh được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ với ý kiến chấp nhận từng phần.
7. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty con Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ vận tải Sài gòn Bình Minh được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ với ý kiến chấp nhận từng phần.

8. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty con Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Hàng không Mai Linh được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL – Văn phòng Hà Nội, thành viên hãng Crowe Horwath International với ý kiến chấp nhận toàn bộ.
9. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty con Công ty TNHH Địa Ốc Mai Linh được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam với ý kiến chấp nhận từng phần và có đoạn nhấn mạnh.
10. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty con Công ty Cổ phần Nhật Hồ chưa được kiểm toán.
11. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty con Công ty Du lịch Thời Gian chưa được kiểm toán.
12. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty liên kết Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiết kế và In Bao Bì Năng Động chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2010, được hạch toán theo phương pháp giá gốc và chưa được kiểm toán.
13. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty liên kết Công ty Cổ phần Du lịch Toàn cầu Mai Linh chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2010, được hạch toán theo phương pháp giá gốc và chưa được kiểm toán.
14. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty liên kết Công ty Cổ phần Bảo Toàn A chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2010, được hạch toán theo phương pháp giá gốc và chưa được kiểm toán.
15. Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty liên kết Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2010, được hạch toán theo phương pháp giá gốc và chưa được kiểm toán.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian ước tính tài sản cố định của Tập đoàn như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40	năm
- Máy móc thiết bị	03 – 10	năm
- Phương tiện vận tải	05 – 10	năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	02 – 08	năm
- Phần mềm máy tính	03 – 04	năm
- Nhãn hiệu hàng hóa	04 – 10	năm
- Quyền sử dụng đất	10	năm

Trước năm 2010, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ chưa thực hiện trích khấu hao cho xe hợp tác kinh doanh. Năm 2010, Công ty trích bổ sung khấu hao cho xe hợp tác kinh doanh. Công ty áp dụng điều chỉnh phi hồi tố cho toàn bộ các xe hợp tác kinh doanh trong năm 2010. Việc thay đổi chính sách kế toán về xe hợp tác kinh doanh này làm chi phí khấu hao năm 2010 tăng thêm 9.362.979.933 VND.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

5. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai

Chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai nếu tạo ra được tài sản cố định vô hình sẽ được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản cố định vô hình đó.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết, liên doanh được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng phải được điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết.

Khoản đầu tư khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư khác được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Chi phí sửa chữa phát sinh một lần quá lớn.

- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần chênh lệch giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất trong thời gian không quá 10 năm. Phần giá trị còn lại của lợi thế thương mại sau khi trừ đi số phân bổ lũy kế được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh không được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh trong thời gian không quá 10 năm.

11. Nguyên tắc ghi nhận bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ vốn thực góp sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

15. Nguyên tắc ghi nhận lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định là phần lợi ích trong kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một công ty con tương ứng với các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

Các khoản lỗ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong công ty con được hợp nhất có thể lớn hơn số vốn của họ trong công ty con. Khoản lỗ vượt trên phần vốn của các cổ đông thiểu số này được tính giảm vào phần lợi ích của công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào phần lợi ích của công ty mẹ cho tới khi phần lỗ trước đây do công ty mẹ gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

17. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này và được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Thuê tài sản

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

21. Nguyên tắc ghi nhận phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết

Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết được ghi nhận tương ứng với phần lợi ích trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty liên kết, liên doanh sau khi phân bổ lợi thế thương mại.

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Quyết toán thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

23. Phân phối lợi nhuận

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh ngày 19/5/2008, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

- Trả cổ tức cho các cổ đông: 50% lợi nhuận thuần. Phương án phân chia và mức trích cho từng loại cổ phần do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

  Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

- Lập các quỹ không vượt quá 50% lợi nhuận thuần:
  - Trích Quỹ dự phòng tài chính (Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ bắt buộc) hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ Công ty.
  - Trích Quỹ đầu tư phát triển tối đa 30%.
  - Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa 15%.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động

25. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.
Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh doanh khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	5.145.157.882	5.757.443.155
Tiền gửi ngân hàng	58.559.665.348	52.741.142.230
Tiền đang chuyển	135.262.000	2.196.712.100
Các khoản tương đương tiền	10.377.971.159	1.000.000.000
Cộng	**74.218.056.389**	**61.695.297.485**

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	692.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	6.931.050.000	2.446.436.875
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(228.500.000)	(399.000.000)
Cộng	**6.702.550.000**	**2.739.436.875**

(*) Chi tiết đầu tư ngắn hạn khác

Đối tượng vay	Thời hạn	Lãi suất	Số tiền
Công ty TNHH Xuân Mai	12 tháng	1,4%/tháng	4.911.050.000
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	12 tháng	1%/tháng	1.484.000.000
Ông Hồ Văn Tây	12 tháng	0,87%/tháng	170.000.000
Cá nhân và tổ chức khác			366.000.000
Cộng			**6.931.050.000**

3. Các khoản phải thu

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Phải thu của khách hàng	347.991.712.382	326.396.896.025
Trả trước cho người bán	49.473.647.589	61.358.774.587
Các khoản phải thu khác	504.679.737.650	272.348.703.621
Cộng các khoản phải thu	**902.145.097.621**	**660.104.374.233**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(3.936.581.607)	(3.781.455.178)
Giá trị thuần các khoản phải thu	**898.208.516.014**	**656.322.919.055**

4. Hàng tồn kho

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Hàng mua đang đi trên đường	3.960.000	11.134.180
Nguyên liệu, vật liệu	15.641.751.499	12.037.770.334
Công cụ, dụng cụ	4.016.656.886	6.241.378.140
Chi phí SXKD dở dang	6.710.439.503	5.511.538.922
Thành phẩm	6.951.556.323	6.830.809.725
Hàng hóa	14.733.071.588	37.988.192.001
Hàng gửi đi bán	168.294.539	636.939.393
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**48.225.730.338**	**69.257.762.695**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(389.976.805)	(729.739.422)
Giá trị thuần có thể thực hiện	**47.835.753.533**	**68.528.023.273**

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.974.343.646	1.545.987.777
Chi phí bảo hiểm	14.074.827.115	11.394.837.481
Chi phí lãi vay	67.650.182.234	67.650.182.234
Khấu hao TSCĐ	69.541.776.075	69.541.776.075
Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	52.350.552.141	52.350.552.141
Chi phí trả trước khác	27.193.274.027	26.063.588.856
Cộng	**232.784.955.238**	**228.546.924.564**

6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	4.347.124.844	5.151.223.130
Các khoản khác phải thu Nhà nước	418.686.771	273.203.327
Cộng	**4.765.811.615**	**5.424.426.457**

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tạm ứng	24.151.115.450	33.053.798.380
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.932.597.856	6.457.309.040
Tài sản thiếu chờ xử lý	3.384.056.410	1.373.793.772
Tài sản ngắn hạn khác	281.500.601	1.479.174.957
Cộng	**33.749.270.317**	**42.364.076.149**

8 . Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ khác	Cộng TSCĐ hữu hình
Nguyên giá TSCĐ						
Số đầu năm	**86.066.907.793**	**10.242.569.778**	**2.673.133.264.876**	**18.777.212.627**	**33.249.725.598**	**2.821.469.680.672**
Tăng trong năm	**119.251.407.438**	**2.886.186.083**	**697.960.447.599**	**8.138.647.702**	**18.585.342.397**	**846.822.031.219**
- Mua sắm	1.121.251.026	1.393.068.493	549.637.419.945	8.109.682.247	177.674.091	560.439.095.802
- Xây dựng cơ bản	114.600.133.156	792.334.135	110.705.420.496	-	77.818.182	226.175.705.969
- Tăng khác	3.530.023.256	700.783.455	37.617.607.158	28.965.455	18.329.850.124	60.207.229.448
Giảm trong năm	**15.241.658.063**	**2.384.236.845**	**564.106.626.157**	**1.313.096.080**	**3.768.774.805**	**586.814.391.950**
- Thanh lý, nhượng bán	665.296.914	1.042.708.596	192.581.324.264	640.943.429	3.465.489.360	198.395.762.563
- Giảm khác	14.576.361.149	1.341.528.249	371.525.301.893	672.152.651	303.285.445	388.418.629.387
Số cuối năm	**190.076.657.168**	**10.744.519.016**	**2.806.987.086.318**	**25.602.764.249**	**48.066.293.190**	**3.081.477.319.941**
Hao mòn TSCĐ						
Số đầu năm	**16.376.016.148**	**3.906.356.528**	**501.154.746.624**	**9.166.922.969**	**2.188.143.028**	**532.792.185.297**
Tăng trong năm	**5.336.021.752**	**1.758.347.817**	**309.386.551.047**	**3.595.459.623**	**10.921.372.413**	**330.997.752.651**
- Trích khấu hao TSCĐ	3.822.229.620	1.241.519.634	292.604.251.494	3.587.072.179	9.705.236.588	310.960.309.514
- Tăng khác	1.513.792.132	516.828.183	16.782.299.553	8.387.444	1.216.135.825	20.037.443.137
Giảm trong năm	**5.163.123.538**	**1.297.870.619**	**153.584.579.618**	**615.522.259**	**1.534.489.143**	**162.195.585.177**
- Thanh lý, nhượng bán	528.272.993	693.067.453	81.672.588.078	232.328.097	1.293.658.293	84.419.914.914
- Giảm khác	4.634.850.545	604.803.166	71.911.991.540	383.194.162	240.830.850	77.775.670.263
Số cuối năm	**16.548.914.362**	**4.366.833.726**	**656.956.718.053**	**12.146.860.333**	**11.575.026.298**	**701.594.352.771**
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	**69.690.891.645**	**6.336.213.250**	**2.171.978.518.252**	**9.610.289.658**	**31.061.582.570**	**2.288.677.495.375**
Số cuối năm	**173.527.742.806**	**6.377.685.290**	**2.150.030.368.265**	**13.455.903.917**	**36.491.266.892**	**2.379.882.967.170**

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.929.642.865.627 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 22.861.497.701 đồng

9 . Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Cộng TSCĐ thuê tài chính
Nguyên giá TSCĐ		
Số đầu năm	**385.625.245.486**	**385.625.245.486**
Tăng trong năm	**3.000.000**	**3.000.000**
- Tăng khác	3.000.000	3.000.000
Giảm trong năm	**105.393.972.812**	**105.393.972.812**
- Trả lại tài sản thuê	55.648.005.145	55.648.005.145
- Giảm khác	49.745.967.667	49.745.967.667
Số cuối năm	**280.234.272.674**	**280.234.272.674**
Hao mòn TSCĐ		
Số đầu năm	**99.257.041.842**	**99.257.041.842**
Tăng trong năm	**33.914.474.491**	**33.914.474.491**
- Trích khấu hao TSCĐ	33.914.474.491	33.914.474.491
Giảm trong năm	**46.329.260.887**	**46.329.260.887**
- Trả lại tài sản thuê	30.781.822.763	30.781.822.763
- Giảm khác	15.547.438.124	15.547.438.124
Số cuối năm	**86.842.255.446**	**86.842.255.446**
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	**286.368.203.644**	**286.368.203.644**
Số cuối năm	**193.392.017.228**	**193.392.017.228**

10 . Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng TSCĐ vô hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	**330.913.741.312**	**1.452.923.810**	**4.775.930.493**	**89.897.000**	**337.232.492.615**
Tăng trong năm	**5.872.550.000**	**-**	**1.401.849.000**	**2.367.532.307**	**11.318.377.307**
- Mua sắm	5.872.550.000	-	1.401.849.000	2.367.532.307	9.641.931.307
- Tăng khác	1.676.446.000	-	-	-	1.676.446.000
Giảm trong năm	**41.818.500.000**	**-**	**96.071.199**	**-**	**41.914.571.199**
- Giảm khác	41.818.500.000	-	96.071.199	-	41.914.571.199
Số cuối năm	**294.967.791.312**	**1.452.923.810**	**6.081.708.294**	**2.457.429.307**	**306.636.298.723**
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	**100.709.247**	**443.620.789**	**1.183.846.590**	**37.434.304**	**1.765.610.930**
Tăng trong năm	**57.338.949**	**154.584.756**	**367.010.783**	**27.617.065**	**606.551.553**
- Trích khấu hao	57.338.949	154.584.756	367.010.783	27.617.065	606.551.553
Giảm trong năm	**-**	**-**	**26.206.493**	**-**	**26.206.493**
- Giảm khác	-	-	26.206.493	-	26.206.493
Số cuối năm			**1.524.650.880**	**65.051.369**	**2.345.955.990**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm			**3.592.083.903**	**52.462.696**	**335.466.881.685**
Số cuối năm			**4.557.057.414**	**2.392.377.938**	**304.290.342.733**

11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án trang trại chăn nuôi, bãi đỗ xe tại ML Quảng bình	3.604.840.652	11.436.711.717
Dự án Trạm dừng Chân - Lao Bảo	3.169.970.684	2.867.855.070
Dự án Công trình thủy điện Lala - Tỉnh Quảng Trị trong Năng lượng Mai Lin	-	10.763.718.600
Dự án I-mark Salon	1.252.533.525	1.129.728.071
Xây dựng nhà máy nước tinh khiết giai đoạn II	-	-
Xây dựng trụ sở văn phòng ở Cầu Giấy	17.194.682.256	5.121.850.138
Xây dựng trụ sở văn phòng ở Thanh Hóa	15.897.845.141	1.392.134.385
Mua sắm tài sản		
Mua sắm phương tiện vận tải	23.397.446.297	33.050.421.288
Quyền sử dụng đất Quận Gò Vấp	74.345.000.000	74.345.000.000
Quyền sử dụng đất tại An Lạc - HCM	133.065.400.000	133.065.400.000
Quyền sử dụng đất Tạ Quang Bửu - HCM	64.747.619.200	64.747.619.200
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	**86.172.064.076**	**40.658.163.597**
Cộng	**422.847.401.831**	**378.578.602.066**

12 . Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cơ sở hạ tầng	Khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	**36.282.520.000**	**885.480.000**	-	-	**37.168.000.000**
Tăng trong năm	-	**1.641.815.300**	-	-	**1.641.815.300**
- Nhận chuyển nhượng	-	1.641.815.300	-	-	1.641.815.300
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	**36.282.520.000**	**2.527.295.300**	-	-	**38.809.815.300**
- Thanh lý, nhượng bá	-	-	-	-	-
- Giảm khác	36.282.520.000	2.527.295.300	-	-	38.809.815.300
Số cuối năm	-	-	-	-	-
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Trích khấu hao	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bá	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	**36.282.520.000**	**885.480.000**	-	-	**37.168.000.000**
Số cuối năm	-	-	-	-	-

13 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Đầu tư vào công ty liên kết	19.125.620.967	68.169.257.022
Đầu tư dài hạn khác	264.837.322.833	230.815.608.233
Cộng giá gốc các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**283.962.943.800**	**298.984.865.255**
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	**283.962.943.800**	**298.984.865.255**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được chi tiết như sau:

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công ty Bảo Toàn A	7.350.000.000	7.350.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiết kế và In Bao bì Năng Động	281.964.867	281.964.867
Công ty Cổ phần Du lịch Toàn Cầu Mai Linh	313.656.100	313.656.100
Công ty Cổ phần Năng lượng Mai Linh	11.180.000.000	-
Công ty TNHH Ô tô Hướng Đinh	-	408.000.000
Công ty Cổ phần sản xuất Ô tô Mai Linh	-	34.189.636.055
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	16.626.000.000
Công ty Cổ phần Phú Thành	-	9.000.000.000
Cộng	**19.125.620.967**	**68.169.257.022**

Các khoản đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Cổ phiếu B.O.T cầu Phú Mỹ	-	82.500.000.000
Công ty cho thuê tài chính 2 - NHNN&PTNT	53.160.000.000	53.160.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Mai Linh Tây Nam Bộ	48.901.743.920	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh Đông Nam Bộ	35.115.039.463	-
Công ty CP Mai linh Đông Đô	16.626.000.000	-
Ông Hồ Minh Châu	15.303.716.000	-
Công ty Cổ phần xăng dầu An pha	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế Viettel	14.400.000.000	14.400.000.000
Dự án hầm Đèo Cả	13.600.000.000	-
Công ty CP Du Lịch Đồng Nai	-	10.750.000.000
Trái phiếu NHNN&PTNT	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty CP Phú Thành	9.000.000.000	-
Công ty CP VTTH Mai Linh	1.800.000.000	7.900.000.000
Công ty Cổ phần sản xuất Ô tô Mai Linh	6.800.000.000	6.800.000.000
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	1.548.000.000	6.548.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Campuchia	4.879.391.450	4.879.391.450
Công ty CP Đầu Tư đô thị Mai Linh Thăng Long	1.920.000.000	-
Công ty Cổ phần Tin học Việt Linh	1.639.000.000	1.639.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần VC Sài gòn Tourist	2.032.000	1.023.648.000
Công ty Xuân Mai	680.000.000	-
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	-	801.000.000
Cty CP CNTT & TT Mai Linh (ICT)	581.750.000	581.750.000
Công ty KTĐĐ & DVCC Sài Gòn	77.000.000	-
Đơn vị khác	-	97.160.000
Cá nhân và tổ chức khác	14.803.650.000	15.735.658.783
Cộng	**264.837.322.833**	**230.815.608.233**

14 . Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí bảo hiểm	4.280.922.564	6.517.021.813
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	20.948.950.176	30.392.283.129
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	25.390.535.941	25.954.228.385
Chi phí quảng cáo chờ phân bổ	15.852.566.883	15.574.185.173
Chi phí đào tạo	25.909.805.367	16.081.464.126
Chi phí lãi vay đầu tư xây dựng bất động sản	102.387.976.220	64.097.377.443
Chi phí trả trước dài hạn khác	47.812.602.982	27.173.862.001
Cộng	**242.583.360.133**	**185.790.422.070**

15 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ	20.744.241.335	22.410.329.944
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
Cộng	**20.744.241.335**	**22.410.329.944**

16 . Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ký quỹ thuê xe	7.107.995.780	34.783.269.241
Ký quỹ bảo lãnh thanh toán	-	2.250.000.000
Đặt cọc thuê văn phòng	736.920.000	731.989.900
Ký quỹ dài hạn khác	16.818.904.362	670.746.023
Cộng	**24.663.820.142**	**38.436.005.164**

17 . Lợi thế thương mại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	69.808.554.362	72.887.374.666
Phát sinh trong năm	5.407.987.915	6.153.374.436
Phân bổ trong năm	(8.957.413.403)	(9.232.194.740)
Số dư cuối năm	**66.259.128.874**	**69.808.554.362**

(*) Thời gian phân bổ lợi thế thương mại là 10 năm

18 . Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Vay ngân hàng	291.521.495.070	235.391.896.677
Vay ngắn hạn cá nhân và tổ chức khác	475.980.979.879	367.982.535.564
Vay dài hạn đến hạn trả	471.019.057.159	408.677.390.837
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	44.830.992.296	66.077.701.768
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	-	77.198.814
Cộng	**1.283.352.524.404**	**1.078.206.723.660**

Vay ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 0,7%/ tháng đến 1,675%/ tháng, được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền sử dụng đất.

Vay cá nhân và các tổ chức là khoản vay tín chấp có thời hạn từ 03 đến 12 tháng, với lãi suất từ 0,58%/tháng đến 2%/tháng.

19 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	25.303.359.200	17.935.485.335
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	5.127.311.111
Thuế xuất, nhập khẩu	24.709.785	5.163.781.690
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.916.590.641	20.449.399.355
Thuế thu nhập cá nhân	4.194.601.847	2.052.234.521
Thuế tài nguyên	554.400	736.560
Các khoản phí, lệ phí	39.006.800	889.495.571
Các loại thuế khác	10.339.184.259	1.473.837.166
Cộng	**63.818.006.932**	**53.092.281.309**

Quyết toán thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 . Chi phí phải trả

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	330.000.000	270.000.000
Trích trước tiền lương 13 tháng của CBCNV	8.299.121.100	2.308.873.000
Chi phí phải trả lãi vay	6.407.340.158	2.623.668.309
Chi phí thuê xe	514.346.118	-
Chi phí thuê văn phòng, trụ sở	351.084.000	198.584.000
Chi phí phải trả khác	8.632.936.356	8.249.484.067
Cộng	**24.534.827.732**	**13.650.609.376**

21 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tài sản thừa chờ xử lý	1.285.427.171	547.689.221
Bảo hiểm xã hội	8.923.715.841	11.326.775.963
Bảo hiểm y tế	392.703.952	1.238.891.207
Kinh phí công đoàn	2.454.257.110	3.505.532.609
Các khoản ký quỹ taxi, ký quỹ ngắn hạn	73.739.652.659	70.310.934.150
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị, rửa xe	21.264.224.157	13.722.234.383
Phải trả tiền đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh	55.890.407.785	87.315.155.111
Phải trả nhân viên, lái xe	-	2.254.543.958
Phải trả thu hộ xe hợp tác kinh doanh	50.457.775.299	7.330.782.523
Các khoản phải trả, phải nộp khác	289.702.049.228	202.521.162.791
Cộng	**504.110.213.202**	**400.073.701.916**

22 . Phải trả dài hạn khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ký quỹ lái xe	28.847.585.777	58.428.980.781
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	87.174.218.747	19.024.473.981
Phải trả dài hạn khác	25.491.964.629	19.330.326.606
Cộng	**141.513.769.153**	**96.783.781.368**

23 . Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Vay ngân hàng	781.034.725.429	878.196.161.690
Vay đối tượng khác	916.117.986.740	947.233.017.626
Thuê tài chính	58.968.684.818	127.882.995.867
Nợ dài hạn khác	18.716.670.791	1.130.414.705
Cộng	**1.774.838.067.778**	**1.954.442.589.888**

Các khoản vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 2 năm đến 7 năm, với lãi suất từ 10,5%/năm đến 21%/năm, được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền sử dụng đất

Các khoản vay dài hạn cá nhân, tổ chức khác là các khoản vay tín chấp có thời hạn từ 13 đến 60 tháng với lãi suất 1% đến 1,75%/tháng được sử dụng chủ yếu để mua sắm phương tiện vận tải

Các khoản nợ thuê tài chính là khoản nợ theo các hợp đồng thuê mua tài sản có thời hạn thuê từ 48 đến 60 tháng với lãi suất từ 1,3% đến 1,6%/ tháng. Các khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn thuê tài chính

24. Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
1. Số dư đầu năm trước	**707.164.270.000**	**225.200.535.598**	**-**	**(420.400.000)**	**1.514.820.326**	**2.052.239.047**	**(223.301.393.211)**	**712.210.071.760**
2. Tăng trong năm trước	**168.737.110.000**	**-**	**420.000.000**	**-**	**834.705.243**	**2.520.593.899**	**(40.013.139.634)**	**132.499.269.508**
Tăng vốn trong năm trước	168.737.110.000	-	420.000.000	-	-	-	-	169.157.110.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(41.886.995.456)	(41.886.995.456)
Tăng khác trong năm trước	-	-	-	-	834.705.243	2.520.593.899	1.873.855.822	5.229.154.964
3. Giảm trong năm trước	**-**	**172.429.104.346**	**-**	**1.027.900.269**	**-**	**2.208.734.608**	**12.430.856.351**	**188.096.595.574**
Giảm vốn trong năm trước	-	172.429.104.346	-	1.027.900.269	-	-	-	173.457.004.615
Trích quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	2.520.593.898	2.520.593.898
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	-	2.045.207.218	2.045.207.218
Giảm khác trong năm trước	-	-	-	-	-	2.208.734.608	7.865.055.235	10.073.789.843
4. Số dư đầu năm nay	**875.901.380.000**	**52.771.431.252**	**420.000.000**	**(1.448.300.269)**	**2.349.525.569**	**2.364.098.338**	**(275.745.389.196)**	**656.612.745.694**
5. Tăng trong năm nay	**-**	**-**	**-**	**(336.810.694)**	**3.637.992.441**	**1.278.449.707**	**72.057.132.785**	**76.636.764.239**
Tăng vốn trong năm	-	-	-	(336.810.694)	3.637.992.441	1.278.449.707	-	4.579.631.455
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	68.542.760.423	68.542.760.423
Lợi nhuận khác sau thuế	-	-	-	-			2.360.849.936	2.360.849.936
Tăng khác trong năm	-	-	-	-	-	-	1.153.522.426	1.153.522.426
6. Giảm trong năm	**-**	**74.000.000**	**420.000.000**	**(118.958.979)**	**1.207.816.951**	**244.934.736**	**14.204.453.527**	**16.032.246.235**
Giảm vốn trong năm	-	74.000.000	420.000.000	(118.958.979)	-	-		
Phân phối lợi nhuận trong năn	-	-	-	-	457.642.435	152.547.478	10.233.129.546	10.843.319.459
Giảm khác trong năm	-	-	-	-	750.174.516	92.387.258	3.971.323.981	4.813.885.755
7. Số dư cuối năm nay	**875.901.380.000**	**52.697.431.252**	**-**	**(1.666.151.984)**	**4.779.701.059**	**3.397.613.309**	**(217.892.709.939)**	**717.217.263.698**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	875.901.380.000	875.901.380.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	875.901.380.000	875.901.380.000

d. Cổ phần	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	98.000.000	98.000.000
- Số lượng cổ phần đã phát hành	87.590.138	87.590.138
+ Cổ phần phổ thông	*87.590.138*	*87.590.138*
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	87.497.898	87.497.898
+ Cổ phần phổ thông	*87.497.898*	*87.497.898*
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	92.240	92.240
+ Cổ phiếu phổ thông	*92.240*	*92.240*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phần đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	**(275.745.389.196)**	**(223.301.393.211)**
Lợi nhuận trong năm	68.542.760.423	(41.886.995.456)
Tăng khác	1.153.522.426	1.873.855.822
Lợi nhuận khác	2.360.849.936	-
Trích các Quỹ	(10.233.129.546)	(2.520.593.898)
Trả cổ tức	-	(2.045.207.218)
Giảm khác	(3.971.323.981)	(7.865.055.235)
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối kỳ	**(217.892.709.939)**	**(275.745.389.196)**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

25. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu dịch vụ taxi	2.162.024.023.776	1.853.911.029.057
Doanh thu dịch vụ du lịch, bán vé	29.264.791.550	16.290.596.475
Doanh thu dịch vụ xe cho thuê	10.472.158.759	4.848.989.298
Doanh thu dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa	26.730.192.391	41.546.250.734
Doanh thu dịch vụ cho thuê xe	119.550.737.885	140.658.406.350
Doanh thu chuyển nhượng bán bất động sản, chuyển quyền thuê đất và hoạt động xây dựng khác	48.799.374.160	-
Doanh thu bán xe	169.885.680.728	229.738.994.575
Doanh thu bán vật tư, phụ tùng, hàng hóa	33.499.785.271	59.287.776.271

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động may mặc, nước uống	13.258.393.251	16.737.508.006
Doanh thu DVVT hành khách đường bộ (dịch vụ Express, chạy theo hướng cố định)	63.460.716.620	2.945.254.883
Doanh thu quản lý xe hợp tác kinh doanh	24.116.098.256	1.849.790.456
Doanh thu từ bán các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản	5.690.202.000	2.622.327.100
Doanh thu dịch vụ khách sạn, nhà hàng	7.683.489.379	19.290.748.660
Doanh thu các dịch vụ đào tạo	2.048.060.560	2.605.470.000
Doanh thu các dịch vụ khác	63.381.792.701	36.651.762.476
Cộng	**2.779.865.497.287**	**2.428.984.904.341**

26 . Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ taxi	1.618.892.560.173	1.406.999.840.600
Giá vốn dịch vụ du lịch, bán vé	23.890.655.894	17.327.594.488
Giá vốn dịch vụ xe cho thuê	8.459.637.906	2.848.376.486
Giá vốn dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa	18.638.074.917	29.225.685.888
Giá vốn dịch vụ cho thuê xe	37.634.477.280	32.879.339.132
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư	34.876.660.831	-
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư và hoạt động xây dựng khác	11.466.455.411	-
Giá vốn bán xe	166.847.584.267	204.907.820.045
Giá vốn bán vật tư, phụ tùng, hàng hóa	26.222.191.178	54.617.056.494
Giá vốn hoạt động may mặc, nước uống	5.577.873.073	8.993.727.742
Giá vốn dịch vụ vận tải hành khách đường bộ (dịch vụ Express, chạy theo hướng cố định)	35.898.168.140	2.975.128.069
Giá vốn quản lý xe hợp tác kinh doanh	5.836.378.697	1.268.349.215
Giá vốn từ bán các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi tròng thủy hải sản	5.745.639.606	2.530.854.664
Giá vốn dịch vụ khách sạn, nhà hàng	6.115.400.856	14.845.078.843
Giá vốn các dịch vụ đào tạo	601.487.534	1.467.604.070
Giá vốn các dịch vụ khác	29.680.920.371	14.511.990.357
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(107.226.939)
Cộng	**2.036.384.166.132**	**1.795.291.219.154**

27 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.435.962.659	5.543.263.613
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết	776.916.480	2.297.127.966
Lãi về hoạt động đầu tư chứng khoán	9.644.844.853	2.967.438.160
Lãi chênh lệch tỷ giá	835.186.580	528.735.043
Thu lãi bán hàng trả chậm, trả góp	10.914.013.323	5.759.561.865
Thu nhập từ hoạt động cho thuê nhãn hiệu	32.753.906.910	5.829.019.085
Doanh thu hoạt động tài chính khác	54.030.272.161	4.845.296.839
Cộng	**112.391.102.966**	**27.770.442.571**

28 . Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	347.201.201.805	295.384.102.076
Lãi thuê mua tài chính	3.636.694.615	1.229.307.518
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	146.005.500	(918.000.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	342.140.934	3.681.125.205
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn, dài hạn	(170.500.000)	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	2.727.684.364	10.067.740.663
Cộng	**353.883.227.218**	**309.444.275.462**

29 . Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	9.993.173.281	14.293.180.024
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	2.034.526.221	1.082.838.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	128.541.496	39.607.936
Chi phí quảng cáo, tiếp thị, hoa hồng	33.579.718.544	31.575.985.873
Chi phí dự phòng	-	9.974.862.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.129.715.633	14.647.727.273
Chi phí bằng tiền khác	18.596.704.902	22.470.474.813
Cộng	**122.462.380.077**	**94.084.677.673**

30 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	145.831.442.803	133.620.903.920
Chi phí vật liệu	8.804.810.827	4.385.135.362
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.891.921.354	11.486.024.966
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.196.386.054	12.400.755.964
Thuế, phí và lệ phí	973.532.000	2.060.989.484
Chi phí dự phòng	7.295.393.922	656.391.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.183.397.674	43.356.428.652
Chi phí bằng tiền khác	55.028.227.133	67.623.889.093
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	231.950.748	1.327.038.123
Lợi thế thương mại	8.526.154.854	16.521.187.078
Cộng	**288.963.217.369**	**293.438.744.622**

31 . Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	1.482.393.724	4.128.080.766
Khoản phải thu khó đòi đã xóa sổ nay thu lại được	2.046.600	2.667.579.980
Nợ phải trả không xác định được chủ	23.120.129	598.555.688
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	118.252.163.783	236.081.694.563
Thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại	18.177.763	-
Thu nhập khác	25.023.807.097	43.071.001.752
Cộng	**144.801.709.096**	**286.546.912.749**

32 . Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền phạt, tiền bồi thường	2.367.240.261	691.659.065
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	105.318.454.304	201.270.648.491
Chi phí khác	8.899.631.088	30.350.805.536
Cộng	**116.585.325.653**	**232.313.113.092**

33 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty con	26.553.550.507	22.832.250.358
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	**26.553.550.507**	**22.832.250.358**

34 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(3.306.255.948)	(230.361.941)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.704.045.628	7.624.086.241
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
Cộng	**(602.210.320)**	**7.393.724.300**

35 . Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**68.542.760.423**	**(41.886.995.456)**
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	68.542.760.423	(41.886.995.456)
Cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của công ty mẹ	87.497.898	70.692.909
Lãi cơ bản trên cổ phần	**783**	**(593)**

VII. THÔNG TIN KHÁC

1 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Tập đoàn

2 . Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Tập đoàn không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình

4 . Những thông tin khác

Năm 2010 Tập đoàn thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, các khoản công nợ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (Chỉ tiêu chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào thu nhập như những năm trước.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

VIII. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tổng Giám đốc của Công ty CP Tập đoàn Mai Linh xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty lập theo lĩnh vực kinh doanh.

Phân chia hoạt động thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh

- Dịch vụ taxi
- Dịch vụ xe cho thuê
- Bán vật tư, phụ tùng
- Vận tải hành khách
- Bán các sản phẩm nông nghiệp
- Hoạt động khác

VIII. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Nhằm phục vụ cho mục đích quản lý, Tập đoàn phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh															
	Doanh thu dịch vụ taxi		Doanh thu cho thuê tài sản		Doanh thu dịch vụ hành khách đường bộ, du lịch, bán vé, xe bus		Doanh thu bán xe ô tô, v.tư, phụ tùng, nước khoáng, xăng dầu, trồng trọt, chăn nuôi, KD BĐS, dệt may		Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe ô tô, Q.lý xe TQ, nhà hàng, đào tạo và dịch vụ khác		Cộng		Loại trừ		Hợp nhất	
	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009
Doanh thu																
Khách hàng bên ngoài	2.162.024	1.854.287	130.023	143.688	92.726	19.236	275.067	309.766	120.026	102.008	2.779.865	2.428.985			2.779.865	2.428.985
Giữa các bộ phận	428.633	309.039	110.166	108.987	-	-	41.681	80.221	31.346	72.509	611.826	570.756	611.826	570.756	-	-
Tổng cộng	**2.590.657**	**2.163.326**	**240.189**	**252.675**	**92.726**	**19.236**	**316.748**	**389.987**	**151.373**	**174.517**	**3.391.691**	**2.999.741**	**611.826**	**570.756**	**2.779.865**	**2.428.985**
Kết quả hoạt động kinh doanh																
Lợi nhuận gộp của bộ phận	543.131	447.246	83.929	51.899	32.937	3.951	70.673	80.104	12.811	35.846	743.481	619.046	-	-	743.481	633.694
Chi phí không phân bổ															(411.426)	(387.523)
Thu nhập tài chính															112.391	27.770
Chi phí tài chính															(353.883)	(309.444)
Thu nhập từ công ty liên kết															(1.296)	2.166
Thuế thu nhập doanh nghiệp															(25.951)	(30.226)
Lợi nhuận sau thuế															91.533	(9.329)
Lợi ích cổ đông thiểu số															(22.990)	(32.557)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh															90.564	(35.503)
Lợi nhuận khác															28.216	54.234
Lợi nhuận thuần															**68.543**	**(41.887)**

Các thông tin khác

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh															
	Doanh thu dịch vụ taxi		Doanh thu cho thuê tài sản		Doanh thu dịch vụ hành khách đường bộ, du lịch, bán vé, xe bus		Doanh thu bán xe ô tô, v.tư, phụ tùng, nước khoáng, xăng dầu, sp trồng trọt, chăn nuôi, KD BĐS, dệt may		Doanh thu dịch vụ sửa chữa xe ô tô, Q.lý xe TQ, nhà hàng, đào tạo và dịch vụ khác		Cộng		Loại trừ		Hợp nhất	
	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009
Tài sản của bộ phận phân bổ	3.635.140	3.016.182	337.026	233.723	130.110	31.289	444.452	503.865	212.402	168.148	4.759.130	3.953.207			3.900.632	3.953.207
Khoản đầu tư vào công ty liên kết															19.126	68.169
Tài sản không phân bổ															1.335.472	1.053.144
Tổng tài sản hợp nhất															**5.255.230**	**5.074.520**
Nợ phải trả của bộ phận phân bổ	934.952	1.540.481	86.683	119.371	33.464	15.981	114.312	257.343	54.630	84.745	1.224.040	2.017.921			1.003.236	2.065.865
Nợ phải trả không phân bổ															3.058.191	1.887.513
Tổng nợ phải trả hợp nhất															**4.061.427**	**3.953.378**
Chi phí mua sắm tài sản	795.689	789.698	73.771	61.193	28.480	8.192	97.285	131.922	46.492	43.443	1.041.717	1.034.448	-	-	853.802	1.034.448
Chi phí khấu hao	321.966	255.888	29.851	19.829	11.524	2.655	39.365	42.747	18.813	14.077	421.519	335.195	-	-	345.481	335.195

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức của Tập đoàn, những thông tin dưới đây còn trình bày theo khu vực địa lý.

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	TP.HCM		Đông Bắc Bộ		Bắc Trung Bộ		NTB & TN		Đông Nam Bộ		Tây Nam Bộ		Loại trừ		Hợp nhất	
	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009	2010	2009
Doanh thu																
Từ khách hàng bên ngoài	1.234.987	1.173.139	937.471	543.267	273.298	180.807	334.109	234.294	-	181.621	-	115.857	-	-	2.779.865	2.428.985
Giữa các bộ phận	572.124	477.252	-	54.857	5.983	8.952	33.719	6.522	-	20.204	-	2.967	611.826	570.754	-	-
Tổng cộng	**1.807.111**	**1.650.391**	**937.471**	**598.124**	**279.282**	**189.759**	**367.828**	**240.816**	**-**	**201.825**	**-**	**118.824**	**611.826**	**570.754**	**2.779.865**	**2.428.985**
Tài sản của bộ phận	2.873.032	2.457.681	1.346.317	1.166.467	338.190	332.983	697.818	626.313	-	282.684	-	208.392	-	-	5.255.357	5.074.520
Chi phí mua sắm tài sản	238.753	159.290	392.480	415.532	89.116	115.601	133.454	196.955	-	83.018	-	64.051	-	-	853.802	1.034.448
Chi phí khấu hao	135.186	151.226	134.490	79.160	36.331	24.025	39.475	30.465	-	35.435	-	14.884	-	-	345.481	335.195

IX. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL. Số liệu này đã được điều chỉnh, phân loại lại cho phù hợp với các các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 do:

- Thông tư 244/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán hiện hành được áp dụng hồi tố.
- Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Tập đoàn Taxi Mai Linh, khoản công nợ phải thu tại Công ty TNHH Gia Định Taxi 2.195.061.942 không xác định được đối tượng đã được điều chỉnh sang chi phí khác. Tuy nhiên, theo Biên bản kiểm tra của Công ty Cổ phần Taxi Mai Linh ngày 05/04/2010, khoản công nợ đã xác định được đối tượng và được điều chỉnh hồi tố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2011

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
CHUNG TRẦN QUỐC HUY	HỒ HUY

MAILINH GROUP

MAILINH - Màu xanh cuộc sống !

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

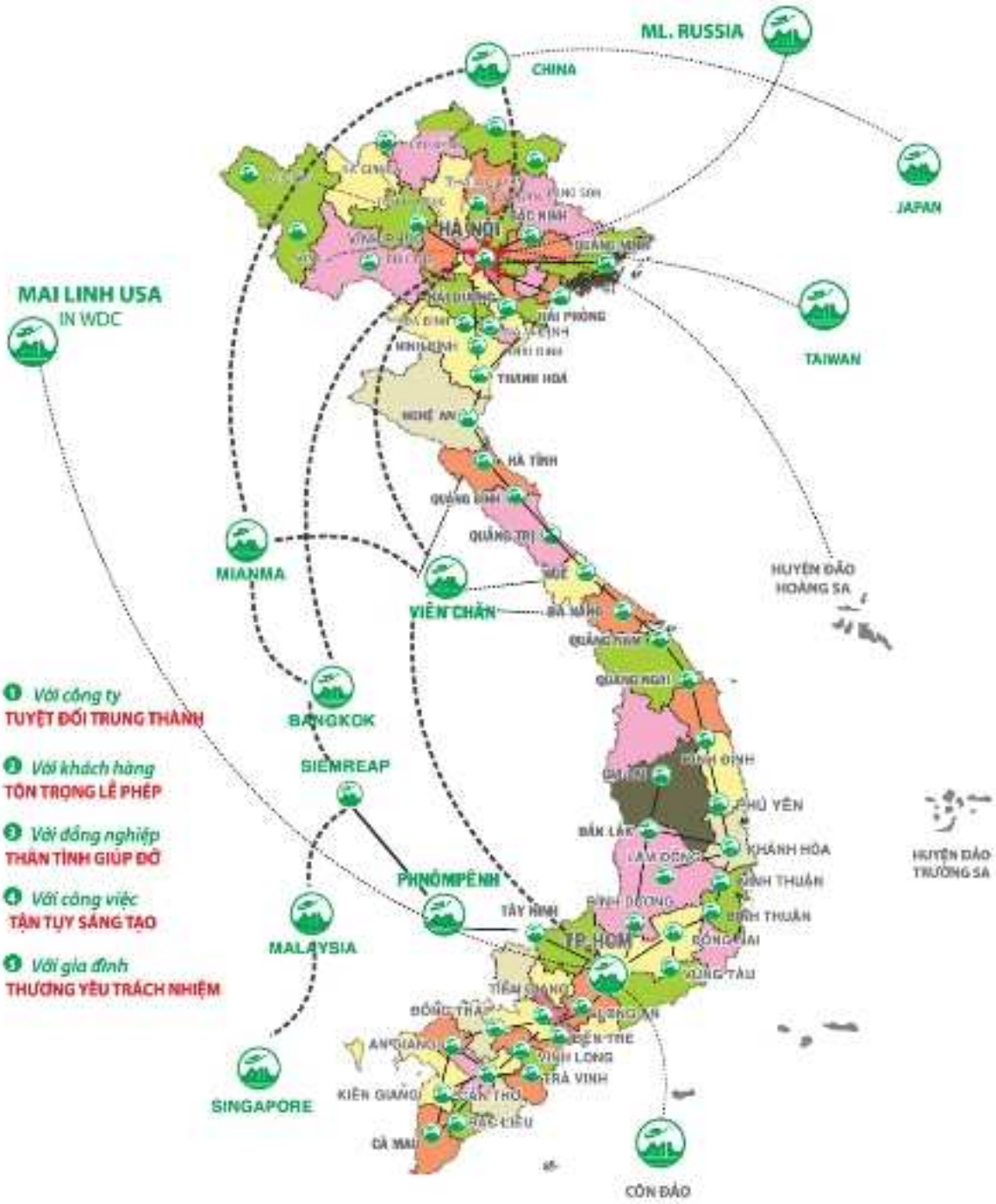

1. *Với công ty*
TUYỆT ĐỐI TRUNG THÀNH

2. *Với khách hàng*
TÔN TRỌNG LẺ PHÉP

3. *Với đồng nghiệp*
THÂN TÌNH GIÚP ĐỠ

4. *Với công việc*
TẬN TỤY SÁNG TẠO

5. *Với gia đình*
THƯƠNG YÊU TRÁCH NHIỆM

MAILINH TAXI

MAILINH EXPRESS

MAILINH DU LỊCH

MAILINH ĐÀO TẠO

MAILINH TÀI CHÍNH

MAILINH XÂY DỰNG

MAILINH THƯƠNG MẠI

MAILINH TƯ VẤN & QUẢN LÝ

MAILINH VỆ SĨ

1.TẦM NHÌN
* Trở thành nhà cung cấp sản phẩm và dịch vụ tốt nhất nơi chúng tôi có mặt

2.SỨ MẠNG
* Mang sự hài lòng đến cho mọi người nâng tầm và phát triển văn hóa Việt vì cuộc sống tốt đẹp hơn.

3. GIÁ TRỊ CỐT LÕI
* Hiệu quả - Tiên phong - Làm chủ - Chuyên nghiệp - Chung sức chung lòng - Linh hoạt

Customers mean everything

NGÀNH VẬN TẢI CHỦ LỰC CỦA TẬP ĐOÀN MAI LINH LÀ KINH DOANH VCHKCC BẰNG TAXI